



SỬ ĐỊA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯỞNG

HOÀNG-XUÂN-HÃN

- Những lời thề của Lê-Lợi ★ ★

NGUYỄN-THẾ-ANH

- Thuyết Mác-Xít và sự giải thích lịch sử bằng những nguyên nhân Kinh-tế và Xã-hội.

LÂM-THANH-LIÊM

- Thử phác-họa những nét đại-cương về Địa-lý hình-thế của Nam-Phần Việt-Nam.

BỬU-CÀM

- Các sứ bộ do triều Nguyễn phái sang nhà Thanh.

PHẠM-CAO-DƯƠNG

- Một vài chủ trương của triều đình Huế trong Hòa ước Quý Mùi.

PHAN-KHOANG

- Đại Nam Thực Lục Chính Biên.

SỬ ĐỊA

TẬP-SAN SƯU-TÀM, KHẢO-CỨU, GIÁO-KHOA.

BAN CHỦ BIÊN :

Nguyễn-thế-Anh, Bửu-Cầm, Phan-Khoang, Lâm-thanh-Liêm, Phạm-văn-Sơn, Thái-việt-Điều, Phạm-cao-Dương, Phù-Lang, Quách-thanh-Tâm, Trần-đăng-Đại, Phạm-đình-Tiểu, Nguyễn-khắc-Ngũ, Phạm-long-Điền, Trần-anh-Tuấn, Nguyễn-thái-An, Trần-quốc-Giám, Lan-Đài, Nguyễn-sao-Mai.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG-XUYỀN CỦA :

Hoàng-xuân-Hãn, Chen-ching-Ho, Thích-thiện-Ân, Lê-văn-Hảo, Nguyễn-văn-Hầu, Tạ-trọng-Hiệp, Nguyễn-trần-Huân, Phạm-văn-Điêu, Bửu-Kế, Nguyễn-khắc-Kham, Trương-bửu-Lâm, Lê-hữu-Mục, Nguyễn-Phương, Hồ-hữu-Tường, Lê-thọ-Xuân, Ưng-Trinh, Nghiêm-Thâm, Tô-Nam, Bùi-quang-Tung.

BAN TRI-SỰ :

Nguyễn-Nhã, Nguyễn-nhật-Tán, Nguyễn-ngọc-Trác, Trần-đình-Thọ, Nguyễn-hữu-Phước, Nguyễn-thị-Nghĩa, Phạm-thị Bắc-Hà, Huỳnh-thị Kim-Cúc, Phạm-thị Kim-Cúc, Trần-Ngọc-Ban.

Thư từ, bài vở, tiền bạc xin gửi :

NGUYỄN-NHÃ

221 Cộng-Hòa; Sài-gòn; B.P. : 380

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Tập San Sĩ-Địa đã mạnh dạn gửi tới tay những bạn đọc xa gần số đầu tiên.

Đang ở thời loạn ly, giữa lúc mọi người đương lao đầu vào một cuộc sống vội-vã, chỉ biết hôm nay mà không biết đến ngày mai, giữa lúc như có người đã nói là « chỉ phảng phất cái uy thừa của bốn ngàn năm văn hiến », tập san Sĩ-Địa ra đời chẳng khác chi làm cái chuyện phi lý là đem đến những đồ ăn khó tiêu cho người đang bị bệnh về tiêu hóa trầm trọng. Tập san Sĩ-Địa tưởng đâu sẽ bị dập vùi trong sự cạnh tranh thương mại với bao hấp dẫn thời đại và lẽ sống nhục nhằn trước sự ơ hờ của mọi người.

Nhưng tập san Sử-Địa hiện lại cảm thấy mình còn có đất sống và thật cảm động trước mỗi thiện cảm nhiều khi hết sức nồng nàn, khiến tập san rất nhiều kích lệ. Thế mới biết đất nước này dù có đau khổ tan thương, dù có khi khiến người ta có cảm tưởng văn hóa đang bị xao lãng đến cùng cực, nhưng sức sống của văn hóa lúc nào cũng tiềm tàng mãnh liệt, và chỉ có dịp thuận tiện là có thể chỗi dậy.

Bảy giờ là lúc tập san chờ đợi một sự tiếp tay của những vị thiết tha đến sự vun vén ngành Sử-Địa nước nhà và nền văn-hóa dân tộc, bởi tập san Sử-Địa không bao giờ chủ trương độc quyền cho một phe nhóm nào mà chỉ mong là nơi góp nhặt những tài liệu quý báu, những công trình khảo cứu giá trị của bất cứ ai để truyền lại sự thực lịch sử của ngàn xưa để cho ngàn sau.

Có một điều mà tập san Sử-Địa ước mong là các công trình khảo cứu sao cho có giá trị khoa học đúng mức, mặc dù tập san Sử-Địa luôn nghĩ đến tác dụng của ngành Sử-Địa, là chất liệu chính yếu để nuôi dưỡng tinh thần quốc gia dân tộc, nhưng không phải như vậy mà ta có thể bẻ queo, bóp méo sự thực lịch sử, trái lại các công trình nghiên cứu phải theo một phương pháp khoa học, sự thực lịch sử luôn được tôn trọng.

Trên bước đường tiến tới một trình độ khảo cứu khoa học chân chính, cũng như đạt tới một quan niệm khảo cứu phù hợp với sự tiến bộ của sự nghiên cứu ngành Sử-Địa hiện đại, với thực lực hiện nay, tập san nghĩ rằng cần phải có một sự cố gắng lớn lao, nó đòi hỏi ở một thời gian cũng như những cố gắng của mọi người.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

đề kiến-thiết
quốc - gia

NGHIÊN CỨU QUỐC-SỬ

LÀ CÔNG VIỆC TỐI CẦN THIẾT TRONG LÚC NÀY

● PHAN-KHOANG

MỘT THÁI ĐỘ THỜ-Ơ ĐÁNG TIẾC.

Một quốc-gia đương ở trong tình-trạng dao động, biến cải, lịch-sử dĩ vãng ắt làm phát sinh một lực lượng đề chỉ đạo cho bước đường phải đi. Ấy là cái lệ chung thường nhận thấy trong lịch-sử nhân loại. Vả, nếu không như thế thì Lịch-sử không thành là một thứ học-vấn, và sự diễn tiến của nhân loại cũng không có tính cách lịch-sử.

Quốc-gia Việt-nam từ vài mươi năm lại đây, đương trải qua một giai-đoạn dao động hiểm nghèo, biến cải cần thiết, chưa từng có từ trước; thế mà, chẳng may, quốc-dân đối với quốc-sử, sự nhận thức rất nghèo nàn, thiếu sót, mô-hồ. Đó là một điều rất đáng buồn, đáng tiếc!

Lịch-sử là cái học bao gồm tất cả các ngành khoa-học nhân-văn, lượm lặt tất cả kinh-nghiệm về xã-hội, về chính-trị, về kinh-tế của con

người sống trong xã-hội quá khứ là chỗ hiện tại bắt nguồn. Có ý thức quá khứ mới có thể cải tiến hiện tại, và tạo con đường phải đi cho tương lai.

Chữa bệnh ắt trước phải biết rõ tạng phủ của bệnh nhân, căn nguyên của chứng bệnh ; làm nhà ắt trước xét kỹ nền móng rồi mới liệu cách cất, xây. Hơn 4000 năm lịch-sử của Việt-nam là tự-liệu tối cần yếu để giải thích, ý thức cơn khủng hoảng hiện nay, tìm được một con đường thoát, một lối giải quyết thích đáng cho cơn khủng hoảng ấy ; hơn 4000 năm lịch-sử là cơ-sở duy-nhất để căn cứ mà kiến thiết, mà xây dựng một nước Việt-nam mới-mẻ, xứng hợp với thời-thế. Không thể nào thờ-ơ với quốc-sử, vì bội tinh-thần quốc sử mà những người có trách nhiệm có thể thành công trong hai công-tác ấy.

Chúng ta nên nhớ rằng sau lưng chúng ta, hoặc dưới đáy lòng chúng ta, có một thể-lực tiềm tàng của lịch-sử, của văn-hóa truyền thống nó mặc-nhiên, và ở chỗ minh minh chỉ trung, thao túng chúng ta, nó đề cho ta chấp nhận điều này, nó buộc ta từ khước điều nọ, mà một cách rất xứng hợp, nhưng chúng ta không biết, không thấy đó thôi.

Ý-NGHĨA VÀ GIÁ-TRỊ LỊCH-SỬ : TINH-THẦN NHẤT QUÁN TỪ DĨ-VẮNG, QUA HIỆN-TẠI, ĐẾN TƯƠNG-LAI.

Có người nói rằng : Lịch-sử không tái diễn, việc xưa đã qua không trở lại, việc đời mỗi ngày mỗi khác, sự thể thời hiện-đại khác xa thời trung-cổ, thời trung-cổ khác xa thời thượng-cổ ; chúng ta muốn tiến tới, hà tất phải nhờ lịch-sử chỉ dẫn ?

Đối với điểm thắc-mắc quan trọng ấy, cần phải bàn rõ. Các nhà tâm-lý học nói rằng con người mang ở trong mình nhiều chất thuộc tế-bào, nhiều đức-tính của cha mẹ, của tổ-tiên xa xăm, rồi truyền lại cho con cháu. Vì vậy, con người dính dáng với tổ tiên và con cháu, liên hệ với dĩ-vãng và tương lai, và hình như hỗn hợp với các thế-hệ trước mình và sau mình ấy. Đoàn-thể nhân loại là gồm những người sống, người chết và những người chưa sinh ra nữa. Và trong đáy lòng của mỗi người, dưới cái bản-ngã riêng của mình, còn cái bản-ngã chung

nữa, nó là cái kết tinh của những phong-tục, tập-quán, đạo-đức, giáo-dục, tư tưởng, chính-trị, tôn-giáo của những thế-hệ từ tiên xa xưa, trải qua mấy nghìn năm trong lịch-sử, góp, tụ lại. Hãy tạm gọi cái bản ngã chung ấy là hồn dân-tộc. Hồn dân-tộc rất có sức mạnh, trong nhiều trường-hợp, nó điều khiển, chi phối cái bản ngã của con người mà người ấy không biết. Hồn dân-tộc ấy, không thể trừ bỏ nó một cách dễ dàng.

Lịch-sử là sinh mạng của dân-tộc, của quốc-gia. Là sinh-mạng, nó có tính-chất tri cửu, không chỉ tri cửu từ quá khứ đến hiện tại, mà còn đến tương lai nữa. Nghiên cứu lịch-sử, không phải chỉ nghiên cứu quá khứ của quốc-gia, mà là đề căn cứ trên quá khứ ấy để hiểu rõ hiện tại, và dự liệu tương lai nữa. Xa từ quá khứ, xuyên qua hiện tại và thấu đến tương lai, ấy là cái tinh-thần nhất quán của Lịch-sử.

Chúng ta hiện ở Saigon. Saigon trước kia là thuộc-địa của Pháp trong hơn 80 năm. Những điều mắt chúng ta trông thấy ở Saigon ngày nay không chỉ là của Saigon ngày nay mà còn là của Saigon thời đô-hộ Pháp nữa. Nếu chúng ta không hiểu rõ lịch-sử của 80 năm đô-hộ Pháp thì chúng ta cũng không thể hiểu rõ Saigon ngày nay. Vậy giai-đoạn lịch-sử 80 năm ấy, không thể thủ tiêu nó được, nó vẫn còn tồn tại.

Một người bị giam cầm trong ngục tối một thời-gian 5, 3 năm trời, không được đọc báo chí, không được tiếp-xúc với người ngoài. Khi thỉnh-linh được phóng-thích, đọc một tờ báo Saigon, 10 việc, người ấy không thể hiểu được 1, 2. Vì sao ? Vì người ấy không nghe biết những việc đã xảy ra trong 5, 3 năm vừa qua, khi anh còn ở trong tù. Vì vậy đã không hiểu rõ dĩ-vãng thì không thể hiểu rõ hiện tại, chứ đừng nói chi đến tương-lai.

Ấy là vì thời-gian của Lịch-sử và thời-gian theo chúng ta quan niệm, tức thời-gian của vật-lý-học, tự nhiên khoa-học, có chỗ khác nhau — Các khoa-học này, cũng như chúng ta, cho rằng giây phút này là hiện tại, giây phút vừa qua là quá khứ, giây phút sắp đến là tương-lai. Nhưng trong lịch-sử, quá khứ không hẳn là đã qua mắt rồi, tương-lai cũng không hẳn là chưa đến. Vì thời-gian trong lịch-sử có tính-chất miên diên, kéo dài dằng-dằng, và trong sự biến hóa, luôn luôn có tính-chất

ngưng tụ — Ví dụ như qui vị độc giả đương đọc bài « Nghiên cứu quốc-sử là công việc tối cần thiết trong lúc này » của chúng tôi đây, đọc đến dòng này thì những dòng qui vị đã đọc rồi thật sự chưa phải là quá khứ, vì nếu nó thật là quá khứ, đã mất rồi, không còn tồn tại, thì nhứt định qui vị không làm thế nào hiểu được những dòng tiếp theo dưới đó. Vậy muốn hiểu những dòng tiếp theo, nhứt định phải móc nối ý kiến ở những dòng trên với những dòng dưới mới được — Còn những dòng dưới này, tuy qui vị chưa đọc đến, nhưng tất-nhiên rồi qui vị sẽ đọc đến, như vậy nó không hẳn là tương-lai, chẳng qua phải đợi sự lần lần tiến triển mà thôi. Thời-gian của lịch-sử cũng là thế đó.

Suy rộng ra, người Việt-nam đã đoàn kết thành một dân tộc, đã kiến tạo thành một quốc-gia từ hơn 4000 năm đến nay. Vậy ngày nay nếu chúng ta không hiểu rõ lịch-sử 4000 năm ấy thì làm sao hiểu được nước Việt-nam, dân Việt-nam ngày nay ? Mà đã không hiểu rõ nước Việt-nam, dân Việt-nam ngày nay thì có thể nào mưu cầu lợi ích, hạnh phúc cho nhân dân và xứ sở này ở hiện tại và tương lai được ?

Hiểu rõ 4000 năm lịch-sử Việt-nam mới hiểu rõ sanh-mạng của dân-tộc, quốc-gia Việt-nam. Sanh-mạng không thể cắt đứt đoạn, vậy không thể nói rằng sinh mạng ngày hôm nay không dính-dáng gì với sinh-mạng ngày hôm qua. Sanh-mạng ngày hôm nay là do những biến diễn, khai triển từng giây, từng phút của sanh mạng trong những ngày hôm trước mà thành, và nó lại biến diễn, khai triển để thành sanh-mạng trong những ngày mai nữa. Sanh mạng của những ngày hôm trước, thật ra nó không quá khứ, vì quá-khứ là chết rồi. Sinh mạng của quốc-gia, dân-tộc không chết ; không chỉ chúng ta đã gìn giữ nó cho đến ngày nay, mà tất nhiên nó còn có những ngày mai nữa. Trong lịch sử, hết thấy cái gì đã qua đều biến hóa, biến hóa để thành ra ngày nay ; hết thấy cái gì của ngày nay cũng đều biến hóa, biến hóa để dựng dựng cho ngày mai. Quá khứ ấy, hiện tại ấy, tương lai ấy, hết thấy đều biến hóa, nhưng hết thấy đều tồn tại. Thấu suốt đến được quá khứ của hiện tại, mới có được quá khứ của sanh-mạng, thấu suốt đến được hiện tại của tương lai, mới có được hiện-tại của sanh-mạng. Như vậy, sanh-mạng ấy mới có tinh-thần lịch-sử, có tinh-thần lịch-sử mới hình thành lịch-sử.

Nếu quá khứ thật đã qua rồi, không thấu được đến hiện tại, thì ấy là một quá khứ không sanh-mạng, không có ý-nghĩa và giá trị lịch sử. Nếu chúng ta chỉ có ngày nay, không có ngày mai thì cái ngày nay ấy không có ý nghĩa và giá trị lịch-sử. Chúng ta có ngày mai của ngày nay thì ngày nay mới có lịch sử. Đã có lịch-sử, tức là chúng ta phải xem xét hết thấy kinh nghiệm, sự nghiệp của nhân-sinh từ quá khứ, qua hiện tại và suốt đến tương lai. Ý nghĩa của nhân-sinh là ở đó, giá trị của nhân sinh cũng ở đó. Nằm được cái đó là tìm được tinh thần của lịch sử, sinh mạng của dân-tộc, của quốc gia. Phải có sinh-mạng mới có được lực-lượng ấy đề từ quá khứ, thấu qua hiện tại mà suốt đến tương-lai.

Vì vậy, thời-gian của khoa-học nhân-văn có một sanh-mạng ở trong nó, sinh mạng ấy từ quá khứ xuyên qua hiện tại, suốt đến tương lai, thông suốt một mạch. Sanh mạng ấy, lực lượng ấy, là nhân-sinh. Nhân-sinh ấy tạo thành lịch-sử. Lịch-sử là một thứ học-vấn nằm được sinh-mạng của dân-tộc, quốc-gia để nhận thức sanh mạng ấy.

BA DANH-TỪ DÂN-TỘC, VĂN-HÓA, LỊCH-SỬ ĐỒNG MỘT THỰC-CHẤT

Sanh-mạng ấy không phải là sinh-mạng tự-nhiên, không phải là sinh-mạng vật-chất, mà là sanh-mạng tinh-thần. Một cá nhân sống 60, 70 tuổi, ấy chỉ là sinh-mạng tự-nhiên. Lịch-sử của quốc-gia, dân-tộc sống đã mấy nghìn năm. Ấy là sinh-mạng của văn-hóa, sinh-mạng của lịch-sử. Vậy ba danh-từ Dân-tộc, Văn-hóa, Lịch-sử cũng đồng một thực-chất, Dân-tộc không phải nhờ tự-nhiên mà tồn tại tự-nhiên chỉ có thể sanh dục loài người, không thể sanh dục dân-tộc. Một người Việt-nam ắt trong tâm-linh, trong tinh-thần, cảm biết một cách sâu sắc rằng mình là người Việt-nam, mà sự cảm biết ấy là do lịch-sử văn hóa của Dân-tộc Việt-nam nung đúc mà thành, chứ không phải vì tự nhiên mà có. Vậy thì con người tự-nhiên và ý-thức văn hóa dung hợp lại mà gây nên tinh-thần dân-tộc. Ấy cũng là tinh thần văn-hóa, tinh thần lịch-sử. Chỉ có tinh-thần văn-hóa, tinh-thần lịch-sử Việt-nam mới dựng dục ra Dân-tộc Việt-nam. Nếu văn-hóa của Dân-tộc ấy tiêu diệt thì Dân-tộc ấy quyết không thể tồn tại được.

Vậy có thể nói rằng : một Dân-tộc không có văn-hóa thì không có lịch-sử, một dân-tộc không có lịch-sử thì cũng không có văn-hóa. Lịch-sử và văn-hóa đều là cái biểu hiện của tinh thần dân-tộc, cho nên không có lịch-sử, không có văn-hóa thì dân-tộc không thành lập được, không tồn tại được.

Vậy nghiên cứu lịch-sử là nghiên cứu tinh-thần của dân-tộc và tinh-thần của văn-hóa của dân tộc. Nắm được sanh mạng của văn-hóa mới có thể biết rõ dân-tộc.

« BIẾN-HÓA » TRONG « TRI-TỤC »

Sinh mạng tự-nhiên của một cá-nhân có hạn, lâu lắm chỉ đến 100 năm — Còn sanh-mạng của dân-tộc, của lịch-sử văn-hóa thì vô-hạn — Nhưng sanh-mạng của lịch-sử, và sanh-mạng của văn-hóa có hai đặc-trưng : biến-hóa và tri-tục.

Trong các hiện-tượng của tự-nhiên-giới, đã biến-hóa thì không thể tri-tục, đã tri-tục thì không thể biến-hóa. Nhưng trong sanh-mạng lịch-sử, văn-hóa, thì trong sự tri-tục, có sự biến-hóa, và trong sự biến-hóa có sự tri-tục. Nghiên-cứu lịch-sử, phải ở trong cái tri-tục mà tìm cho ra cái biến-hóa, trong cái biến-hóa nắm lấy cái tri-tục.

Vì không có tri-tục thì không còn sanh-mạng, không còn lịch-sử, không còn dân-tộc, không còn văn-hóa ; không có biến-hóa thì không có thay đổi, không có tiến bộ. Một dân-tộc, một quốc-gia, cũng như một con người, thay đổi mãi mãi tùy theo hoàn-cảnh, thời thế, để cho mỗi ngày mỗi tốt hơn, thích hợp với sự sanh tồn hơn, nhưng nếu trong sự thay đổi, không giữ lại cái gì là của mình thì dân-tộc, quốc-gia, con người ấy không còn là dân-tộc ấy, quốc-gia ấy, con người ấy nữa, nó đã chết rồi.

Hai xu-hướng song quan mâu-thuẫn ấy chính là điểm rất tế nhị để thử thách sự khôn ngoan của dân-tộc.

Tri-tục tức là bảo thủ, biến-hóa tức là đổi thay. Phải bảo thủ mới còn lại ta ; chính nhờ có tinh-thần bảo thủ mà Việt-nam sau bao cuộc ngoại-xâm lãnh-thổ và văn-hóa, vẫn giữ được xứ sở cùng

hiều phần của văn-hóa dân-tộc, và hiện đương cương quyết chống lại cuộc xâm lăng của một văn-hóa ngoại lai phản dân-tộc — Tinh-thần bảo-thủ quá yếu ớt thì lần lần mất hết cá tính, mất sự tri-tục của lịch-sử, rồi tiêu vong — Nhưng nếu tinh-thần bảo-thủ quá cứng-cỏi, quá kiên-cố ; cái gì của mình, hay dở, tốt xấu không phân-biệt, cứ cho là hơn của người ta, rồi ôm ấp, giữ gìn cho được, như thế thì văn-hóa không thích ứng với hoàn-cảnh sinh tồn mới, ắt sẽ phải lạc ngũ, đào-thải, tiêu vong.

Phải đổi thay, phải mới-mẻ mãi mãi đề thích hợp với hoàn cảnh tiến-hóa mà sinh tồn giữa thế-giới. Tinh thần biến hóa quá yếu ớt thì theo không kịp người ta, sẽ bị lạc ngũ ; nhưng nếu nó cuồng nhiệt quá, hễ thấy cái gì mới lạ của Âu, Mỹ, không phân biệt tốt xấu, có hợp hay không với sinh-mạng văn hóa dân-tộc, cứ ùa nhau bắt chước làm theo, ai không theo thì cho là thoái-hóa, là hủ lậu thì tất nhiên sẽ gây ra rối loạn, xáo trộn liên miên, rồi thực-dân địa hóa hoặc đồng hóa với dân tộc khác, đề đi đến sự tiêu vong.

Vậy phải tri-tục một cách sáng suốt ; duy-tâm, cách mạng một cách sáng suốt mới « giữ » được ta, mà « tiến » kịp người. Thái-độ ấy nhờ ở sự khôn ngoan của dân-tộc.

Nước Việt-nam ngày nay đương cần đổi mới ở mọi phương diện, nhưng trong khi đổi mới, giữ được cái tinh-thần miên tục của lịch-sử văn-hóa dân-tộc, mới là đổi mới một cách chân-chính ; còn nếu không nhìn đến điểm ấy thì chỉ là phá hoại mà thôi.

NẾU KHÔNG CĂN-CỨ TRÊN LỊCH-SỬ THÌ KHÔNG THÈ THÀNH CÔNG TRONG CÔNG - CUỘC KIẾN - THIẾT QUỐC - GIA

Quốc-sử của chúng ta là pho lịch-sử sinh thành, phát triển của văn-hóa dân-tộc, của quốc-gia Việt-nam trải qua hơn 40 thế kỷ. Mặc dầu vì thời-thế, nó đã bị xao lãng, không được quý chuộng, nhưng nó không bị trừ bỏ, ấy là một điều đáng lạc quan.

Sự xao lãng, không quý chuộng quốc-sử ấy đã đem lại kết quả. Trong 20 năm nay, nói kiến thiết, nói xây dựng, nhưng rất cuộc, không cái gì thành tựu cái gì. Vì sao ? Phần lớn, vì chúng ta không biết rõ

những truyền-thống của quốc-gia, nguồn sinh mạng của dân-tộc, cái tinh-thần của lịch-sử. Chúng ta không biết rằng bất cứ một chế-độ nào về chính-trị, về giáo dục v...v.... bắt chước của người hay của ta sáng chế ra, muốn nó đem lại hiệu quả mong mỏi, muốn nó đứng vững, sinh rễ, nở hoa, thì nó phải cấu thông, phải dung hòa với truyền-thống của quốc-gia, phối-hợp với nhân-sự; nếu không thế thì ấy là một chế-độ không sinh mạng, không thể trường thành được. Chúng ta tưởng rằng cứ lập ra chế-độ là hết thảy nhân-sự phải chuyển theo. Rồi chúng ta lựa chế-độ nào mà chúng ta cho là tốt nhất, hay nhất của Âu, Mỹ đem áp dụng, thi hành. Thật là mới-mẻ, vừa hợp thời trang, vừa dễ-dàng, giản tiện!! Nhưng chế-độ là vật « chết », nhân-sự là vật « sống », chế-độ « chết » làm sao phối-hợp với nhân-sự « sống » được? Con người « sống » mong nhờ chế-độ « chết » giải phóng cho làm sao nó giải phóng được?

Chúng ta nên biết rằng mọi công cuộc kiến thiết, canh tân quốc-gia phải từ trong lịch-sử mà ra, phải y cứ lịch-sử thì mới thành công được. Cái mới là do cái cũ thoát xác, đổi thay, tiến hóa mà thành, chứ không phải đem cái cũ vứt đi hết, nói để làm cho mới mà được. Không có hạt giống, làm sao có cây mạ mọc lên tươi . tốt? Dầu có khi cần phải bắt chước những chế-độ sẵn có, những thành-pháp của người ta, thì trong sự thiết thi, phải gắng uốn nắn, uyển-chuyển thế nào cho nó thuận hợp với tinh thần lịch-sử, nó cấu thông với nhân tâm, với xã-hội, thì sự bắt chước ấy mới có thể có hiệu quả. Mà nhân-tâm, xã-hội của những con người sống trong một quốc-gia có lịch-sử, có văn hiến lâu dài, có cái hồn dân-tộc rồi, thì thật là khó biết!

Muốn biết rõ cái hồn dân-tộc ấy, không thể không nghiên cứu quốc-sử mà thành công được; điều ấy dám nói chắc như thế.

Mà trong công cuộc kiến thiết quan trọng, khó khăn này, một dân-tộc khôn ngoan, có lịch-sử văn hóa lâu dài, lẽ nào đem sinh-mạng mình làm vật thí nghiệm mãi mãi, lần nay qua lần khác hay sao?



NHỮNG LỜI THỀ

của LÊ - LỢI

(VẤN NÓM ĐẦU THỀ-KỈ 15)

(tiếp theo)

* Hoàng Xuân-Hãn

6.— THỀ-VẤN BẰNG CHỮ HÁN.

Trong bản sao Kiều-đại, có một bài thề-văn bằng chữ Hán chép trước hai bài nôm. Theo nội-dung, bài ấy làm ra trước thời-kì tác-chiến với quân Minh. Bài ấy chứa nhiều điểm lạ như sau sẽ trình ; lạ khiến ta bắt đầu phải ngờ tính-cách xác-thật của bài này nếu không có chứng khác làm ta trở lại tin. Và chẳng văn trong bài này, mà tôi sẽ gọi là bài C, có chỗ chưa chắc đã sao đúng. Vì vậy, ta xét đoán không tránh khỏi chỗ hàm-hờ. Tuy vậy tôi cũng đăng và tạm dịch bài ấy, và tôi thử thăm đoán sự xác-thật của nó.

BÀI C (dịch) ; VĂN KẾT THỀ CỦA NHÓM KHẢ-LAM
BUI (a) ! VĂN THỀ

Năm đầu niên-hiệu Thiên-khánh, là năm Bình-thân, tháng

CHÚ-THÍCH :

a) Bui : tiếng cổ, nghĩa đen của chữ Duy, một từ-ngữ đứng đầu câu, và nhất là đứng đầu các văn tế, văn thề.

hai, quá ngày Kỉ-mão là ngày sóc đến ngày thứ mười hai là ngày Canh-dần. (Ồ) nước Hà-nam, phụ-đạo (b) lộ Khả-lam (c) (sơn ?), tôi (là) Lê Lợi (cùng) Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn-An, Lê Văn-Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễu, Bùi Quốc-Hưng, Lê Nanb, Lê Kiệm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lê Nhân-Chú (d) Lê Bồi, Lê Li, Đinh Lan, Trương Chiến, kính cần đem lễ-vật sanh-huyết thành-kính dâng lời tâu cáo cùng Hạo-thiên thượng-đế, Hậu-thổ hoàng-địa kì cùng các tôn-linh-thần bậc thượng, trung, hạ coi sông núi ở các xứ nước ta. Cúi xin rộng đủ (lòng) soi xét cho.

Rằng có bạn từ phương xa lại, cùng vui, đáng tin, thì phải làm lễ cáo lên.

Nay ở nước tôi, tôi là phụ-đạo Lê Lợi cùng Lê Lai cho đến Trương Chiến (cả thảy) mười chín người. Họ tuy có này nọ, quê có khác ; kết nghĩa thân nhau (như) cùng một tổ tiên cành. Tuy rằng phận vinh hiễn khác nhau, mong có tình như cùng chung họ. Hoặc bằng-đẳng ra ý (?) xâm tiếm toan làm xằng (?) qua cửa quan làm hại. Nếu vậy (?) thì Lê Lợi cùng Lê Lai cho đến Trương Chiến (cộng) mười chín người đều hiệp lực đồng tâm chống giữ địa phương được an-cư trong cõi xóm. Sống chết đều cùng nhau không quên lời thề tâm-huyết.

b) Phụ-đạo : chức coi một lĩnh-vực ở vùng núi truyền đời đời, tuy phụ-thuộc chính-phủ trung-ương, nhưng kì-thật gần độc-lập.

c) Khả-lam : bản sao Kiêu-đại chép Khả-lam-sơn, chắc thừa chữ sơn. Lam-sơn thật-lục chép « Khả-lam phụ-đạo » (tờ 2). Về sau, các sách chép Lam-sơn. Tiếng Khả này còn thấy trong Khả-lưu là chỗ đất hiểm ở Nghệ-an đời bây giờ. Tôi nghĩ rằng đó là một biến-âm tiếng Cá, Cồ, Kê trở tên đất. Trong các tên cồ, ta thấy có rất nhiều tên đất chép bằng chữ Hán bắt đầu bằng tiếng Cồ, Cà. Ngày nay còn tiếng Kê (Kê Sở, Kê Sặt, kê quẻ) đứng đầu hầu hết các tên làng theo xung-hố ở dân-gian trong vùng Hà-lĩnh. Đời Đinh, chắc rằng nước ta có tên nôm là Cù Việt, cho nên Đinh Tiên-hoàng mới gọi tôn lên là Đại-Cù-Việt. Tiếng Cù cũng lại là một biến âm cùng ý ấy nữa. Tiếng Cự trong một vài tên người như Phạm Cự-Lượng cũng là một tiếng nôm có lẽ cũng thuộc ý ấy.

d) Nguyên làm ra chữ Thụ là cây (vì tự-dạng). Các sách in, Toàn-thư và Thật-lục đều viết Chú.

Tôi cúi thề xin Trời Đất và các Thần thiêng giáng trấm tai ương xuống từ thân tôi đến nhà ; họ hàng con cháu đều chịu giết hết, chịu luật pháp Trời làm tội.

Kính cần tâu lời thề.

(Đời Thuận-thiên năm thứ hai, Ki-dậu, ngày hăm bảy, tháng hai, bọn quan bồi-tụng Nguyễn Trãi tâu xin viết (bài này) vào sách mà cất trong các hòm. Đến đời Hồng-đức, năm thứ mười hai, ngày mười sáu tháng hai, kính vàng Hoàng-thượng chiếu cho các công thần mỗi người giữ một bản, để biết lời thề sông núi của Hoàng-tổ. Năm nay, tháng... ngày... châu ở Môn-điện (?), Ti lễ giám (sự) đồng-tri-lễ, Nguyễn Đôn vàng chỉ coi sao lại, giao cho... vàng lời này sao lại toàn vẹn).

7.— XÉT BÀI C.

7.1 NĂM SOẠN.

Như tôi đã nói trên, bài này có nhiều điểm lạ. Điểm đầu là thời-điểm. *Thiên-khánh* là niên-hiệu của vị vua bõ-nhìn Trần Cảo mà Lê Lợi lập lên vừa để chiêu-dụ lòng dân vừa để lấy cớ cầu hòa với quân Minh. Theo *Toàn-thư* chép *Năm Bính-nghọ* — 1426 — tháng 11, vua (Lê-Lợi) tìm được Trần Cảo, lập làm vua. Trước đó, có kẻ tên gọi « ông Hồ, là con một người ăn xin, gửi thân ở nhà Sầm Quý — người Ai-Lao, — giả xưng là nội họ Trần (Trần Địch). Bấy giờ người nước ta khổ vì chính-sách giặc ác nên nghĩ mong có vua mình, mà vua (Lê-Lợi) bận gấp vì việc diệt giặc cứu dân ; bèn sai người đón nó, lập lên để tạm xếp việc trong nhất thời, và cũng muốn lấy bề ngoài trả lời người Minh. Nhân lấy sự ấy mà chờ. Đặt niên-hiệu *Thiên-khánh*... (tờ 24). Theo đó thì năm đầu đời *Thiên-khánh* đáng là năm Ất-tị 1425 hoặc Bính-nghọ 1426 (sẽ bàn sau), chứ không phải là năm Bính-thân 1416 như chép trong bài C. Nhưng khổ nỗi, bài thề ấy không thể viết vào khoảng năm 1425-1426 được, vì bấy giờ Lê-Lai đã mất rồi, Lê-Lợi không lẽ còn tự xưng là phụ-đạo Khả-lam, vì đã tự tôn là Bình-định-vương từ năm 1418 (theo Lê Quý-Đôn trong *Đại-Việt thông sử*). *Minh-sử*, quyển 321 (*An-nam truyện*) cũng chép rằng *Đến khi đại-quân rút về, bèn phân, tiến xưng Bình-định-vương*. Đại-quân là quân Trương Phụ. Trương Phụ vĩnh-viễn trở về Minh vào năm Vĩnh-Lạc thứ 14 (1416). Vậy nếu phải chọn trong

順天元年己酉二月十七日陪從臣阮厲等奏書于冊藏諸櫃中至洪德十二年

二月十六日欽奉

皇上詔諸功臣各執壹道使知

皇祖山河之誓

本年月日午時朝行門殿司札監同知札阮克奉旨泚抄送奉此備抄

。第D

太祖吳國起兵所過透至入安南各處到天關府良縣條柿處馬營得十八年壹年

月脇足人民飢饉

聖祖被誰奔走其朝臣謀畧排班文武等臣

聖祖盟誓同諸將士後日想開國功臣其臣本奏聖祖盟誓書卷券鉄指出誓

嫩願天下翊

皇天后土黃河如帶泰山如礪不敢私言後日流傳萬代帝王後日想開國功臣子

孫内外田土若後日萬代帝王有不想功臣開國願

皇天后土黃河如帶泰山如礪共知端言誓

維拉口文 天慶元年歲次丙申二月己卯朔越十二日庚寅河南國可藍山

路輔導_臣 黎利黎來黎慎黎文安黎文靈鄭可張雷黎柳裴國興黎獍

黎儉武威阮鷹丁列黎仁樹黎培黎理丁蘭張戰等謹以礼物牲血虔誠
上奏告于

昊天上帝 后土皇地祇 暨 本國諸處各盟山川上中下等諸尊靈神

伏願洞重照監曰有朋自遠方來交樂止信必告礼也茲於本國輔導_臣黎
利與黎來至張戰拾玖名人等姓雖有兩般別趾義結親同一祖連枝如榮
顯之分雖殊願同姓之情不異倘或朋党以侵僭據陳諒胡過闕為害如其
黎利與黎來至張戰十九名人併叶力同心禦守地方得安居鄰境生死俱同
不忘丹誓_臣 伏願

天地及諸靈神降之百殃自身于家宗桃子如咸受誅滅律至天刑 謹奏誓詞

hai năm kia, thì nội-dung bài C buộc ta phải chọn năm Bính-thân 1416. Huống chi, trong chuyện Lê Lai, Lê Quý-Đôn đã chép trong *Đại-Việt Thông-Sử* rằng : *Năm Bính-thân, (Lê-Lợi) cùng các tướng thân, mười tám người, liên-đời tên mà kết thề, hẹn cùng nhau vui buồn. Lai có dự. Được trao (chức tước) Tổng-quân-phủ đả-tổng-quân Quan-nội-hầu.* Sự-kiện này phù-hợp hoàn-toàn với bài thề C này : năm là Bính-thân, liên-đời tên có mười chín người, trong đó có Lê Lai. Tuy rằng cả mười tám người phụ tên không phải là tướng cả (trong chuyện Lê Nhân-Chú có nói rõ đến cả tướng văn và vũ) và lời thề trong bài C nghĩa chính xác hơn, nhưng ta phải nhận rằng lời thề nói trong *Thông-sử* quả thật là bài C.

Đến đây ta phải tự hỏi : Phải chăng Lê-Quý-Đôn đã thấy bài C này và vì đó mà viết câu kể lại trên ? Rất có thể rằng Quý-Đôn đã được thấy các bài thề của Lê Lợi, nhưng những chi-tiết tỉ-mỉ về Lê-Lai ghi trong *Thông sử* thì chắc chắn rút ở gia phổ họ Lê-Lai. Chứng sự Lê-Quý-Đôn đã dùng bài thệ-văn này là : trong *Thông sử*, về chuyện các công-thần Lê Nhân-Chú, Trịnh-Khả, Lê-Lí, Lê-Văn-An, Lê Thận, đều có chép câu đã thấy trong chuyện Lê-Lai : *Vua cùng các thân-thần mười tám người (trong chuyện Lê Nhân-Thụ chép rõ : cùng các tướng văn vũ) nối tên kết thề, hẹn cùng vui buồn.... có dự...* Tuy về năm, trong bản sao của H. Maspéro chỗ thì chép năm Bính-thân (1416), chỗ thì chép lầm ra năm Bính-ngọ (1426), nhưng chỗ nào cũng rõ ý là sự ước thề này đã xảy ra khi mới nhóm nghĩa-quân. Và chẳng Quý-Đôn chép rõ hàng bậc của Lê Thận, Lê-Văn-An trong số mười tám tên tướng, mà hàng bậc ấy chắc đúng với hàng bậc thấy trong bài C.

Kết luận đoạn này, ta phải nhận rằng thệ-văn này được tuyên vào năm Bính-thân, 1416, trước khi khởi nghĩa-lì thật-sự. Còn sự đặt niên-hiệu Thiên-khánh năm đầu vào năm ấy (*Toàn-thư* đặt vào năm 1426), thì cũng có thể giải-thích như sau.

7.2 NIÊN-HIỆU THIÊN-KHÁNH.

Năm Bính-thân 1416 là năm Trương Phụ đem quân trở về Minh. Trước lúc về, còn phải dẹp loạn Trần Nguyệt-Hồ (*Minh-sử. Trương Phụ truyện*), mà sau, loạn lại càng tăng. Theo *Minh sử An-nam truyện*, (*Người Giao vốn hay làm loạn. Mả Kì sách hoạch châu báu quá nặng. Nhân tình dao động. Những kẻ kiệt-liệt xui giục. Đại-quân vừa về thì chúng lập tức cùng dấy loạn. Nguyễn*

Trình nổi ở *Lục-na* (phủ *Lạng-giang*); *Lê-Hạch*, *Phan Cường*, *Trần Khả-Luân*, *Nguyễn-Chiều*, *Trần Hưng* nổi ở *Thuận-châu* (phủ *Thuận-hóa* ?) ; *Nguyễn Nghị* nổi ở *châu Nam-linh* (phủ *Tân-bình*, vùng *Quảng-bình* ngày nay) ; *Phạm Bá* nổi ở *Tả-bình* (phủ *Tân-bình*) ; *Vũ Vạn*, *Trần Kì-Luật* nổi ở *Cao-huyện* (?) Chúng cùng một lúc dấy loạn. *Lí Bán* (tướng *Minh* thay *Trương Phụ*) dẹp yên nhưng loạn vẫn không thôi. *Lê-Lợi* viên tuần-kiểm *Nga-lặc* (*Thanh-hóa*), *Xa Tam* con viên *tri-huyện Tít-mang*, *Trần Thuận-Khánh* ở *Nam-linh* (*Tân bình*), *Trần Trữ-Thành* ở *Nghệ-an* cũng thừa cơ làm loạn. Ngoài ra còn tụi gian khác : *Phạm Nguyễn* nổi ở *Phù-lạc* (?), *Vũ Công*, *Hoàng Như-Điển* nổi ở *Kệ-giang* (*Nghệ-an*), *Nùng Văn-Lịch* nổi ở *Khâu-ôn* (*Lạng-sơn*), *Trần Mộc-Quả* nổi ở *Vũ-định* (?), *Nguyễn-Đặc* nổi ở *Khoái-châu* (*Hưng-yên* ngày nay), *Ngô Cự Lai* nổi ở *Thiện-thệ* (*Bắc-giang*), *Trịnh Công-Chứng*, *Lê Diệt* nổi ở *Đông-Lợi* (*Hải-dương* ngày nay), *Đào Cường* nổi ở *Thiện-tài* (*Bắc-giang*), *Đình Tông-Lão* nổi ở *Đại-loan* (*Ninh-bình* ngày nay), *Phạm Ngọc* nổi ở *An-Lão* (*Kiến-an* bây giờ). Chúng đều đặt quan tước, giết tướng lại, đốt nhà cửa. Lại có *Dương Công*, *Nguyễn Đa* đều xưng vương... *Phạm Ngọc* là tăng chùa *Đờ-sơn*, tự nói là trời cho ấn kiếm, bèn tiến xưng *La-bình-vương*, kỹ nguyên *Vĩnh-ninh*, cùng bọn *Phạm Thiện*, *Ngô Trung*, *Lê Hành*, *Đào Thừa* làm loạn, đặt các quan tướng-quốc, tư-không, đại-tướng-quân ; đánh các thành ấp...

• Xem vậy, ta biết rằng sau khi *Trương Phụ* rút đại-quân, nhân-dân ta nổi lên chống giặc khắp nơi, và không phải chỉ có *Lê-Lợi* là lãnh-tụ. Nhưng các nhóm đều thất-bại. Sau năm 1420, chỉ có *Lê-Lợi* trốn-tránh ở vùng rừng núi không bị tiêu diệt mà thôi.

Trong các nhóm khởi-nghĩa mà *Minh-sử* chép, ít ra cũng có hai nhóm, ở *Lục-na* và ở *Thuận-châu*, nổi lên năm 1417, trước nhóm *Khả-lam* của *Lê-Lợi* (*Minh-sử* quyển 154, chuyện *Lí Bán*).

Toàn-thư cũng có chép một vài cuộc chống *Minh* ngoài nhóm *Lê Lợi* mà lại có chép năm tháng vào sau năm *Lê Lợi* khởi nghĩa : *Phan Liêu* đánh *Nghệ-an* tháng 7 năm *Kỉ-hợi* 1419. Đến tháng chín, *Trịnh Công-Chứng*, *Lê Hành* ở *Hạ-hồng* (*Hải-dương* ngày nay), *Phạm Thiện* ở *Tân-minh* (*Hải-dương* ngày nay), *Nguyễn Trì* (tức là *Nguyễn Đặc* theo *Minh-sử*) ở *Khoái-châu* (*Hưng-yên* ngày nay), *Nguyễn Đa-Cầu*, *Trần Như* ở *Hoàng-giang* (*Nam-định* ngày nay), thấy thành *Đông-quan* yếu, đều nổi lên,

kéo quân đến phá cầu phao (thả đẽ qua sông Lô) trên sông Lô. Năm sau 1420, Lê Văn-Luật nổi quân ở Thạch-thất (Sơn-tây ngày nay). Trần Thái-Xung và Phạm Ngọc ở Đờ-Sơn cũng tụ quân nổi loạn. *Toàn-thư* không chép chuyện Phạm Ngọc xưng vương, đặt niên-hiệu như thấy trong *Minh-sử*, nhưng lại kể chuyện khá dài về Lê Ngã, người Chàng-kinh thuộc Thủy-thường (Quảng-yên ngày nay), đổi tên họ ra Dương Cung (*Minh-sử* có bản chép Dương Công), tự xưng là Thiên-thượng hoàng-đế, đặt niên-hiệu Vĩnh-thiên.

Tuy sử Minh và sử ta chép có chỗ không đồng hẳn, nhưng đọc đoạn trên này, ta thấy rằng lúc ban đầu, dân Việt chống Minh, nhiều kẻ nổi lên làm chúa nhất-thời trong vùng mình đóng, xưng vương xưng đế, đặt tướng đặt quan. Còn như Lê Lợi, theo *Thông-sử*, thì năm *Vĩnh-lạc thứ 16 (1418)*, *Mậu-tuất, tháng giêng, ngày mồng 2, Canh-thân, vua dựng cờ nghĩa ở Lam-son, xưng Bình-định-vương*. Tuy *Toàn-thư* không chép sự xưng vương, nhưng *Minh-sử* (chuyện An-nam) có chép, và sách *Thà tục Chu tư lục* của người Minh cũng chép thế (theo *Sử-kí* quyển 10, tờ 34). Có thật Lê Lợi xưng vương năm 1418 như Quý-Đôn chép chăng? Hay đã xưng vương từ hai năm trước, cho nên đã kiến-nguyên Thiên-khánh từ năm 1416 chăng? Đó là một giả-thuyết có thể nghĩ tới, nhưng khó lòng tin, vì nếu đã tự mình kiến-nguyên rồi thì trong bài thệ-văn này không lẽ gì còn tự xưng phụ-đạo.

Ta hãy đọc lại danh hiệu của Lê Lợi trong thệ-văn: *Hà-nam quốc, Khả-lam (son?) lộ phụ-đạo, thần, Lê Lợi*. Tên nước xưng là Hà-nam, chứ không phải Đại-Việt như có từ đời Lí, hoặc An-nam như người Minh vẫn gọi nước ta. Danh-hiệu địa-phận Khả-lam thì từ sách (nghĩa là một làng to ở vùng núi) được tôn làm lộ (nghĩa là một phần-tử bực nhất của đất nước). Điều chủ-yếu trong lời cam-kết là kẻ có « *bằng-đàng* » *tô ý muốn xâm tiếm vượt cửa quan làm hại thì đều hiệp lực đồng tâm chống giữ địa-phương, cho được an-cư trong cõi xóm*. Ta có cảm-trởng rằng Lê Lợi và mười tám đồng-chí đã muốn chiếm một vùng đất để lập một nước độc-lập đối với chính-quyền thực-dân Minh và tụi Việt-gian bấy giờ. Trong nước « Hà-nam » ấy, Khả-lam chỉ là một lộ và Lê Lợi chỉ là phụ-đạo lộ ấy mà thôi. Nếu thật thế, thì ai là quốc-trưởng? Tôi nghi rằng nhóm

Lê Lợi đã theo gương Trần Triệu-Cơ trước lập vua Trần Giản-dịnh với hiệu Hưng-khánh để chống Minh. Vậy, có lẽ Trần Cảo đã được chọn từ năm 1416 và Lê Lợi đã chọn cho Cảo niên-hiệu Thiên-khánh, gọi ra bởi niên hiệu Hưng-khánh trước. Tuy rằng *Toàn-thư* chép sự lập Trần Cảo làm vua giả với niên-hiệu Thiên-khánh vào tháng 11 năm Bính ngọ 1426, Lê Quý-Đôn lại đặt vào tháng 11 năm Ất-tị 1425. Trong *Thông-sử*, Quý-Đôn chép: *Tháng 11, lập Trần Cảo làm vua, kiến-nguyên Thiên-khánh.*

... *Vua Minh lấy có người trong nước nhớ nhà Trần, sai đôn (Cảo) mà lập, nói ra như vậy để đáp lại. Vua tự nhún xưng mình làm Kiểm-hiệu thái-sư bình-chương quân-quốc trọng sự, đại thiên hành hóa, tức Kim-ngư-đại, song Kim-hổ-phù, Trang-vũ-vệ quốc công (chuyện Thái-tổ). Có lẽ Quý-Đôn đã rút chi-tiết thời-điểm này từ sách *Quân-trung-từ-mệnh-tập* của Nguyễn Trãi. Trong bài *Biểu cầu phong* (bài thứ 21. Bản dịch của nhà xuất bản Sử-học ở Hà-nội 1961, trang 30), lời Lê Lợi nói: *Đến năm đầu niên-hiệu Hồng hi (1425), thân cùng kì-lão trong nước dò hỏi tìm được ở địa-phận Lảo-qua có Trần... mở thật là con cháu đích-tôn của Trần vương... mở. Sự chép này phù-hợp với lời trong bài *Văn tấu cáo (liệt thánh để hậu đời Trần): Nay năm thứ hai niên-hiệu Thiên-khánh là năm Bính-ngọ (1426)... Năm Ất-tị (1425), tìm được Trần... mở ở đất Lảo-qua... (bài 22 trang 32). Theo hai tài liệu trên thì rõ ràng rằng Lê Lợi đối với vua Minh đã bắt đầu đi nước cờ Trần Cảo vào cuối năm Ất-tị 1425. Thế mà trong tờ *Tấu cầu phong* (bài thứ 44, trang 60), lại mượn lời Trần Cảo nói: *Ngày tháng 11 năm đầu niên-hiệu Tuyên-đức (1426), thân về đến bản-quốc, thấy người trong nước đã thu phục được hết bờ-cõi đất-đai của tổ-phụ thân. Trái lại, trong chú thích đặt đầu bài ấy, chắc là người sưu-tập, Trần Khắc-Kiểm đời Lê Thánh-tông, đã chép: Năm Đinh-vị (1427) là năm thứ ba niên-hiệu Thiên-khánh... Suy từ đó ra, ta thấy năm đầu đời Thiên-khánh là năm 1425. Lại sau khi thắng trận hoàn-toàn, thả cho Vương Thông dẫn quân Minh về Bắc, Lê Lợi sai giết vua bờ-nhìn Trần Cảo để tự xưng đế, Nguyễn Trãi thảo tờ *Tấu vua Minh về việc tìm hỏi con cháu họ Trần*; trong đó lại nói: *năm đầu niên-hiệu Tuyên-đức (1426) mới tìm được Trần Cảo ở đất Lảo-qua, xưng là cháu họ Trần. Năm thứ 2 niên-hiệu Tuyên-đức (1427), Trần Cảo về nước... Nói tóm lại, trong năm tài-liệu cũ trên, chỗ thì chép lập Trần Cảo cuối năm Ất-tị, chỗ thì chép vào cuối năm sau; và tài-liệu cuối hình như lại đưa biên-cổ này vào sau thêm một năm nữa. Đền như *Lam-sơn thất-lục*, đáng lẽ chép chuyện này*****

một cách chính-xác rõ-ràng, thì trái lại đã chép một cách rất lu mờ. Theo thứ tự biên niên, ta thấy dưới mục năm Quý-mão 1423, có chép toàn cuối chuyện Trần Cao như sau: *Thời bấy giờ (không nói rõ lúc nào) có cháu cuối của họ Trần, tên là Cầm Quý (Toàn thư chép: Trần Cao ở nhờ nhà Sầm Quý) tránh Hồ trốn vào rừng núi; xưng đổi là dòng họ 'Trần. Vua đón, lập lên, hiệu là Thiên-khánh; (vua) cùng giặc chiến-đấu, cay đắng khê nhọc. Thiên-hạ toan yên, còn thành Đông-kinh chưa hàng. Bấy giờ Thiên-khánh ở thành Cỗ-lộng. Vua sai Lê Ngang là con trai Tư quận-công Lê Lãng giữ thành và túc-trực. Thiên-khánh thấy vua đẹp được Ngô, rất lấy làm sợ, bèn trốn vào Nghệ-an. Lê Ngang đuổi kịp đem về. Vua hỏi rằng: «Đã lập lên ngôi, đặt hiệu, sao lại có dị-tâm trốn đi?». Trả lời: «Quả-nhân không có công. Công Tư-vương-quân trùm thiên-hạ. Ai lại hay trồng cây mà cho người ăn quả! Sợ chết nên trốn, chứ không đi-tâm. Mong xin được toàn thân mà chết». Vua nghe nói, còn chưa nhãn-tâm. Bấy tôi nói: «Trời không có hai mặt trời; nước không có hai vua» Vua khiến (nó) tự thắt cổ. (Toàn-thư chép: uống thuốc độc; và dẫn những thuyết khác về Trần Cao.*

Nói tóm lại, ta không chắc lập Trần Cao vào năm nào. Chuyện lập ấy chỉ là một xảo-kế chính-trị mà thôi, để dối Minh mà cũng để dối cả dân. Trong văn-kiên cũng như trong sử, tùy tiện hoặc nói dối, hoặc chép dối để tỏ rằng Lê Lợi khi nào cũng theo chính-nghĩa mà thôi. Vì những lẽ ấy, giả-thuyết lập *Thiên-khánh* (cái tên Trần Cao, không thấy trong *Lam-sơn thật-lục*, có lẽ đến khi cầu phong với Minh mới bịa ra) hai lần, vào năm Bính-thân 1416 và vào năm Ất-tị, 1425, không phải vô-lí. Huống chi ta biết rằng trước khi khởi nghĩa, Lê Lợi đã có liên-lạc với xứ Lão-qua là nơi Trần Cao đã trốn tránh. Chứng sự ấy là chuyện Trịnh Đờ đem voi từ xứ Ai-Lao về biếu Lê-Lợi (*Thông-sử*, chuyện Thái-tổ).

7.3 CAN CHI CỦA NGÀY THỀ

Một điều đáng chú ý khác, là trong thế-văn có chép các số can-chi của ngày sóc và ngày mười hai tháng hai năm Bính-thân. Chi-tiết ấy dĩ-nhiên theo lệ phải có trong văn cúng, văn điệu và các văn xưa có tính-cách tông-giao hay thuộc để vương. Nhưng trong sử cũ ta rất hiếm thấy còn để lại số can-chi của ngày. Thứ tự ngày trong tháng, như nói ngày mồng bảy, ngày hai mươi, có thể khác khi ta so sánh lịch nước ta và lịch Trung-quốc, vì đó tùy theo

cách tính độ mặt trời mặt trăng mà suy ngày nào là ngày sóc (đầu tháng) và tháng nào là tháng nhuận. Trái lại số can-chi của ngày là thứ-tự tuyệt-đối của ngày nối tiếp nhau. Nếu hai lịch đã nhận một ngày nào đó mang chung một số can-chi, thì tất cả các ngày khác trong hai lịch ấy cũng đều chung can-chi hết. Trái với sử Việt-nam, sử Trung-quốc đã chép số can-chi các ngày một cách rất cẩn-thận và đầy-đủ, khiến ngày nay ta có thể biết sóc nhuận của hầu hết các năm xưa bên Trung-quốc. Hiện nay có nhiều tác-giả đã góp sóc nhuận hằng năm và in thành sách để dùng, ví như *Nhi-thập-sử sóc nhuận biểu* của Trần Viên (Thương-vụ ấn thư quán, 1956) hoặc *Concordance des chronologies néoméniques chinoises et européennes* của giáo-sĩ Da-tô họ Hoàng (Variétés sinologiques số 29, năm 1910).

Ta hãy xét can-chi chép trong thế-văn ở bản Kiều-đại. Trước hết ta thấy ngày sóc *Ki-mão* không phù hợp với ngày 12 *Canh-dần*. Hai chữ *Canh-dần* có nhiều nét eho nên sao chép ít bị lầm. Còn chữ *Ki* rất gần giống chữ *Ất* cho nên là một nguồn sai lớn trong các can-chi thường thấy. Ở đây, nếu ta chữa *Ki-mão* ra *Ất-mão* thì ngày 12 sau đúng là ngày *Canh-dần*. Vậy ta chắc rằng trong thế-văn, ngày sóc tháng hai năm Bính-thân được chép là ngày *Ất-mão*. Thế mà theo lịch nhà Minh thì là ngày *Giáp-tí*. Nếu số *Giáp-tí* là 1, thì số *Ất-mão* là 52, nghĩa là trong chu-ki 60 của số can-chi, *Ất-mão* đứng trước *Giáp-tí* 9 bậc. Nếu ta có nghĩ rằng có lẽ bản Kiều-đại đã chép lầm tháng, hoặc lầm năm, hoặc lầm cả tháng lẫn năm, thì ta cũng có thể tìm được năm, tháng nào gần thời-điểm ấy, phù-hợp và thích-nghi mọi mặt (chỉ có tháng 9 năm *Nhâm-dần* 1422, rồi tháng 10 năm *Đinh-vị* 1427 có ngày sóc *Ất-mão*). Nhưng bấy giờ *Lê-Lai* đã mất và *Lê-Lợi* không còn là phụ-đạo *Khả-lam* nữa). Sự sai lệch can-chi này khiến ta lập-tức nghĩ rằng bài thế-văn này đã có kẻ đời sau bịa ra và không biết tính lịch. Hoặc nghĩ sâu chút nữa thì ta có thể tự hỏi rằng hay là đó bởi sự chép số can-chi hằng ngày đời *Lê* khác với đời *Minh*. Tôi đã xét những tài-liệu chắc-chắn nhất về mọi phương-diện nội-dung và vật-chất, là các bia *Lam-son* (bản rập của *Đông-phương bác-cổ*), thì thấy rằng từ đời *Thái-tông* (con *Lê-Lợi*) sắp xuống, trong các bia có chép một vài ngày với can-chi, và những số can-chi ấy đều phù-hợp với lịch nhà *Minh*, trừ ngày sinh của *Thánh-tông*. *Bia Chiêu-lãng* chép rằng *Thánh-tông* sinh năm *Đại-bảo* thứ ba, *Nhâm-tuất* (1442) ngày 20 tháng 7 là ngày *Mậu-tí*. Suy đó mà tính thì ngày sóc tháng ấy là *Kỉ-tị*, đối với số *Kỉ-vị* trong lịch nhà *Minh*, sớm mất mười ngày. Sự sai ấy có lẽ

chỉ vì năm khắc bia Chiêu-lăng (1498) cách năm sinh Thánh-tông 56 năm, cho nên kẻ viết bi-văn không kiểm-soát đúng. Chứng sự ấy có bia *Hĩu-lăng* (lăng Thái-tông) dựng đúng năm sinh Thánh-tông chép hai ngày khác có can-chi phù-hợp với lịch nhà Minh.

Những can-chi của ngày còn thấy trong *Toàn-thư* chép sau đời Thái-tổ cũng đều hợp với lịch nhà Minh. Còn trong đời Thái-tổ và trong những năm kháng Minh, thì *Toàn-thư* cũng như *Thực-lục* không hề chép ngày nào vừa với thứ-tự trong tháng vừa với số can-chi. Cho đến bài bia *Vĩuh-lăng* (lăng Thái-tổ), Nguyễn Trãi cũng không chép can-chi ngày Thái-tổ mất (22 tháng 8 nhuận năm Quý-sửu 1433) và ngày táng (23 tháng 10 năm ấy) như thường lệ bắt buộc phải chép, thường-lệ mà các soạn-giả các bi-văn khác ở Lam-sơn đều theo.

Trong khoảng này, ta chỉ thấy *Toàn-thư* chép hai tháng nhuận (tháng 4 năm Mậu-thân 1428 và tháng 8 năm Quý-sửu 1433) bia Vinh-lăng cũng có chép tháng 4 nhuận năm Mậu thân và hai tháng đủ (tháng 4 và tháng 5 năm Kỷ-hợi 1429 đều có chép ngày 30). Bốn sự-kIỆN lịch-tính ấy đều phù-hợp với lịch Minh, nhưng nó cũng không đủ chứng rằng đời Lê Lợi cũng theo lịch Minh như các đời sau. Những bia khắc trong đời ấy, như bia Nalũ ở Cao-bằng, bia Hoài-lai ở Lai-châu và bia Hào-tráng ở Hòa-bình cũng không cho biết thêm gì về lịch đời Thái-tổ. Trong đời Lê-Lợi ta thấy có chép trong *Thông-sử* hai ngày với can-chi : ngày khởi nghĩa chính thức ở Lam-sơn và ngày cáo với các đê hậu nhà Trần sự lập Trần Cảo và xin phù-hộ. Ngày đầu thấy chép là ngày *Canh-thân mồng 2 tháng giêng năm Mậu-tuất* 1418, và ngày sau là ngày *Mậu-tí trừ-tịch (cuối năm) tháng chạp năm Ất-tị* 1425. Với hai ngày liên-đổi trong thế-văn C, là ngày sóc Ất-mão và ngày 12 Canh-dần tháng 2 năm Bính-thân 1416, ta có bốn ngày có can-chi để so-sánh ; mà bốn ngày ấy đều có tính-cách tế-tự thuộc giai-đoạn kháng Minh. Ta đã thấy trên kia rằng những ngày chép trong thế-văn không hợp với lịch Minh. Sau đây, tôi sẽ xét hai ngày chép trong *Thông-sử*. Chúng ta sẽ thấy rằng ít ra một trong hai ngày ấy cũng không theo lịch Minh.

Trước hết, nếu ngày Lê Lợi khởi nghĩa chính-thức đúng là ngày Canh-thân mồng 2 tháng giêng năm Mậu-tuất 1418 như *Thông-sử* chép, thì ngày sóc tháng ấy là Kỷ-vi ; nhưng lịch Minh lại chép Nhâm-tí, đúng

trước Kỷ-vị 7 số. Ta có thể nghĩ rằng *Thông-sử* hoặc nguyên chép, hoặc sao lại lầm. Nhưng chính *Toàn-thư* cũng có chép : năm *Mậu-thuất*, mùa xuân tháng giêng, ngày *Canh-thân*, vua khởi binh ở *Lam-sơn* (quyển 10, tờ 2). Không biết, Lê Quý-Đôn dựa vào đâu mà nói ngày ấy là ngày mồng 2 ; nhưng can-chi *Canh-thân* thì chắc xác-thật. Nếu ta cho rằng không phải ngày mồng 2 và chữa lại ngày mồng 9 cho hợp với lịch Minh, thì ta lại vướng vào mâu-thuẫn khác : ấy vì ngày mồng chín, tui tướng Minh Mã Kỳ đem đại-quân đến đánh *Lam-sơn* (*Toàn-thư*, tờ 2 và *Thật-lục* tờ 6). Vậy ngày *Canh-thân* này không thể hợp với lịch Minh được.

Đến như ngày *Mậu-tí* trừ-tịch năm Ất-vị, nếu *Thông-sử* chép đúng như vậy thì ngày nguyên-đán năm sau *Bính-ngọ* 1426 là ngày *Kỷ-sửu* ; thế mà theo lịch Minh thì ấy là ngày *Bính-thân*, đứng sau ngày *Mậu-tí* 13 số. Nếu không sự-kiện gì khác gieo hoài nghi, thì ta cũng phải kết luận rằng ngày *Mậu-tí* này cũng không hợp với lịch Minh. Nhưng sách *Quán-trung từ-mệnh* còn giữ được bài Lê Lợi khẩn các đấng hậu nhà Trần, mà trong bài đó có chép can-chi ngày sóc tháng chạp và can-chi ngày 29 là ngày làm lễ cáo này. Bài cáo bắt đầu bằng (số 22, trang 32 bản dịch đã kể trên) : *Nay năm thứ 2 niên-hiệu Thiên-khánh là năm Bính-ngọ qua ngày Canh thân sóc tháng chạp đến hôm nay 29 ngày Mậu tí*. So với lịch Minh, thì can chi chép như vậy là đúng. Ta khó lòng cho sự phù-hợp kia xảy ra một cách ngẫu nhiên. Nhưng ta cũng không hiểu bởi lí-do gì mà Quý-Đôn cũng chép ngày *Mậu-tí* tháng chạp, nhưng lại để vào năm trước. Phải chăng rằng Quý-Đôn đã nghĩ rằng lời tấu cáo này đã được đọc liền sau khi lập Trần Cảo, cho nên phải xảy ra vào tháng chạp năm Ất-tị chứ không phải vào năm *Bính-ngọ* là năm thứ hai niên-hiệu của Trần Cảo ? Nhưng ta cũng khó lòng nghĩ rằng Quý-Đôn đã sơ-hở chỉ chữa năm mà không chữa can-chi của ngày. Và chẳng, theo lịch Minh, thì ngày 29 tháng chạp năm Ất-tị không phải là ngày trừ-tịch, vì tháng ấy đủ, nghĩa là còn có ngày 30. Tôi nghĩ rằng Lê Quý-Đôn đã có những nguồn tin-tức khác những tài-liệu hiện còn. Mặc dầu sự phù-hiệp giữa bài *tấu cáo đấng hậu nhà Trần* và lịch Minh, tôi có cảm-tưởng rằng trong đời Lê-Lợi, không chịu theo lịch Minh, vì theo lệ đời xưa *ban lịch* là quyền của Thiên-tử, mà theo lịch là dấu hiệu phục-tùng. Vì vậy mà trong sử, trong thực-lục không chép rõ can chi liền với thứ-tự ngày trong tháng, và trong bia *Vinh-lăng*, Nguyễn-Trãi cũng

cổ ý không đề rõ can-chi những ngày mất và ngày táng. Thêm điều nữa, là lúc còn lẩn lút trong rừng Lam-sơn, chưa chắc Lê Lợi đã có một bản lịch hàng năm mà dùng. Vì vậy sự chênh-lệch nhận thấy trong can-chi chép ở thệ-văn không phải chứng bảo thệ-văn ấy là giả-mạo.

7.4 MỤC ĐÍCH THỀ.

Điều lạ cuối cùng trong thệ-văn C là không thấy nhóm Lê Lợi thề rõ cùng nhau chống với người Minh, mà chỉ thề rằng « *kết nghĩa thân nhau. . như cùng một họ. Hoặc có kẻ kết bằng đảng ra ý xâm tiếm, lượng chèn vào cửa quan làm hại... thì đều hiệp lực đồng tâm chống giữ địa-phương cho được an cư trong cõi xóm.* » Ta phải tự hỏi họ định chống với bằng-đảng nào? Những nhóm khởi nghĩa khác chăng? Như ta đã thấy trên, sau khi Trương Phụ rút đại-quân về, người Việt nổi dậy nhiều nơi, và chắc nhiều kẻ cũng muốn lập đại-sự, trung hưng nhà Trần hay là tự lập lấy mình. Ta đã thấy cũng có kẻ bịa ra chuyện trời cho ấn kiếm như Lê Lợi rồi xưng đế, kiến nguyên. Hoặc giả Lê Lợi đã nghĩ đến những kẻ cạnh tranh mình trong sự chống Minh chăng?

Hoặc giả, *bằng đảng* đây trở bọn việt-gian ý thể quan thầy Minh mà ức hiếp xâm lấn người bản-quốc. Tuy *Toàn-thư* không chép những sự tranh giành giữa Lê Lợi và bọn ấy, vì có lẽ cho sự ấy không xứng đáng được ghi vào sử nhưng nhờ *Thực-lục*, *Thông-sử* và *Quần trung từ-mệnh* mà ta còn biết chuyện Lê Lợi kiện nhau với Đỗ Phú. Về giai đoạn tiền chiến, *Thực-lục* chép: *Vua, tuy gặp thời rối loạn, nhưng chí vẫn rất vững. Nấu dấm nơi rừng núi, lấy cấy hái làm nghiệp, lấy kinh sử làm vui. Càng chuyên tâm đọc các sách thao lược. Hậu đãi tân khách, chiêu nạp những kẻ trốn, thăm nuôi những bực có mưu trí. Rãi của phát thóc để cứu cơ-bần; lấy lời khảm lễ hậu để thu hào-kiệt. Ai cũng được vui lòng cả. Bấy giờ có người thôn Hào-lương, tên là Đỗ-Phú, cùng vua tranh giành, kiện nhau với tướng giặc Minh. Quan khám cho rằng vua đúng lí xử cho vua là phe phải. Vì vậy Đỗ Phú thù, bèn hối-lộ giặc Minh... Đỗ Phú và Lê Lợi đã tranh nhau về việc gì? *Thực-lục* dùng chữ *tranh* nhưong với chữ Nhưong có bộ *Thủ* nghĩa là quấy, giành cướp. *Thông-sử* chép *tranh* nhưong giới, mà chữ Nhưong với bộ *Thổ* tự-dạng rất gần bộ *Thủ* và nghĩa là đất-đai. Chắc rằng vụ kiện kia vì tranh-giành đất, mà đất đây là địa-giói làng xóm. Đỗ Phú là ai? Chắc cũng*

một tay thổ-hào. Theo Minh, nên được bổ chức tri-huyện Lương giang. Trong bức thư *tổ oan* (bài 1, sách dịch *Quản-trung từ-mệnh* trang 17): thay lời Lê Lợi, Nguyễn-Trãi viết: *Chi vì tri-huyện Đỗ Phú là người đồng hương, cùng tôi trước có hiềm-khích, nó dứt lốt tham-chính Lương Nhữ-Hốt, nói vu... Lương Nhữ-Hốt là một nho-sĩ hàng Minh rất được Minh trọng dụng. Trong bức thư gửi cho Thái-giám Sơn Thọ (một quan Minh có cảm-tình với Lê Lợi) có nói: Nay Đỗ Phú vốn có cừu thù với tôi, lại làm quan huyện tôi, vì thế mà tôi phải li-tán đảo vong... (bài 3, tờ 20).*

Xem vậy Đỗ Phú vốn thật là một việt-gian, vì thù riêng mà chức hại Lê Lợi. Lại còn một việt-gian khác cùng phe ấy, tên là Ái, không còn biết họ nó. Lê Quý-Đôn chỉ chép là « *thằng Ái* » (trong các công văn xưa, vốn thấy chép các tên giặc nhỏ là *thằng* này, *thằng* nọ, chứ không chép họ). Ái cũng là một tay hào-trưởng trong vùng Thanh-hóa. *Thực-lục* kể chuyện rằng: *Năm Mậu tuất (1418) tháng giêng... ngày 16, có đưa bạn-nghịch tên Ái (nguyên chú-thích: nó ở sách Nguyệt-ấn. Khâm-định Việt-sử quyển 13, tờ 2, thêm rằng Ái là phụ-đạo Nguyệt-ấn, thuộc huyện Thụy-nguyên) cùng Đỗ Phú dẫn giặc Minh đào mộ (cha Lê Lợi) ở Phật-hoàng, lấy hài-cốt treo sau thuyền mong vua lại hàng... Người có học-thức danh-vọng và uy-thể nhất trong đám việt-gian ở Thanh-hóa bấy giờ là Lương Nhữ-Hốt. Nhữ-Hốt người làng Trạo-vinh, (huyện Hoàng-hóa, Thanh-hóa ngày nay), hàng Minh, được bổ làm tri-phủ. Tháng giêng năm Bính-thân 1416 (tức là năm làm thế-văn C), Trương Phụ sai đưa các viên chức cao cấp và những người kì-lão theo chúng tới châu vua Minh. Chắc rằng Nhữ-Hốt cũng được dự. Vua Minh cho Nhữ-Hốt thăng chức tham-chính coi việc hộ ở Thanh-hóa (Toàn-thư quyển 9 tờ 27). Nhữ-Hốt rất gờm Lê Lợi, nên kiếm mọi cách hãm-hại Lợi. *Thực-lục* trong đoạn tiền chiến có chép: Nhưng khi thế giặc còn mạnh, chưa dễ chế được, vua luôn lấy lời khiêm lễ hậu, đem nhiều vàng bạc của báu dứt lốt tại tướng giặc Trương Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ, mong hoãn ít nhiều lòng chúng muốn hại vua, để vua có thể đợi thời xét sự khai-hiến. Đàng giặc của chúng, Lương Nhữ-Hốt cùng chúng giặc mưu bảo rằng « Chúa Lam chiêu nạp kẻ trốn tránh, đãi quân lính rất hậu. Chỉ nó không nhỏ. Nếu để giao-long được gặp mây mưa, ắt nó không phải là con vật (chịu) ở trong ao đầm. Nên sớm trừ đi, kẻo để lại điều lo sau ». Trong bức thư *Tổ oan* đã dẫn trên cũng nói rõ rằng: Đỗ Phú... dứt lốt tham-chính Lương Nhữ-Hốt nói vu cho tôi khinh mạn quan*

trên, cây mạnh ra về lão xược, nếu không trị trước, tất có lo sau. Như-Hốt báo với quan quân-binh cùng nội-quan Mã Kỳ, nên cho quan-quân đến đánh dẹp dân chúng của tôi...

Suy những việc kể trên, ta thấy rằng trong thời chưa khởi quân, Lê Lợi đã bị tội việt-gian găm-ghè và muốn hãm-hại. Tuy chúng không phải chung một đảng có tổ-chức, nhưng chung thầy, chung lợi, chúng thành « tặc-đảng » như *Thực-lục* gọi chúng. Có lẽ hai chữ « bần-đảng » trong thệ-văn C chính trở chúng.

Ông Gaspardonne trong một bài trình bức thư *Tổ oan* của Lê Lợi trong *Silver Jubilee Volume of Zinbun-Kagaku-Kenkyusyo*, Kyoto University 1954) đã rất chú ý đến sự cạnh-tranh giữa Lê Lợi và Đỗ Phủ và đã cho đó là cái mồi châm lên cuộc phiến loạn. Ông đã kết-luận với giọng văn dè dặt rằng : *Những vọng tưởng lớn với các thuật thịnh-hành như phong-thủy, nhâm-độn, có thể đã không thiếu trước khi hành-động. Sự bất-giác đã phát-động nó ra. Một ngọn lửa, mỏng-mạnh hơn là tham vọng hay căm-thù ngoại-nhân đã nhen ngọn lửa cháy : ấy là sự tranh-chấp giữa hai người, hai kẻ lân-bang, hai thổ-hào. Tất cả họ hàng của hai bên bị lôi kéo vào cuộc, kẻ sống và kẻ chết. Sự người ngoài can-thiệp dẫn đến cuộc phản-kháng. Tình vĩ-đại khuếch-trương của nó có lẽ đã đổi ý nghĩa nó ban đầu, và hậu-thế phẩm-bình qua kết quả không phải là vô-lí. Chúng ta không quên rằng hậu-thế chỉ có nghe dư-âm của phe đã tồn-tại trong cuộc tranh-chấp kia.*

Gaspardonne lại nhấn mạnh về sự yếu-ớt của lực-lượng của Lê Lợi lúc ban đầu. Sự này là tất-nhiên đúng. Còn như nói rằng khởi-điểm của cuộc vũ-trang giành độc-lập của Lê Lợi là sự tranh-chấp giữa thổ-hào, rồi từ chanh-chấp đến hãn-thù, đến điểm-chỉ cho ngoại-quyền, đến đàn-áp rồi đến phản-kháng, đến khởi nghĩa giành độc-lập, nói như vậy thì chỉ đúng về quá-trình biến-chuyển trong thời-gian mà thôi.

Thật ra, chí kháng Minh của Lê Lợi có sẵn từ lâu trước. Đã mang tiếng là một tướng ở vệ Kim-ngô theo vua Trùng-quang (*Minh-sử*, *An-nam truyện*), Lê Lợi đã chọn đường ái quốc. Nhưng thấy trong khi phải chống giặc mà các kẻ thù Trần lại chia rẽ giết hại lẫn nhau, minh-chúa cũng bất nhất, Giản-định và Trùng-quang nghi kị lẫn nhau. « Chính-trị bởi nhiều cửa

mà ra » như Lê Lợi đã nói trong lời hiệu-dụ các tướng hiệu Nghệ-an Tân-binh (xem mục 4). Có lẽ vì thấy Trùng-quang bắt-lực, nên Lê Lợi vẫn nấu hình ở chốn quê mình và đã chịu qui-thuận tướng Minh mà nhận chức tuần-kiểm Nga-lặc (*Minh-sử*, An-nam truyện). Nhưng đó chỉ là một kế để che mặt địch; cũng như về sau, khi bị quân Minh truy nã riết thì viết thư *Tổ oan* để trá hàng. Chỉ Lê Lợi vẫn ngậm-ngấm chiêu nạp hào kiệt để lo đại-sự, đúng như *Thật-lực* đã thuật, và nhất là như Lương Nhữ-Hốt đã biết và tố-cáo với tướng Minh, Vả chẳng từ đầu đã có kẻ như Nguyễn Trãi tới nơi tìm Lê Lợi; thế đủ tỏ rằng tiếng-tâm Lê Lợi bấy giờ đã lan ra ngoài vùng Thanh-hóa. Nhưng ban đầu, tổ-chức ngậm-ngấm chỉ có tính-cách địa-phương. Lực-lượng binh bị chưa có bao lâu. Nếu không có tại Việt-gian chỉ điểm cho quân Minh đến áp-bức tầm-nã, thì có lẽ Lê Lợi còn tiếp-tục chiêu-tập sĩ tốt một cách âm-thầm. Cuộc kháng chiến bùng ra sớm thật bởi Mã Kỳ đàn áp trước. Tuy Đỗ Phú có xui xiểm quân Minh thật, nhưng không Đỗ Phú thì cũng có đứa trình-thám khác. Cuộc đàn áp thế nào cũng xảy ra, và Lê Lợi thế nào cũng sớm phải công-khai kháng địch. *Thực-lực* kể lại chuyện bắt-bớ kia, nhưng không nói rõ vào năm tháng nào trước khi khởi nghĩa. Lực lượng chừng ấy là vào khoảng từ năm Giáp-ngọ 1414 đến năm Mậu-tuất 1418. Bấy giờ chưa có binh-lực để kháng-cự lại; Lê Lợi chỉ chạy thoát thân cùng Lê Liễu mà thôi (tờ 5). Xem vậy, ta có thể tin rằng sau sự đàn-áp ấy, Lê Lợi với các người đồng đảng, cả thảy chỉ có 19 người tai mắt, đã cùng nhau cam kết, vào đầu năm Bính-thân 1416, giữ yên cõi xóm, chống với bằng-dãng lăm-le vào địa-phận mình để hãm-hại. Còn sự chống Minh thì lẽ tất-nhiên, nhưng không nói ra vì thế mình còn yếu quá.

7.5 KẾT-LUẬN VỀ TÍNH-CÁCH XÁC THẬT CỦA THỆ-VĂN C.

Nói tóm lại, khi mới đọc bài thệ-văn chữ Hán chép ở bản sao Kiều-đại, ta có cảm-tưởng đó là một ngụy-văn, vì nó có nhiều điểm lạ không hợp với những điều mình quen biết. Nhưng xét lại kĩ-càng thì những điều lạ ấy đều giải-thích được, vậy nó không đủ chứng rằng văn kia đã được bịa đặt ra. Trái lại, nếu có ai muốn bịa đặt bài kia thì không lẽ gì lại đặt ra những điều bất hợp với thường-thức để người ta dị nghị được. Đó là những lẽ cốt yếu làm tôi tin rằng bài thệ này cũng như hai bài nôm trên đều thật có tự đời Lê Lợi.

Sự tin ấy được tăng cường khi ta xét lời phụ chú sau bài thệ-văn C. Ấy là lời của viên đồng tri-lễ Nguyễn Đôn ở đời Lê Thánh-tông đã vâng mệnh sao lại thệ-văn này để giao lại cho con cháu các công thần, vào năm Hồng-đức thứ 12 (1481) sau ngày 16 tháng 2. Phụ chú có: *Đời Thuận-thiên năm thứ hai (1429), kì-dậu, ngày 27 tháng 2, bọn quan bồi-tụng Nguyễn Trãi tâu xin viết (bài này) vào sách mà cất trong các hòm...* Ta đã thấy Lê Quý-Đôn chép về Lê Lai (mục 3) có viết: *Năm Thuận-thiên thứ 2, tháng 12, vua sai, Nguyễn Trãi chép hai đạo văn ước-thệ và lời thề chung về LAI cất vào hòm vàng.* Tuy tháng chép hơi khác (có lẽ bản Kiều-đại bỏ sót chữ *Thập* trong *Thập* nhị nguyệt), ta phải để ý đến những điểm phù-hợp trong hai kí-tải kia. Ta cũng đã biết rằng đời Hồng-đức quả có viên quan coi việc lễ tên Nguyễn Đôn (mục 3). Tuy *Toàn-thư* không chép sắc lệnh bảo sao thệ-văn để giao cho con cháu các công thần, nhưng đọc các chuyện công-thần ấy chép trong *Thông-sử*, ta thấy phần lớn được gia tặng trong năm Hồng-đức thứ 15 (1484). Những bâng-chứng ấy đều tỏ rằng tin thệ-văn C xác-thật không phải là vô-lí. Duy có hai chữ *bồi-tụng* đứng trước tên Nguyễn Trãi nó khiến tôi thắc mắc ít nhiều. Bồi-tụng nghĩa là hầu cạnh vua để bàn góp việc nước. Đó cũng là tên một chức đại-thần đời Lê Trịnh, sau chức tham-tụng tức là chức đầu các quan. Còn Nguyễn Trãi bấy giờ có chức vị rõ ràng, là *Nhập nội hành-khiển, Lại-bộ thượng-thư kiêm hành cơ-mật viện-sự*. Sao không chép « hành khiển thần Nguyễn Trãi... ». Phải chăng *bồi-tụng* thần chỉ có nghĩa là kẻ bày tôi hầu việc, chứ không phải tên chức quan. Hiểu như thế thì ta cũng vượt được chướng-ngại cuối cùng, và ta có thể tin với một xác-suất khá cao rằng bốn bài thề tôi đã trình trên đều có gốc chân-xác từ đời Lê Lợi. Như tôi đã nói, hai bài nôm rất quý về Việt-ngữ-học vì đã bảo-tồn ngôn-ngữ ta thuộc đầu thế thế-kỉ 15 dương-lịch. Hợp với bài thề bằng chữ Hán, hai bài ấy lại đem lại cho ta một ít sự-kiện linh-hoạt về bản-thân Lê-Lợi và về cuộc khởi nghĩa Lam-sơn, nó đã không bị các nho-gia hoặc các sử-thần gọt gũa và uốn nắn vì lí-do luân-lí và chính-trị.

HOÀNG XUÂN-HÃN
Paris, mùa đông năm 1965



Xã hội tư bản đã đưa tới sự tha hoá này khi nó tới giai đoạn kỹ nghệ hóa. Ở giai đoạn này, chúng ta chứng kiến một sự đại sản xuất, và chế độ kinh tế này tạo nên một giai cấp nô lệ càng ngày càng lớn, và hiểu là mình bị lệ thuộc : giai cấp vô sản. Vì ý thức được tình trạng và địa vị của mình, giai cấp vô sản này sẽ làm cho sự tranh đấu giữa các giai cấp trở nên nghiêm trọng hơn, và chính giai cấp vô sản này sẽ đưa tới cách mạng. Giai đoạn tư bản kỹ nghệ là giai đoạn cuối của một sự diễn tiến lịch sử đã đưa xã hội loài người đi từ chế độ nô lệ tới chế độ phong kiến, rồi tới chế độ tư bản trước thương mại, sau kỹ nghệ. Thế giới của thế kỷ thứ XIX, cùng một lúc nó bị kỹ nghệ hóa, đã đi tới giai đoạn cách mạng, giai đoạn ở đó quyền tư hữu bị phế trừ.

Cuộc cách mạng của giai cấp vô sản này phù hợp với sự diễn tiến bất khả kháng của lịch sử, với sự vận chuyển biến chứng của lịch sử, nghĩa là sự đấu tranh giai cấp. Marx viết là : «giai cấp trung lưu đã giữ trong lịch sử một vai trò rất là cách mạng. Ở khắp những nơi nào nắm được chính quyền, giai cấp trung lưu đã phá hủy tất cả mọi điều kiện phong kiến, thị tộc... ». Nhưng làm như vậy, «giai cấp trung lưu đã không chỉ rèn luyện những khí giới sẽ diệt vong giai cấp này ; nó lại còn sản xuất những con người sẽ xử dụng khí giới ấy — các thợ thuyền ngày nay, các người vô sản.» (2) Cuộc cách mạng hoàn toàn là một sự đấu tranh giai cấp mà giai cấp vô sản cầm đầu để chống lại giai cấp trung lưu ; sự tranh đấu này bắt đầu từ tình trạng mâu thuẫn giữa các lợi ích kinh tế. Trong quyển *La lutte des classes en France (1848-1850)*, viết vào năm 1850, Marx cho là cuộc cách mạng tháng 2 năm 1848 ở Pháp đã làm giai cấp vô sản, giai cấp tiểu tư bản, dân quê và giới trí thức chống lại giai cấp mà Marx gọi là giai cấp quý phái tài chính (giới ngân hàng và kinh doanh).



Thuyết mác-xít như thế đã được thiết lập với những tiêu chuẩn lý tưởng (*ideal-typen*) — chế độ tư bản, lao động vô sản, giai cấp xã hội, sản lực... — để giải thích các hiện tượng xã hội liên hệ với cuộc

(2) *Bản tuyên ngôn đảng Cộng Sản, 1848.*

cách mạng kinh tế ở Âu châu vào giữa thế kỷ thứ XIX. Thuyết này đã hướng các sử gia vào khu vực phức tạp của các giải thuyết kinh tế ; nhờ có nó, người ta đã ý thức được một cách xác đáng hơn các sự vận chuyển kinh tế và xã hội. Sử gia nghiên cứu sử kinh tế ngày nay đã lợi dụng được tư tưởng của Karl Marx. Như E LABROUSSE (3), đã nối liền các cuộc cách mạng ở Âu châu vào tiền bán thế kỷ thứ XIX với thuyết tuần hoàn (*théorie cyclique*) của các giai đoạn kinh tế : có hai giai đoạn luân phiên nhau, giai đoạn A, khi giá cả tăng và kinh tế thịnh vượng, và giai đoạn B, khi giá cả hạ, kinh tế trầm trệ, tình trạng của giới thợ thuyền rất khó khăn, nhiều khi đen tối. Ở Âu châu, giai đoạn 1815-1850 là một giai đoạn B, vì thế có thể giải thích được các cuộc cách mạng.

Như thế, thuyết mác-xít đã giữ một vai trò phong phú, bằng cách chỉ cho sử gia thấy là các khía cạnh kinh tế của lịch sử có thể có tính cách hệ trọng, và khuyến khích sử gia đi tìm những khía cạnh ấy. Song thuyết mác-xít chỉ phong phú nếu nó hiến cho ta những giả thuyết cần được chứng minh ; nó phản sử học khi nó trở thành một phương pháp để giải thích mọi thời đại lịch sử.

Tại vì Marx coi sự diễn tiến xã hội như là một sự diễn tiến tự nhiên, phụ thuộc với những qui tắc không những độc lập đối với ý chí của con người, nhưng lại còn qui định cả ý chí ấy nữa : có những định luật lịch sử đưa giai cấp vô sản tới công cuộc đập đổ giai cấp tư bản để chiếm lấy quyền thế. Thành thử, sự diễn tiến lịch sử không được bày tỏ như là sự đấu tranh giữa hai nhóm người, nhưng như là sự vận động của các khối khác nhau, và tự hủy lẫn nhau vì trọng lực riêng của chúng. Vì thế cho nên thuyết mác-xít có thể được coi như là một thuyết tất định, cho lịch sử là một sự tiến hành nghiêm khắc, không thể nào ngăn cản hay làm cho đổi hướng được. Các định luật mà Marx tìm thấy ấy là những yếu quyết của một cơ giới sẽ luôn luôn lập lại trong thời gian sự biến chuyển nghiêm ngặt của nó. Giai cấp của những người bị bóc lột sẽ phá hủy giai cấp những người bóc lột ;

(3) E. LABROUSSE, *Aspects de la crise et de la dépression de l'économie française au milieu du XIX^e siècle (1846-1851)*. Paris, 1956.

cuộc cách mạng này liên hệ với một giai đoạn trong sự tiến triển kinh tế xã hội. Giai cấp trung lưu loại trừ giai cấp quý tộc, khi kinh tế đình điền phong kiến được thay thế bởi tư bản thương mại; lao động vô sản sẽ loại giai cấp trung lưu khi quyền công hữu thay thế quyền tư hữu.

Dưới con mắt của Marx, lịch sử Tây phương được coi là lịch sử mô phạm, vì chỉ có lịch sử này mới đã phát triển cực độ các tiến bộ kỹ thuật, mới đã thiết lập tư bản kỹ nghệ, mới đã bành trướng các cuộc đấu tranh giai-cấp và các cuộc cách mạng. Lịch sử ấy có một giá trị tiêu chuẩn nhờ ở những điển hình nó có thể hiển cho các xã hội, các lịch sử khác. Nhưng thuyết mác-xít lạc lối ở đây: thay vì hiểu là các hình thức biến chuyển từ những xã hội vô giai cấp tới những xã-hội có giai-cấp có một phức số tính rất lớn, hệ thức của Marx được coi như là mô phạm các giai đoạn mà mỗi xã hội bắt buộc phải trải qua, tuy là mau hay chậm tùy theo các trường hợp.

Như vậy, giòng lịch sử trở nên một sự vận động tương phản giữa một hằng số (*constante*) và một biến số (*variable*). Hằng số là đoàn thể xã hội, nhưng một đoàn thể xã hội cơ giới hóa, luôn luôn tương tự trong sự biến chuyển của nó. Biến số là trình độ hay hoàn cảnh kinh tế xã hội trên thế giới, nhưng những điều kiện kinh tế xã hội này được trình bày như những sức mạnh thiên nhiên đã được tổ chức một cách khoa học, nghĩa là nằm ngoài con người, không dính dáng chút nào với con người. Thành thử, hiện tại sẽ lặp lại quá khứ, chỉ với những điều kiện kinh tế kỹ thuật khác mà thôi. Công việc sử gia phải làm sẽ là nghiên cứu những sự lặp lại, nhấn mạnh lên tính vĩnh cửu của quan niệm giai cấp, và nối liền các sự tiến triển của giai-cấp ấy với sự phát-triển khách quan (*développement objectif*) của kinh tế. Nhiệm vụ của sử gia không phải là khám phá ra lịch sử nữa, mà là «tìm lại» lịch sử, tìm lại lịch trình diễn tiến đã thúc đẩy một cách cơ giới nhân loại tiến hành từ chế độ cộng sản nguyên thủy để kết thúc bằng chế độ cộng sản tối hậu.

Thuyết mác-xít là thuyết của cái không thể tránh được, và Marx đồng hóa triết lý về sử của ông với lịch sử; ông đòi hỏi lịch sử bắt buộc chỉ làm những gì nó *phải* làm. Nhưng các kết luận của Marx khó gò ép các xã hội lịch sử, rất thường không chịu nhận những sự

phân chia giai đoạn của thuyết mác-xít, những sự phân chia giai đoạn cho phép phân biệt một xã hội bằng một cách thức sản xuất « nô lệ », « phong kiến » hay « tư bản », v.v... Vì thế, các nhà chuyên môn đã phải tranh luận nhiều, khi đề cập tới « giai đoạn nô lệ » ở Ấn độ, Trung Hoa, Nhật bản, Việt-Nam. Hắc Phi Châu, v.v... Cũng có người tìm cách biến đổi hệ thức 4 giai đoạn xã hội của Marx, tuy không muốn đập đổ hẳn hệ thức ấy ; vì họ chỉ có những khái niệm Tây phương về chế độ nô lệ và chế độ phong kiến, họ xếp nhiều đoàn thể xã hội vào trong loại phong kiến, làm quan niệm « phong kiến » mở ra quá rộng ; họ nói tới xã hội phong kiến mỗi khi họ gặp một giai cấp quý phái. Quan niệm này đã bị chỉ trích rất nhiều bởi những sử gia như Marc BLOCH (4) hay Robert BOUTRUCHE (5).

Riêng với các xã hội Á đông, các sự kiện lịch sử khó thích ứng nổi với các khái niệm của lịch sử Tây phương. Để giải thích đặc tính của lịch sử Á châu, các sử gia áp dụng thuyết mác-xít đã phải nghĩ tới một quan niệm khác, quan niệm « cách thức sản xuất Á đông » (*mode de production asiatique*). Quan niệm này chỉ định vài xã-hội trong đó các đoàn thể bộ lạc đã biến chuyển tới những hình thức sở hữu đoàn thể mới, và đã xuất hiện một giai cấp quý phái nắm được quyền uy. Trong những xã hội này, dân quê không phụ thuộc giai cấp quý phái y như ở Âu châu phong kiến ; sự liên hệ giữa giai cấp quý phái và giai cấp nông dân ở đây hoàn toàn khác biệt với sự liên hệ giữa các giai cấp trong một xã hội phong kiến. (6)



Sử quan mác-xít căn cứ trên những con số trung bình, mà không đề ý tới những tình trạng đặc biệt của các thời đại lịch sử, ngoài tình

(4) *La Société féodale* Paris, 1940.

(5) *Seigneurie et féodalité*. T.I. Paris, Aubier, 1959.

(6) Đọc thêm : P. VIDAL-NAQUET, Karl Wittfogel et le concept de « Mode de production asiatique ». *Annales (Econcmies, Sociétés, Civilisations)*, no 3, 1964.

Maurice GODELIER, La notion de « mode de production asiatique ». *Les Temps Modernes*, Mai 1965, pp. 2002-2027.

trạng của sự phát triển kinh tế. Vì hạn chế như thế, vì nhấn mạnh lên yếu tố kỹ thuật có vong nhân tính, thuyết mác-xít đã cơ giới hóa lịch sử, đã xóa bỏ tha tính của lịch sử, xóa bỏ những biệt dị ở trong con người, vừa là con người tôn giáo, con người kỹ thuật, con người chính trị, con người văn hóa, và con người kinh tế. Thuyết mác-xít đã đem áp dụng cho con người những quan niệm căn bản của kinh tế học, trong khi sử học lại đem tính bất nhất, tạp bác của con người tới giải thích kinh tế. Thuyết mác-xít trở nên một phương pháp giải thích lịch sử đã chỉ có những kết quả tiêu cực nếu nó chỉ được áp dụng một cách câu nệ. Thật ra, sử quan của Marx là một lòng tin, là một ý thức hệ; nó hiến cho lịch sử một nghĩa lý mới, một mục đích mới trong thời gian, sự chấm dứt thời « tiền sử », theo lời Karl Marx.

NGUYỄN THẾ-ANH

*Giảng-sư Đại Học Văn Khoa Huế
và Đại Học Sư Phạm Saigon*

MUA Ở Đâu ĐƯỢC

dồ nữ trang và vàng lá tốt mà giá hạ ?

Bán ở đâu được giá cao ?

Xin mời ngay lại tiệm vàng NGUYỄN-THẾ-TÀI

190 Lê thánh Tôn — Saigon

trước cửa có 4 cộp vàng

thử phác-họa những nét đại-cương về
ĐỊA-LÝ của **NAMPHẦN**
HÌNH-THỂ **VIỆT-NAM**

★ LÂM-THANH-LIÊM

(tiếp theo)

**3.— NHỮNG GIẢ THUYẾT GIẢI-THÍCH
CÁCH CẤU-TẠO CÁC NÚI « CÔ-LẬP »**

a) Giả thuyết thứ nhất :

⊕ Các núi « cô-lập » là những hòn-đảo xưa được sát-nhập vào nội-địa nhờ tác nhân bồi đắp của sông Cửu-Long.

Hiện tượng sát nhập của các tiểu đảo và lục-địa thường được tìm thấy dọc theo miền duyên-hải ở Trung-phần Việt-Nam, nhờ tác-dụng bồi đắp của a giong hải-lưu chảy dọc theo bờ biển mà chiều hướng được thay đổi tùy theo ngọn gió mùa. Chính những dòng nước biển này đã cấu tạo các tombolo nối liền các đảo và đất liền. Hiện-tượng này có thể áp-dụng cho trường-hợp của các núi « cô-lập » tại đồng bằng chu-thở sông Cửu-Long không ?

Nếu các núi cô-lập là những đảo xưa được sát nhập vào nội địa nhờ sự nói-rộng-lớn dần của châu thổ sông Cửu-Long thì người ta cần phải tìm thấy lại những vết-tích của đất-cạn đại-dương (dépôts marins), nhất là các vỏ-sò, vỏ-ốc..... tập trung ở phía dưới chân núi thạch kết-tinh.

Nhưng khi đến quan-sát tại chỗ, người ta không thấy một dấu-hiệu nào chứng-minh những điều vừa nêu trên. Do đó, giả-thuyết này không thể đứng-vững được, vì không phù-hợp với thực-tế.

b) Giả-thuyết thứ nhì.

✧ Các núi «cô-lôp» là những hỏa-sơn đã bề tể, bị xâm thực bào mòn phần trên đỉnh, chỉ để tồn tại lại phần dưới chân của núi lửa.

Giả thuyết này đã được nhiều nhà địa-chất học Pháp đề-cập đến.

Petiton (1869), R. Bourret (1924), A. Lacroix đã nghiên-cứu những mẫu-thạch (1) (échantillons) núi Châu-Thới, núi Lò-Gạch cho rằng những núi này thuộc loại hỏa-sơn (2).

Gần đây, Edmond Saurin và Tạ-Trần-Tấn nghiên cứu những mẫu-thạch (Andésites, Rhyolites, Dacites, Tufs....) tại các hầm đá Tân-Vang (3) và Bình-An (4) và kết-luận rằng những mẫu-thạch ấy thuộc thành phần của phún-thạch núi Châu-Thới (5).

Vì núi này cao 89m, chế ngự các hầm-đá Tân-Vang và Bình-An cao độ khoảng 63m, nên Ed. Saurin đưa ra giả-thuyết cho rằng các nham-thạch ấy, cấu tạo phần dưới chân của hỏa-sơn, là vết-tích của loại núi lửa Strato-Volcan.

Tạ-Trần-Tấn, trong bài khảo cứu « Le Complexe éruptif du Mont Châu-thới II » (6), phác-họa một sơ-đồ của núi này, các vùng bao-quanh và trình-bày cách xếp tầng địa-chất như sau :

(1) Microgranulites, Tufs, brèches porphyriques, Dacites v.v...

(2) Petiton, *Géologie de l'Indochine*, Imp. nat., Paris 1895.

R. Bourret., *Contribution à l'étude des roches éruptives indochinoises Bull. Serv. Géol., Indochine, Hanoi 1924, 13 Fasc.1.*

A. Lacroix, *Contribution à la Connaissance de la Composition Chimique et Minéralogique des roches éruptives de l'Indochine. Bull. Serv. Géol. Indochine, Hanoi 1933, 20 Fasc.3.*

(3) Về phía Đông Bắc, cách núi Châu-Thới 2km.

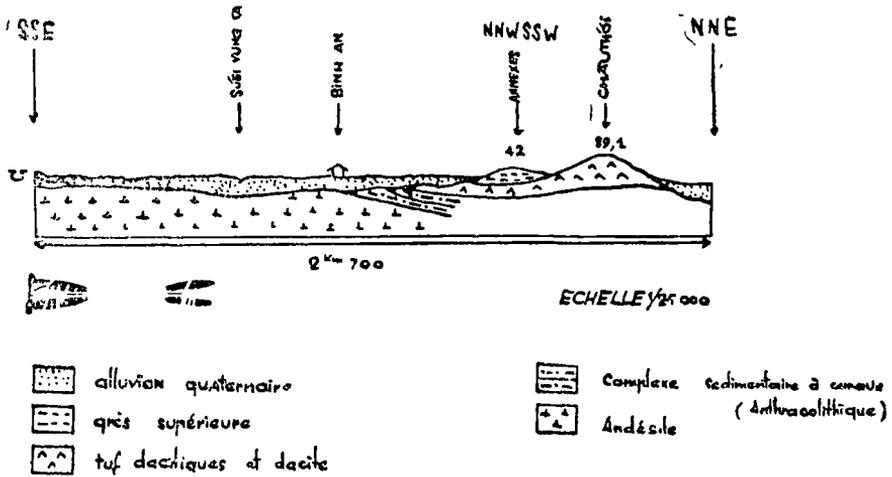
(4) Về phía Bắc, cách Núi Châu-Thới 3,5km.

(5) *Khảo cứu niên-san*, Khoa-Học Đại Học Đường, 1962 « *Le Complexe éruptif du Núi Châu-Thới* ». Từ trang 478 - 484.

(6) *Nghiên-cứu niên-san*, 1963-1964, từ trang 45-54, Khoa Học Đại Học Đường.

- Đất phù-sa silice pha lẫn đất sét (Alluvions Silico-argileuses đệ tứ kỷ nguyên do sông Đồng-Nai bồi đắp.
- Đá Grès Supérieur.
- Khối Dacites vi-đại nằm trải trên một chiều dài độ 10km, bao gồm cả vùng Lò-Gạch ở phía tả-ngạn của sông Đồng-Nai.
- Nham-thạch Gréso-schisteux.
- Andésites.

Căn-cứ trên cách xếp-tầng này, Tạ-Trần-Tấn giải thích sự cấu-tạo núi Châu-Thới như sau : (Xem sơ đồ)



Thiết-đồ địa-chất của vùng Châu-Thới.

Theo giả thuyết của Tạ-Trần-Tấn.

(Trích trong *Khảo-cứu niên-san* — Trang 51, Khoa-Học Đại Học Đường — 1963-1964)

— Khi bước vào giai-đoạn hoạt-động, núi Châu-thới phun dung-nham rất loãng thuộc loại Andésite à pyroxène.

Hình-thức chảy này giống tựa như các hỏa-sơn mà người ta thường tìm thấy trong dãy Trường-sơn thuộc các vùng Cao-nguyên Darlac, Pleiku, Kontum. . .

Núi Châu-thới thuộc thành-phần của loại hỏa-sơn này.

Edmond Saurin đã nghiên-cứu thạch Andésite quanh vùng Biên-hòa, kể cả núi Châu-thới ; mặc dù Saurin chưa tìm đủ các yếu-tố địa-phương để chứng-minh điều này.

Nhưng sự xếp-tầng của nham-thạch tương-tự ở những miền lân-cận cho phép Saurin kết-luận rằng hoạt-động hỏa-sơn Châu-thới khởi phát cuối thời Carbonifère.

Căn-cứ trên lập-luận của Saurin, Tạ-Trần-Tấn đưa ra giả-thuyết cho rằng, sau khi lớp Andésite được cấu-tạo, xâm-thực mạnh bào-mòn tầng phún-thạch này. Biền xâm-nhập, bao-phủ lớp Andésite vào thời Ouralo-Permien, để các lớp thủy-tra-thạch Complexe Sédimentaire à Coraux.

Kế tiếp, biền thoái-lùi dần, đồng-thời, hiện-trợng hỏa-sơn tái xuất-hiện cuối thời Permien.

Phún-Thạch Dacite chảy tràn bao-phủ vùng Châu-Thới, kể cả đồi Lò-Gạch ở phía Bắc. Hiện-trợng tái-hoạt-động hỏa-sơn khá mãnh-liệt, vì hiện nay, lớp bìa thủy-tra-thạch (couverture sédimentaire) bị xếp nếp và khối dacite nằm chõng gián-đoạn (en discordance).

Căn-cứ trên việc nghiên-cứu thạch dacite à tufs dacitiques Tạ-trần-Tấn ấn-định giai-đoạn tái hoạt-động hỏa-sơn vào thời Permien.

Kể từ đó, vùng Châu-thới được nhô lên khỏi mặt biển và được yên-tĩnh hẳn. Tái xâm-thực tiếp-tục bào mòn, bình-địa dần hỏa-sơn.

Bị xâm-thực, nham-thạch hỏa-sơn tạo ra vật-liệu Grès Supérieur (đệ-nhị kỷ-nguyên). Người ta tìm thấy Grès Supérieur này tập-trung ở phía dưới chân núi Châu-thới.

Sau cùng, các vật-liệu hỏa-sơn (Tufs, dacite), thủy-tra-thạch Complexe Sédimentaire à Coraux và Grès Supérieur bị chôn-vùi dưới

một lớp bìa phù-sa cũ và mới của thời đệ-tứ kỷ-nguyên, do tác-nhân bồi đắp của sông Đồng-nai.

Từ thời đệ tứ kỷ-nguyên trở lại đây, vùng Châu-thời không biển đồi mấp, ngoại trừ hiện tượng thấm nước rửa đất (phénomène du lessivage) tạo-thành một lớp đá ong (laterite) nằm xen-kẽ giữa các lớp phù-sa.

PHÊ-BÌNH GIẢI-THUYẾT CỦA SAURIN VÀ TẠ-TRẦN-TẤN :

1.— VỀ CÁCH XẾP-TẦNG (STRATIGRAPHIE) VÀ VỀ NHAM-THẠCH-HỌC (LITHOLOGIE)

a) Nếu Edmond Saurin và Tạ-Trần-Tấn cho rằng biển xâm-nhập vào miền chu-thở sông Cửu-Long hiện nay thời Permien, để lại lớp Complexe Sédimentaire à Coraux và thoái-lũu trước thời đệ nhất kỷ-nguyên, thì chúng ta khó giải-thích được sự cấu-tạo của đồng bằng.

Trong bài trước (tập-san số 1), tác giả chứng-minh đồng-bằng này thuộc một trũng hạ-áp thật chậm.

Hiện-tượng trầm-lực (phénomène de subsidence) khởi phát vào cuối đệ nhất kỷ-nguyên (Permien) và vẫn tiếp-tục ở thời đệ nhị kỷ-nguyên (Trias); do đó, biển xâm-nhập vào trũng hạ áp này, để lại lớp Complexe Sédimentaire à Coraux. Vậy thì tầng thủy-tra-thạch này được cấu-tạo giữa thời Permien và Trias (chớ không phải chỉ ở thời Permien mà thôi).

b) Mặt khác, Tạ-Trần-Tấn cho rằng lớp Grès Supérieur (đệ-nhị kỷ-nguyên) thuộc vật-liệu xâm-thực nguyên-thủy lục-địa (d'origine détritique). Điều này có chỗ nghi-ngờ.

Thật vậy, lớp Grès Supérieur này rất dày, có nơi dày đến hằng mấy trăm thước và chiếm một diện-tích rộng-lớn, bao-phủ phía bên này bên kia của trũng hạ-áp chu thở sông Cửu-long (dãy Đạu khấu ([Cardamomes] và phía Nam của dãy Trường-son).

Người ta cũng tìm thấy thạch Grès Supérieur ở dãy Dang-Rek Bắc Cấm-bốt) và cả ở bên Thái-lan.

Lớp Grès Supérieur dày và diện-tích của nó rộng lớn chứng-minh rằng lớp nham-thạch này có thể do biển Trias cấu-tạo và nằm chồng liên-tục trên lớp Complexe Sédimentaire à Coraux.

Giả thuyết, mà tác-giả nêu ra, cần phải được nghiên-cứu lại, vì hiện nay, việc nghiên-cứu của các nhà địa-chất-học chưa được sâu rộng về điểm này, cần phải tiếp-tục thực-hiện những công-tác thăm-dò (sondage) ở nhiều nơi (Tây-ninh, Cardamomes, Dang-Rek...). Người ta mới có thể xác-định lại rõ-ràng lớp đá Grès Supérieur (nguyên-thủy đại-dương hay lục-địa).

c) Trên thiết-đồ địa-chất do Tạ-Trần-Tấn phác-họa trong bài nghiên-cứu «Le Complexe éruptif du Núi Châu-thới II», còn thiếu lớp thạch Rhyolite.

Theo Tạ-Trần-Tấn, thì lớp nham-thạch này là một mạch phi-long (Filon). Một mạch phi-long, đúng với định-nghĩa của nó, có chiều rộng từ vài cm đến vài thước và chiều dài của nó đôi khi đến vài cây số

Vì khối Rhyolite được tìm thấy tại hầm đá ở phía Nam, cạnh ấp Tân-sinh, cách núi Châu-thới khoảng 300 m (theo đường thẳng chim bay) chiếm một diện-tích rộng lớn và nằm phía dưới khối dacite, nên tác-giả nhận thấy giả-thuyết mạch phi-long Rhyolite của Tạ-Trần-Tấn không đứng vững được. Cả 2 nham-thạch, Dacite và Rhyolite, đều thuộc loại phún-thạch có nhiều chất base.

Lẽ dĩ-nhiên, lúc xảy ra hiện-tượng phún-xuất (écoulement) 2 loại nham-thạch này thuộc chất lỏng thật loãng (très fluide) ; do đó, hiện-tượng chảy thuộc loại êm-thắm (Type calme) chứ không phải thuộc loại nổ-tung (explosion) như Tạ-trần-Tấn đã nêu ra, làm cho lớp Grès Supérieur và lớp Complexe Sédimentaire à Coraux bị xếp-nếp.

Sự xếp-nếp của các lớp thủy-tra-thạch này là do một sự-kiện khác tạo nên mà tác-giả sẽ đề-cập đến trong giả-thuyết thứ ba.

Hiện-tượng phún-thạch đã xảy ra thời-kỳ nào ?

2.— VỀ THỜI-KỶ TÁI-HOẠT- ĐỘNG CỦA HÒA - SƠN

Theo Tạ-Trần-Tấn, thì hiện-tượng tái hoạt-động hòa-sơn xảy ra vào thời Permien. Việc định tuổi này (datation) có chỗ nghi-vấn.

Thật vậy, nếu hoạt-động hòa-sơn tái xuất-hiện cuối đệ nhất kỷ-nguyên, thì địa-thể này phải thuộc loại tiêu đảo hòa-sơn. Nếu quả thật như vậy thì người ta phải tìm thấy các dấu vết đại-dương (Fossiles marins).

Nhưng trên thực-tế, không một dấu hiệu nào chứng-minh điều nói trên (xem lại giả-thuyết thứ nhất). Vậy thì hiện tượng phún-xuất (éruption) đã xuất-hiện trên đất liền hay gần duyên-hải ; nói một cách khác, hiện-tượng tái phún-xuất phải xảy ra sau thời Permien, có thể vào thời Trias ? (đệ nhị kỷ-nguyên) hay sau thời kỳ này.

Vấn-đề định tuổi cần phải được điều-chỉnh lại.

3.— VỀ HÌNH-THỨC PHÚN-XUẤT (FORME D'ÉRUPTION)

Edmond Saurin và Tạ-trần-Tấn cho rằng hiện-tượng phún-xuất thuộc loại nổ-tung (explosion). Sức nổ-tung mãnh-liệt làm các lớp thủy-tra-thạch bị « xếp-nếp » và các tinh-thê (cristaux) trong thạch kết-tinh bị xô-dịch. Hai bác-luận (objections) chỉ trích giả-thuyết này :

a) *Bác luận thứ nhất :*

Thạch Andésite, Rhyolite và Dacite thuộc loại dung-nham thật loãng vì chứa đựng nhiều chất base. Bởi đặc-tính này, tác-giả đề-nghị giả-thuyết phún-xuất thuộc loại chảy êm-thắm (écoulement calme).

b) *Bác-luận thứ nhì :*

Sự xô-dịch của các tinh-thê chưa hẳn chắc do sức ép mạnh của hiện-tượng nổ-tung tạo nên. Hơn nữa, vấn-đề này chưa được các nhà địa-chất học và địa-lý gia giải-thích được. Những kẽ hở nằm ở giữa các tinh-thê còn nhiều bí-ẩn mà người ta bắt buộc đưa ra nhiều giả-thuyết.

Sự « xếp nếp » hay đúng hơn hiện-tượng gợn-sóng (ondulations) của các lớp thủy-tra-thạch không hẳn chắc do sức nổ-tung tạo ra. Những kẽ hở

của thạch kết-tính, sự gợn sóng của thủy-tra-thạch Complexe Sédimentaire à Coraux và Grès Supérieur có thể do một nguyên-nhân nào khác. Do đó, tác-giả đề-nghị một giả-thuyết thứ ba để giải-thích sự cấu-tạo của một vài núi « cô-lập » tại Nam-phần Việt-Nam, đặc biệt là núi Châu-thới.

a) Giả thuyết thứ ba :

hiện-tượng phún-xuất êm-thắm

Căn-cứ trên đặc-tính của dung-nham thật lỏng và lớp thủy-tra-thạch dày, tác-giả đề-nghị hiện-tượng phún-xuất của núi Châu-thới thuộc loại êm-thắm (type calme), vì lớp thủy-tra-thạch quá dày, đến hằng mấy trăm thước, nên dung-nham loãng không đủ sức cắt-đứt xuyên qua các tầng nham để chảy tràn ra ngoài địa-thể. Do đó, phún-thạch chảy trong lòng đất, nằm ở giữa các lớp nham-thạch Complexe Sédimentaire à Coraux và Grès Supérieur.

Dưới sức ép mãnh-liệt từ trong lòng đất đưa lên cao, các lớp thủy-tra-thạch bị gợn-sóng, nổi phồng lên tạo ra hình-thè Ung Laccolithe.

Khi trời lên gần mặt địa-thể, dung-nham hóa nguội, do đó, sức ép và nhiệt-độ bị giảm bớt xuống, không đủ điều-kiện để biến những lớp thủy-tra-thạch biến-thè (roches métamorphiques).

Chính hiện-tượng phún-xuất êm-thắm này mới có thể giải-thích được hình-thè của núi Châu-thới, thuộc loại Ung Laccolithe. Thạch Andésite, dacite, Rhyolithe có tính-cách địa-phương ; những vùng bao quanh không có loại nham-thạch này. Núi Lò-gạch có thể cũng do hiện-tượng tương-tự trên cấu-tạo.

Khi địa-thể Ung Laccolithe xuất-hiện xong, xâm-thực bào-mòn lớp Grès Supérieur trên đỉnh núi, để phơi-bày ra (exhumer) ngoài mặt địa-thể lớp dacite, đồng thời sông Đồng-nai có tác-dụng bồi đắp, mang lại lớp phù-sa cũ và mới bao-phủ lên trên lớp Grès Supérieur.

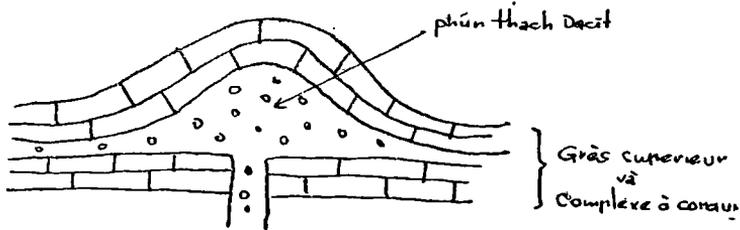
Nếu giả-thuyết thứ ba này đúng, thì cuộc thăm-dò phải tìm thấy lại lớp Grès Supérieur này nằm ần (fossilisé) dưới lớp phù-sa và trong đá Grès, phải có các dấu-vết đại-dương.

Tóm lại, trong 3 giả-thuyết vừa nêu trên, chỉ 2 giả-thuyết sau cùng mới có giá-trị.

Quan-sát tại chỗ, chúng ta có cảm-tưởng là địa-thể đồng-bằng chu-thở sông Cửu-long đơn-giản, nhất là trường-hợp của các núi «cô-lập»; nhưng trên thực-tế, các hình-thể này cực-kỳ phức-tạp.

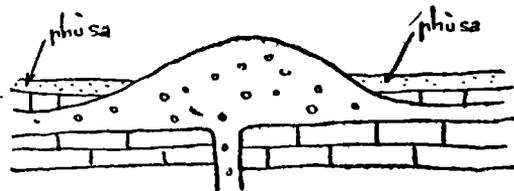
Núi Châu-thới và một vài núi «Cô-lập» khác bao quanh thuộc loại hình-thể Ung; Nói như thế, không phải tác-giả cho rằng tất cả núi Cô-lập đều thuộc loại hình-thể này.

Sơ-đồ thật đơn-giản giải-thích sự cấu-tạo của Núi Châu-Thới.



HÌNH UNG LACCOLITHE

GIAI-ĐOẠN I : Phún thạch chảy trong lòng đất, nằm ở giữa các lớp Gres Supérieur và Complexe Sédimentaire à Coraux tạo ra hình-thể Ung Laccolithe.



GIAI-ĐOẠN II : Xâm-thực dị-biệt bào mòn lớp Gres Supérieur trên đỉnh, để phơi lộ ra ngoài địa-thể lớp thạch Dacite.

Ở các miền đất đỏ (Hơn-Quán, Lộc-Ninh, Phước-Tuy...), Các núi Cô-lập là những dấu-vết của hỏa-sơn hình-nón (Cône) mà thời-kỳ hoạt-động đã xảy ra vào thời đệ tứ kỷ-nguyên; thạch basalte rất loãng chảy tràn ra ngoài địa thế ; kế tiếp, dưới khí-hậu nhiệt đới, bị xâm thực, thạch basalte tan-rã ra (se décomposer) tạo thành đất đỏ (Terres rouges) nằm xếp theo hình sợi dây-da (lanières) [giống tựa như vùng đất tím (terres violettes) hỏa sơn trên cao-nguyên Ba-Tây] mà các giới trồng-tĩa Pháp tìm kiếm để thiết-lập các đồn điền cao-su, cà-phê....

Ngoài các loại hình-thê Ung và hỏa-sơn hình-nón vừa nêu trên, đồng-bằng chu-thồ sông Cửu-Long còn có loại núi cô-lập khác, do hiện-tượng thạch hoa-cương trời (intrusion granitique) cấu-tạo. Thạch-hoa-cương này thuộc loại Batholite (1).

Dưới sức ép mạnh, dưới nhiệt độ cực-cao, thạch hoa-cương từ trong lòng đất sâu trời dần lên cao, hóa nguội và trở nên thật cứng-rắn, cắt đứt ngang các tầng thủy-tra-thạch và lớp phù-sa, nhô lên khỏi địa-thể tạo thành các núi cô-lập. Hiện-tượng thạch-hoa-cương trời này mới có thể giải-thích được một vài đỉnh núi cao như trường-hợp của Núi Bà-đen (938 m) ở Tây-ninh.

Thạch-hoa-cương trời không phải là hiện-tượng đặc-biệt của Nam phần Việt-Nam. Người ta còn tìm thấy hình-thê này tại phía Nam của dãy Núi Trường-sơn, phía bên này bên kia trên quốc-lộ Saigon - Dalat, cách Định-quán độ 20 km. Hai đỉnh núi cao (2) trên Cao-nguyên Lâm-viên (Lang-Biang) có thể do hiện-tượng thạch-hoa-cương trời tạo nên [chớ không phải là «Culot» hỏa-sơn mà Pierre Gourou, Charles Robequain đã đề-cập đến].

Hiện-tượng thạch-hoa-cương trời được Pierre Birot và Max Deruau (3) gọi là Loại Hòa-Bình (Type Pacifique). Cách cấu-tạo này cũng

(1) Bathus (tiếng Hy-lạp) : Profondeur (tiếng Pháp) ; dưới sâu.
Lithos (tiếng Hy-lạp) : Pierre (tiếng Pháp) ; nham-thạch.
Batholites : nham-thạch dưới đất sâu.

(2) Núi «Vú-Bà».

(3) *Précis de Géographie physique Générale*, P. Birot, Col. Colin, 1959.

được tìm thấy ở các nước nằm dọc theo duyên-hải Thái-Bình-Dương như rặng núi Andes (Nam Mỹ-Châu), dãy Coast-Range (Californie, Bắc Mỹ-Châu), miền Nam Trung-hoa lục-địa, Bán đảo Đông-Dương.

Những nét đại-cương về hình-thể của đồng-bằng chu-thồ sông Cửu-Long là bước đầu tiên, sẽ đưa đến công cuộc nghiên-cứu sâu-rộng hơn trong tương-lai. Công-tác này rất khó-khăn trên mọi phương-diện, kỹ-thuật, du khảo v.v... vì nó đòi hỏi một thời-gian lâu dài, đòi hỏi nhiều cố-gắng và nhiều thiện-chí của các nhà địa-chất học, địa-lý gia.

Tác-giả rất mong-mỏi mọi ý-kiến xây-dựng của tất cả quý-vị tha-thiết đến địa-lý nước nhà và trong Tập-san số 3 sắp tới, tác-giả sẽ đề-cập đến khí-hậu và hệ-thống sông ngòi của Nam-phần Việt-nam.

Saigon ngày 22-4-66

LÂM-THANH-LIÊM

Nói đến sách, nhớ ngay
đến địa chỉ đáng tin cậy :
Số 92, Đại-lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T : 20.267

TỰ - LỰC

*Sách vở, giấy bút, dụng-cụ
văn phòng và học - sinh*

SÁCH GIÁO-KHOA VIỆT, ANH, PHÁP

**Bút máy các hiệu có tiếng, sản-phẩm hảo-hạng
được tín nhiệm xưa nay, luôn luôn có sách mới,
tất cả các sách giới-thiệu trong thư-mục này đều
có bán tại nhà sách TỰ-LỰC.**

các sứ bộ do triều NGUYỄN *phái sang nhà* THANH



(TỪ TRIỀU GIA-LONG ĐẾN ĐẦU TRIỀU TỰ-ĐỨC)

⊕ BỮU CẨM

NHÀ Nguyễn có lệ 4 năm một lần sai sứ sang nhà Thanh. Nếu có dịp khiến sứ vào những trường-hợp đặc-biệt như gặp các lễ Khánh-hạ (chúc mừng), thỉnh-phong (xin phong tước), tạ-ân (đáp ơn) và tiễn-hương (dâng hương), thì trước kỳ-hạn ấy, bộ Lễ phải thông-tur sang bộ Hộ đề phủ Nội-vụ chiếu lệ lo liệu và tur ra Hà-Nội mua sắm các thứ cần dùng. Kế đó là dự thảo công-văn đệ sang Quảng-Tây hỏi rõ nhật-kỳ tiễn sang quan-ải, nhưng phải chờ xem tình đó phúc-báo thế nào, rồi trước kỳ-hạn phải xin chỉ-dụ trao cho đình-thần lựa chọn và đề-cử 3 viên sứ thần (1 chánh-sứ và 2 phó-sứ), lại chọn 8 người sung vào ban hành nhân 9 người sung vào ban tùy-nhân.

Về sứ-bộ thỉnh-phong, chức chánh-sứ tuyền trong các quan hàng nhị phẩm, giáp ất phó-sứ trong hàng tam tứ phẩm.

Các sứ-bộ khánh-hạ, tạ-ân, thì chức chánh-sứ là quan tam phẩm, giáp ất phó-sứ là quan tứ ngũ phẩm.

Trong các ngày sứ-bộ đi từ Hà-Nội lên tới quap-ải, đều phải đem các nhật-kỳ soạn thành tấu-tập đệ về Kinh. Khi sang đến các tỉnh Quảng-tây, Hồ-bắc, sứ-bộ cũng phải lập bản hành trình kê rõ công việc dọc đường rồi nhờ quan sở-tại bên đó phát-giao về tỉnh Lạng^{son} chuyển đệ vào Kinh. Lướt trở về cũng thế.

Gia-long nguyên niên (1802), Hộ-bộ thượng-thư Trịnh Hoài-Đức 鄭懷德 được cử sung chức chánh-sứ, Binh-bộ tham-tri Ngô Nhân-Tĩnh 吳仁靜 và Hình-bộ tham-tri Hoàng Ngọc-Uần 黃玉蘊 sung chức giáp và ất phó-sứ, đem sắc-ấn của Thanh-triều phong cho Tây-sơn trước kia và bọn giặc bề người Trung-hoa mạo xưng Đông-hải-Vương là bọn Mạc Quan-Phù 莫觀扶, gồm 3 tên, áp-giải sang tỉnh-thành Quảng-đông trao cho viên tổng-đốc tâu về đề Thanh-triều xử-trí.

Ngoài ra, lại còn phái một sứ-bộ thỉnh-phong và xin đặt quốc-hiệu là Nam-Việt. Sứ-bộ này gồm có Binh-bộ thượng-thư Lê Quang-Định 黎光定 sung chức chánh-sứ, Lại-bộ thêm-sự Lê Chánh-Lộ 黎正路 sung chức giáp phó-sứ, Đông-các học-sĩ Nguyễn Gia-Cát 阮嘉吉 sung chức ất phó-sứ.

Nhà Thanh chuẩn cho hai sứ-bộ đồng-thời cùng đến kinh-đô.

Năm ấy Thanh-triều đề-nghị với vua Gia-long nên dùng hai chữ Việt-nam làm quốc-hiệu, giải-thích rằng đặt chữ Việt lên trên là tỏ ý vẫn giữ cương-vực của đời trước, đặt chữ Nam xuống dưới là đề biểu-dương tước mới phong. Sự thật nhà Thanh sợ hai chữ Nam-Việt giống với quốc-hiệu của Triệu Đà, nếu nước ta mạnh lên sẽ đòi lại những đất-dai cũ của nước Nam-Việt, tức là phía tây đến Trung-bộ Việt-nam, phía đông đến tỉnh Phúc-kiến, phía bắc đến Nam-bộ tỉnh Hồ-nam (1) ; kể cả những đất mới chiếm được của Chiêm-thành, Chân-lạp, nước ta có thể trở nên một đại-cường-quốc ở phía nam Trung-hoa, và như thế là một mối lo ngại cho Thanh-triều.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804), sứ-bộ tạ-án của nước ta sang nhà Thanh do Hình-bộ tham-tri Lê Bá-Phẩm 黎伯品 làm chánh-sứ, thêm-sự Trần Minh-Nghĩa 陳明義 và Nguyễn Đăng-Đệ 阮登第 làm giáp và ất phó-sứ. Sứ-bộ này gộp cả phẩm vật của lệ-cống (việc tiến-cống theo lệ 4 năm một lần) tiến sang một thể, vì năm Gia-Long thứ 2, Thanh-triều có tư sang

(1) LỮ SĨ-BẰNG 呂士朋, *Bắc-thuộc thời-kỳ địch Việt-nam* 北屬時期的越南, Hương-cảng, Đông-Nam Á nghiên-cứu chuyên-san, 3, 1964, trang 31.

rằng : năm sau có lễ tạ-ân cách với kỳ tiến-cống năm ất-sửu, Gia-Khánh năm thứ 10, cũng không xa mấy, vậy nên đem cả phẩm-vật kỳ lệ-cống năm ất-sửu (1805) cùng tiến sang một lần cho tiện.

Sứ-bộ tiến-cống sang Thanh vào năm Gia-Long thứ 8 (1809) : Lại-bộ tham-tri Nguyễn Hữu-Thận 阮有慎 (chánh-sứ), cai-bạ Lê Đắc-Tần 黎得泰 (giáp phó-sứ) và thiêm-sự Ngô-Vị 吳位 (ất phó-sứ). Năm ấy gặp lễ Ngũ-tuần Khánh-tiết (lễ mừng thọ 50 tuổi) của vua Gia-Khánh nhà Thanh, nước ta lại phái thêm một sứ-bộ chúc mừng gồm có 3 vị : thị-trung Vũ-Trình 武楨 (chánh-sứ), thiêm-sự Nguyễn Đình-Chất 阮廷隲 và Nguyễn Văn-Thịnh 阮文盛 (giáp và ất phó-sứ).

Năm Gia-Long thứ 12 (1813), gặp kỳ lệ-cống, triều-đình cử chức chánh-sứ là Cần-chính-điện học-sĩ Nguyễn Du 阮攸, hai chức phó-sứ là thiêm-sự Trần Văn-Đại 陳雲岱 và Nguyễn Văn-Phong 阮文豐.

Sứ bộ tiến-cống năm Gia-Long thứ 16 (1817) : Cần-chính-điện học-sĩ Hồ Công-Thuận 胡公順 (chánh sứ), thiêm-sự Nguyễn Huy-Trình 阮輝楨 (giáp phó-sứ), Hàn-lâm-viện Phan Huy-Thực 潘輝湜 (ất phó-sứ).

Năm Gia-Long thứ 18 (1819), gặp lễ mừng thọ 60 tuổi của vua Gia-Khánh nhà Thanh, nước ta cử sứ-bộ khánh-hạ như sau : chánh-sứ là Cần-chính-điện học-sĩ Nguyễn Xuân-Tình 阮春晴, giáp phó-sứ là Đông-các học-sĩ Đinh Phiên 丁翻, ất phó-sứ là Hàn-lâm-viện thị-độc Nguyễn Hựu-Bồng 阮祐琮.

Minh-mệnh nguyên niên (1820), triều-đình phái sứ-bộ cáo-phó và thỉnh-phong sang nhà Thanh, cử Lại-bộ hữu tham-tri Ngô Vị 吳位 sung chức chánh-sứ, thiêm-sự Trần Bá-Kiên 陳伯堅 và thị-độc học-sĩ Hoàng Văn-Thịnh 黃文盛 sang giáp và ất phó-sứ.

Năm ấy lại gặp lễ đăng-quang (lên ngôi) của vua Đạo-Quang nhà Thanh, và lễ ninh-lăng (an táng) của vua Gia-Khánh, còn sang năm tân-tị (1821) lại đúng kỳ tiến-cống. Nhưng tiếp được thư của Thanh-triều cho biết Thanh-đế có dự rằng : Nước Việt-Nam ở xa-xôi, khỏi cần phải sai sứ sang tiến hương, còn lễ-vật khánh-hạ cũng không cần trình-tiến, cả đến lệ-cống

lễ ra phải tiến, nhưng hiện đương lúc có quốc-tang, không nhận sự châu mừng, vậy hãy hoãn lần tiến-cống ấy, đề đến kỳ sau sẽ trình-tiến một thờ.

Năm Minh-mệnh thứ 6 (1825) gặp kỳ lệ-cống, sứ-bộ được phái sang Thanh gồm có : Hàn-lâm-viện trực-học-sĩ Hoàng Văn-Quyền 黃文權 (chánh-sứ), thị-độc học-sĩ Nguyễn Trọng-Vũ 阮仲瑀 (giáp phó-sứ), Thiêm-sự-phủ thiếu-thiêm-sự Nguyễn Hữu-Nhân 阮祐仁 (ất phó-sứ).

Ngoài ra lại cử Lễ-bộ tả tham-tri Hoàng Kim-Hoán 黃金煥, Hồng-lô tự-khanh Phan Huy-Chú 潘輝注, Thái-thường-tự thiếu-khanh Trần Chấn 陳震 sung chức chánh phó sứ trong sứ-bộ tạ-ân.

Trước đó nước ta có tiếp được thông-tư của Thanh-triều cho biết : hai sứ-bộ cùng khởi-hành một lượt, thì nên ấn-định mỗi sứ-bộ là 20 người.

Do đó, vua Minh-mệnh có chỉ-dụ rằng : Lần khiến sứ này gồm hai bộ sang Thanh, trước kia đã từng chuẩn-định mỗi bộ 3 viên sứ-thần, 8 viên hành-nhân, hiện đã có đủ danh-sách cùng với mỗi bộ tùy-nhân 9 viên, cộng 40 viên, như thế thực đã thỏa đáng, vậy nên đi ngay lên quan-ải cho kịp kỳ-hạn sứ-vụ.

Sứ-bộ tiến-cống vào năm Minh-mệnh thứ 10 (1829) : Công-bộ hữu thị-lang Nguyễn Trọng-Vũ 阮仲瑀 (chánh sứ), Thiêm-sự-phủ thiếu-thiêm-sự Nguyễn Đình-Tân 阮廷賓 và Thái-thường-tự thiếu-khanh Đặng Văn-Khải 鄧文啟 (giáp và ất phó-sứ).

Năm Minh-mệnh thứ 12 (1831), gặp lễ Ngũ-tuần đại-khánh của vua Đạo-quang nhà Thanh, Nguyễn-triều cử Lại-bộ tả thị-lang Hoàng Văn-Đản 黃文澧, Thái-thường-tự thiếu-khanh Trương Hào-Hợp 張好合 và Hàn-lâm-viện thị-độc Phan Huy-Chú 潘輝注 sung chức chánh phó sứ trong sứ-bộ chúc mừng lễ thọ.

Năm sau (1832), vua Minh-mệnh có lời huấn-dụ rằng : Lúc này bận việc chia địa-hạt, đặt quan cai-trị, sự-thề so với trước kia có phần khác biệt ; vậy từ nay phàm sứ-bộ sang Thanh, chuyển đi cũng như chuyển về, nhật-kỳ mở cửa quan đều do viên án-sát-sứ tỉnh Lạng-son

đến trước quan-ái để đợi mệnh-lệnh, phàm có những văn-thư ứng-đáp di chuyển trên quan-ái, đều đóng ấn của Ty ấy (Ấn-sát sứ-ty) cho hợp sự thể (1).

Năm Minh-mệnh thứ 14 (1833), tới kỳ lệ-cống, sứ-bộ được phái sang Thanh như sau : Lễ-bộ thị-lang Trần Văn-Trung 陳文忠 (chánh-sứ), Hồng-lô tự-khanh Phan Thanh-Giản 潘清簡 (giáp phó-sứ) và Hàn-lâm-viện thị-độc Nguyễn Huy-Chiều 阮輝昭 (ất phó-sứ).

Năm Minh-mệnh thứ 17 (1836), bộ Lễ tâu về việc sứ-vụ sang Thanh rất là quan-trọng, vậy thì 3 viên sứ-thần xin chiếu theo lệ Khâm-sai, cấp cho mỗi viên một đạo sắc-thư (2), còn ngoài ra những viên hành-nhân và tùy-nhân vẫn do đình-thần phát cho mỗi người một đạo bằng-cấp.

Sứ bộ tiến-cống năm Minh-mệnh thứ 18 (1837) : Lễ-bộ thị-lang Phạm Thế-Trung 范世忠 (chánh-sứ), thị-giảng học-sĩ Nguyễn Đức-Hoạt 阮德活 và Quang-lộc-tự thiếu-khanh Nguyễn Văn-Nhượng 阮文讓 (giáp và ất phó-sứ).

Thiệu-trị nguyên-niên (1841), chính là kỳ tiến-cống, lại gặp Lục-tuần khánh-tiết của vua Đạo-quang, nhưng Thanh-triều cho biết : Thanh-đế có dụ cho đình-chỉ hai sứ-bộ đi cống và đi mừng lễ thọ, duy có sứ-thần cáo-phó thì cho dẫn-tiến ngay.

Năm ấy, sứ-bộ cáo-phó và thỉnh-phong có Lễ-bộ hữu tham-tri Lý Văn-Phúc 李文福 (chánh-sứ), Lễ-bộ thị-lang Nguyễn Đức-Hoạt 阮德活 (giáp phó-sứ) và Quang-lộc-tự-khanh Bùi Phụ-Phong 裴輔豐 (ất phó-sứ).

Năm Thiệu-trị thứ 5 (1845), Lễ-bộ hữu thị-lang Trương Hảo-Hợp 張好合, Hồng-lô tự-khanh Phạm Chi-Hương 范芝香 và thị-giảng học-sĩ

(1) Theo lệ thời Gia-long thì viên hiệp-trấn hoặc viên tham-hiệp tỉnh Lạng-son phải lên quan-ái đợi mệnh-lệnh về nhật-kỳ mở cửa quan chuyển đi cũng như chuyển về của sứ-bộ sang Thanh.

(2) Theo lệ thời Gia-long, 3 viên sứ-thần mỗi viên đều được cấp cho một đạo chiếu-văn.

Vương Hữu-Quang 王有光 được cử làm chánh phó-sứ trong sứ-bộ tạ-ân. Năm đó cũng gặp kỳ lệ-cống, nhưng vua Thanh có dụ rằng : hai kỳ tiến-cống vào năm tân-sửu (1841) và ất-tị (1845) được miễn.

Tự-đức nguyên niên (1848), Triều-đình phái sứ-bộ thịnh-phong sang Thanh : chánh-sứ là Hình-bộ tham-tri Bùi Quỳ 裴樞, giáp ất phó-sứ là Lễ-bộ thị-lang Vương Hữu-Quang 王有光 và Quang-lộc tự-khanh Nguyễn Thái 阮啟.

Năm Tự-đức thứ 2 (1849) lại gặp kỳ lệ-cống. Thự-bổ-chánh-sứ tỉnh Khánh-hòa Phan Tĩnh 潘靖 được cử làm chánh-sứ, Hồng-lô tự-khanh biện-ly Hộ-bộ sự-vụ Mai Đức-Thường 枚德常 và Hàn-lâm thị-độc sung Nội-các Ty-luân sở hành-tàu Nguyễn Văn-Siêu 阮文超 làm giáp và ất phó-sứ.

Cũng trong năm ấy, khi sứ nhà Thanh sang cử-hành lễ tuyên-phong và dụ-tể xong, Triều-đình ta sắm phẩm-vật tạ ơn về hai lễ đó, phái các ông Phan Huy-Vịnh 潘輝泳 (thị-lang), Trần Mẫn 陳敏 (Thái-bộc tự-khanh) và Lê Đức 黎德 (Hàn-lâm-viện thị-độc học-sĩ) lên quan-ải chờ đợi ; lại chuẩn-bị sẵn tờ biểu trần tạ nhờ viên Khâm-sứ Lao Sùng-Quang 勞崇光 chuyên-đạt trước. Kế đó tiếp được thư bên Thanh cho biết : những lễ-phẩm tạ-ân chuyển này chuẩn cho lưu đến chuyển sau gặp kỳ lệ-cống sẽ trình-tiến, còn các bồi-thần, cũng nên đợi kỳ chính-cống sau sẽ phái sang.

Năm Tự-đức thứ 3 (1850), vua ta tiếp được cáo-phó của Thanh-triều báo tin vua Đạo-quang thăng-hà, lại tiếp luôn thư bên ấy cho biết rằng khỏi phải sai sứ sang tiến hương và chúc mừng lễ đăng-quang của vua kế vị. (1)

BỮU CÀM

*

(1) Bài này viết theo tài-liệu trong *Khâm-định Đại-Nam Hội-điển sự-lệ*, phần *Bang-giao*, quyển 128, mục *Khiển sứ sự-nghị*.

một vài chủ-trương của

TRIỀU ĐÌNH HUẾ TRONG

HÒA - ƯỚC QUÍ - MÙI

(25-8-1883)

☆ PHẠM-CAO-DƯƠNG

NĂM Quý Mùi (1883), giữa lúc tình hình Bắc Kỳ trở nên vô cùng bi thảm, giữa lúc Chính phủ và Quốc hội Paris tỏ rõ ý chí quyết thắng của họ bằng cách biểu quyết gia tăng ngân sách cho việc chiếm đóng Bắc Kỳ và phái viện binh đến xứ này, giữa lúc các sĩ quan và binh lính Pháp quyết tâm trả thù cho cái chết của vị chủ tướng họ — Thiếu Tá Henri Rivière — thì một biến cố bất ngờ đã xảy ra ở Huế khiến cho mọi cố gắng kháng cự của triều đình Huế hoàn toàn sụp đổ : vua Tự Đức băng hà. Bộ ba Harmand — Courbet — Bouet đã không bỏ lỡ dịp may hiếm có đó để hoàn thành sứ mạng mà chính phủ Paris đã trao phó cho họ theo đúng như chủ trương của những người Pháp am hiểu tình hình Việt Nam thời bấy giờ là phải đánh thẳng vào Huế để bắt triều đình Huế ký thỏa ước nhận quyền bảo hộ của người Pháp vì « chìa khóa của vấn đề Bắc Kỳ không phải nằm ở Bắc Kỳ mà nằm ở kinh đô Huế » (1), vì « chính Huế là nơi người ta phải tìm cho ra nguồn gốc của mọi khó khăn, chính từ Huế lệnh kháng chiến đã được ban hành cho các quan lại ở Bắc Kỳ, lương thực và những sự khuyến khích đã được mang tới cho quân Cờ Đen » (2) và Huế là nơi cư ngụ của nhà vua, của Thái Hậu

(1) G. Taboulet, *La geste française en Indochine*, tome II, Paris, Adrien Maisonneuve, 1956, tr. 301.

(2) Ministère des Affaires Etrangères, Affaires du Tonkin, *Exposé de la situation*, Oct. 1883, Paris, Imp. nationale, 1883, tr.10.

của các vị thượng thư và chỉ cần đánh thẳng vào Huế, chiếm các cơ cấu phòng thủ ở Thuận An là đủ để vua Tự Đức ký thỏa ước nhận quyền bảo hộ (3). Cuộc tấn công Thuận An đã xảy ra 18-8-1883. Quân Pháp làm chủ tình thế ở đây một cách dễ dàng khiến triều đình Huế đã phải chấp nhận những yêu sách của họ và phải ký một hòa ước vào ngày 25-8 để chấp nhận quyền bảo hộ của họ trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Hòa ước Quý-Mùi (1883) như vậy đã được ký kết trong tình trạng « cực chẳng đã » của triều đình Huế, trong lúc những khó khăn do cái chết bất ngờ của vua Tự-Đức gây ra chưa được giải quyết ổn thỏa và phe chủ chiến chưa nắm được trọn quyền hành. Theo như sự hiểu biết thông thường thì những điều kiện tiên quyết dùng làm nòng cốt cho nội dung của hòa ước này hoàn toàn do người Pháp đưa ra, phái đoàn Việt-Nam, ở vào thế chiến bại, chỉ làm có một việc là chấp nhận mà thôi. Sự thực có hoàn toàn như vậy không ? Đó là một vấn đề rất khó giải quyết. Hiện nay ta không có được những hồi ký của các nhà điều đình của ta hồi đó và ta cũng không còn giữ được đầy đủ những tài liệu của ta liên quan đến hòa ước này nên ta không được rõ trong khi nhóm họp, phái đoàn Việt-Nam đã có thái độ ra sao, có bàn cãi, yêu cầu, bác bỏ điều gì không hay đã chấp nhận một cách máy móc và nhục nhã toàn bộ bản dự thảo do phái đoàn Harmand đưa ra. Tuy nhiên thắc mắc này có thể giải quyết được một phần nào nếu ta dựa vào các tài liệu của người Pháp. Những tài liệu này rất phong phú. Tiếc rằng chỉ một phần nhỏ là có thể tìm thấy được ở Saigon, còn phần lớn thì chỉ có thể thấy được ở các thư viện, các văn khố bên Pháp (4). Ở đây tôi chỉ dựa theo « phần nhỏ » những tài liệu thấy được ở Saigon ấy để giải đáp một phần nào thắc mắc kể trên. Dựa theo các tài liệu

(3) J. Dupuis, *Le Tonkin de 1872 à 1886, Histoire politique*, Paris, Challamel, 1910, thư của Ch. Thomson gửi cho Tổng Trưởng Hải Quân và Thuộc Địa ngày 27-5-1883, tr. 427-428.

4) Các tài liệu của người Việt liên quan đến bang giao Việt Pháp hồi cuối thế-kỷ XIX hiện nay rất thiếu sót, có thể nói là không còn nữa. Theo Nghiêm Thẩm thì «chắc đã có, những người quá ư sốt sắng với Chính-phủ thuộc địa Pháp đã hủy bỏ tất cả những tờ trình đó đi. Cho đến cả những tài liệu đoạn nói đến sự bang giao với Pháp trong bộ *Khâm-định*

này, ta có thể thấy lại được hai chủ-trương của phái đoàn Việt-Nam nhằm cố gắng cứu vãn tình thế được chừng nào hay chừng ấy. Hai chủ-trương đó là :

- *Thứ nhất* : Kéo Trung Hoa vào vòng chiến để mở rộng chiến-tranh.
- *Thứ hai* : Bảo vệ bằng bất cứ giá nào quyền tự chủ của triều đình Huế ở Trung Kỳ để từ đó chỉ đạo mọi cuộc kháng chiến trên toàn lãnh thổ.

Cả hai chủ-trương kể trên đều bắt nguồn ở một chủ ý kéo dài cuộc kháng chiến làm cho người Pháp mệt mỏi, kiệt quệ và phải rút khỏi Bắc-Kỳ. Chủ ý này có lẽ phát sinh nhờ sự theo dõi liên tục tình hình bên Pháp của nhà cầm quyền ở nước ta thời bấy giờ : nước Pháp, điển hình là trong Quốc-Hội, vào khoảng hai chục năm cuối cùng của thế kỷ XIX đã rất chia rẽ về vấn đề Bắc-Kỳ. Một số rất đông người Pháp đã chủ trương bỏ dở cuộc chiếm đóng vì sợ quá tốn kém.

1.— CHỦ - TRƯỞNG KÉO TRUNG - HOA VÀO VÒNG CHIẾN ĐỂ MỞ RỘNG CHIẾN-TRANH.

1) « Y compris la Chine ».

« Nước Nam nhận và chịu quyền bảo hộ của nước Pháp với những hậu quả của lối tương quan này đứng về phương diện luật ngoại giao Âu châu, nghĩa là nước Pháp trông nom mọi giao thiệp của tất cả các cường

Đại Nam Hội Điện Sự Lệ cũng đều bị hủy bỏ đi cả ngày nay không còn dấu vết gì nữa ». (Xem *Nghiêm Thâm, lần thành lập một Quốc-Sử-Viện, Bách-Khoa*, số 208, ngày 1-9-1965, tr. 13.)

Chúng tôi rất mong mỗi một ngày gần đây chính phủ Việt-Nam sẽ điều đình với chính phủ Pháp xin chụp tất cả các tài liệu liên quan đến lịch-sử Việt-Nam có tàng trữ ở các thư viện hay các văn khố bên Pháp đem về nước ngõ hầu những ai không có phương tiện xuất ngoại cũng vẫn có thể nghiên cứu một cách đầy đủ về lịch-sử nước nhà.

quốc, kể cả nước Tàu (y compris la Chine) với chính phủ An nam và chính phủ An nam chỉ có thể liên lạc ngoại giao với những cường quốc này qua sự trung gian của nước Pháp mà thôi ».

Đó là nội dung của điều 1 của hòa ước Quý Mùi (1883) ký giữa J. Harmand, De Champeaux đại diện cho chính phủ Pháp Trần đình Túc, Nguyễn trọng Hợp đại diện cho triều đình Huế, trong đó bốn chữ « y compris la Chine » (kể cả nước Tàu) theo J. Harmand đã được thêm vào thể theo lời yêu cầu của phái đoàn Việt Nam. Ông cho rằng chủ ý của phái đoàn Việt Nam là muốn trêu tức người Tàu để người Tàu chống lại người Pháp (5).

2) Chủ trương nhò và thế lực của người Trung Hoa để chấp lại cuộc xâm lăng của người Pháp là một chủ trương cố hữu của triều đình Huế.

Quốc gia Việt Nam, ngay từ khi mới hình thành, đã phải chấp nhận một sự thần phục đối với triều đình Trung Quốc, sự thần phục này đã được duy trì cho mãi đến khi người Pháp hoàn thành chế độ bảo hộ của họ trên toàn lãnh thổ nước ta, kể cả những lúc nước ta hùng mạnh nhất. Mọi sự chống đối lại Thiên triều chỉ là những chống đối bất đắc dĩ để giữ vững sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền ở trong nước ! Mục tiêu này một khi đã đạt được, các vua chúa Việt Nam đã tức khắc sai sứ sang Tàu, triều cống và cầu phong ngay. Sự kiện thần phục này ngoài ý nghĩa là một biện pháp để giữ vững nền độc lập của một quốc gia nhỏ nằm kề cận một quốc gia lớn, còn được các vua Việt-Nam dùng để chứng minh tính cách chính thống của mình và giòng dõi các vua ấy viện tới để yêu cầu Trung-Hoa giúp đỡ mỗi khi địa vị của họ bị đe dọa bởi những âm mưu khuyah đảo ở trong nước hay những cuộc xâm lăng từ bên ngoài tới và triều đình Bắc Kinh đã không bao giờ bỏ lỡ cơ hội đã đáp ứng lại ngay, ngoài chủ trương để xác định quyền uy của mình, còn muốn nhân những dịp đó để thu thập thêm những quyền lợi mới có thể có được. Những sự kêu gọi và đáp ứng kể trên đã xảy ra khi nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê và

(5) G. Taboulet, sách đã dẫn tr 812.— Un diplomate, L'affaire du Tonkin, *Histoire diplomatique de l'établissement de notre protectorat sur l'Annam et notre conflit avec la Chine (1882-1885)*, Paris J. Hectzel et Cie, ?, tr 161.

khí quân Tây-Sơn ra Bắc. Vào cuối thế kỷ XIX, khi người Pháp xâm lăng Bắc Kỳ lần thứ nhất, các biện pháp cầu cứu và tiếp viện kể trên lại được đem ra áp dụng. Ngay từ sau khi hòa ước Giáp-Tuất (1874) được ký kết, mặc dù Việt-Nam đã chấp nhận một sự lệ thuộc nào nước Pháp trong các vấn đề ngoại giao và được Pháp công nhận là độc lập không phải thần phục nước nào nữa, triều đình Huế vẫn tiếp tục mọi cuộc bang giao thân mật với Trung-Hoa. « Các quan lại Việt-Nam vì đã nhuần thấm sâu xa những thành kiến cho rằng các sĩ phu Trung-Hoa có cùng những tín ngưỡng, có cùng những chủ-kiến chống đối các người ngoại quốc như họ, đã quyết định thần phục Trung-Hoa hơn là chịu ảnh hưởng của người Pháp » (6).

Trong những năm 1873, 1876, 1880, triều đình Huế đã gửi các sứ bộ sang dâng các đồ cống phẩm và tường trình mọi việc lên triều đình Bắc Kinh. Đồng thời viện có đất Bắc-Kỳ hồi đó có nhiều giặc dã, triều đình Huế đã sai sứ sang Tàu xin tiếp viện để đánh dẹp và nhà Thanh đã đáp ứng ngay bằng cách gửi quân đội sang giúp và cũng đề chờ cơ hội chia xẻ ảnh hưởng ở Bắc-Kỳ. Năm 1875, Bắc Kinh đã phái quân đội sang dẹp quân Cờ Vàng, một thứ đồng minh của Pháp ở vùng thượng lưu sông Hồng. (7) năm 1878 quân đội Trung-Hoa lại được tổng lý nha môn phái sang đề dẹp loạn Li-hung-Choi (Lý-dương-Tài?) từ Quảng-Tây tràn vào Bắc-Kỳ (8). Đến khi H. Rivière ra đánh Bắc-Kỳ vào năm 1882 và hạ thành Hanoi, triều đình Huế lại sai người sang báo với Tổng Đốc Lương-Quảng. Nhà Thanh lại sai quân sang chiếm giữ các tỉnh thượng du. Quân số của họ lên tới hai vạn người.

3.— Người Pháp, vào năm 1883 rất e ngại một sự đụng độ với Trung-Quốc.

Sự có mặt của quân đội Tàu ở Bắc-Kỳ sau khi hòa-ước Giáp-Tuất được ký kết đã làm cho người Pháp lo ngại. Sự lo ngại càng ngày càng gia tăng, gia tăng cùng với sự bành trướng của ảnh hưởng của Pháp ở miền này và cùng với những sự vận chuyển và tăng cường của quân đội Trung-Hoa về phía cũng như về lượng. Các nhà cầm quyền Pháp ở Nam-Kỳ, các

(6) P. Vial, *Nos premières années au Tonkin*, Paris, Voiron, 1889, tr 87

(7) J Dupuis, sách đã dẫn, tr 349

(8) P. Vial, sách đã dẫn, tr 90

nhà ngoại giao Pháp ở Trung-Hoa đã luôn luôn theo dõi những hoạt động giữa hai triều đình Huế và Bắc Kinh cùng sự vận chuyển của quân đội Trung-Hoa. Điều này có thể được thấy rõ qua những thư từ và phúc trình được gửi qua lại giữa Bắc Kinh, Thượng Hải và Saigon với Paris.

Trong một bức thư đề ngày 25-12-1879, Patenôtre đặc phái viên của Pháp ở Trung Hoa, đã lưu ý các nhà cầm quyền Pháp về những hậu quả bất lợi cho nước Pháp do việc Việt Nam tiếp tục phái sứ bộ sang Trung Hoa và việc đề cho quân đội Trung Hoa dẹp loạn ở Bắc Kỳ gây ra ông viết :

« Từ lúc nhắm mắt làm ngơ trước việc một sứ bộ An nam được gửi sang Bắc Kinh, người ta buộc lòng phải phòng ngừa chính phủ của hoàng đế Trung Hoa sẽ can thiệp một cách trực tiếp ít hay nhiều ngay khi gặp dịp. Hậu quả này thực không thể tránh được và dành cho quân đội Trung Hoa việc vẫn hồi trật tự trong các xứ thuộc quyền của Tự Đức như người ta đã làm trước đây, một việc khá dễ dàng, người ta đã làm cho tình hình đã được giàn xếp xong lại trở nên trầm trọng ». (9)

Tuy nhiên buổi đầu, người Pháp vẫn không tin rằng quân đội Trung Hoa có đủ lực để đương đầu với quân đội Pháp. Trong một bức thư gửi về Paris đề ngày 21-10-1882, đặc sứ Pháp ở Bắc Kinh, Bourrée, đã cho rằng quân đội Trung Hoa ở khắp nơi sẽ phải lùi bước trước quân đội Pháp. Nhưng sau đó không bao lâu, chính Bourrée đã nhận định khác hẳn: quân đội Trung Hoa rất đông và được vũ trang mạnh mẽ, chính phủ Trung Hoa sẵn sàng tuyên chiến với Pháp và cuộc chiến sẽ rất bất lợi cho Pháp (10). Sau đó ông đã tự ý đứng ra điều đình với Tổng Đốc Trực Lệ Lý Hồng Chương đề đi đến một thỏa ước theo đó xứ Bắc Kỳ được coi là trung lập dưới sự bảo đảm của cả hai nước Tàu và Pháp. Phần đất nằm giữa sông Hồng Hà về biên giới Tàu được chia thành hai khu, khu phía Bắc thuộc quyền kiểm soát của Tàu và khu phía Nam của Pháp. Lào Kay sẽ trở thành một thương cảng của Tàu, ở đây người Pháp được hưởng mọi sự dễ dàng để buôn bán với Vân Nam. (11) Nhưng chính phủ Pháp đã không đồng ý với Bourrée và đã triệu hồi ông này. Sự triệu hồi

(9) J. Dupuis, sách đã dẫn, tr 372.

(10) J. Dupuis, tr 405.

này có lẽ là do các nhà cầm quyền Paris không thấu rõ tình hình Á-Châu và vì Paris không muốn để cho Trung-Hoa có cơ hội nhúng tay vào vấn đề Bắc Kỳ (12). Tuy vậy, chính phủ Pháp vẫn luôn luôn dè dặt trong mọi giao tiếp với Trung-Hoa. Vào giữa năm 1883, khi J. T. Harmand được cử sang trọng nhậm chức vụ Tổng Ủy Viên ở Bắc Kỳ, Thủ-Tướng J. Ferry đã căn dặn ông phải hết sức thận trọng, « tránh tất cả những gì có thể giúp cho nước Tàu có cơ hội can thiệp » (13). Ch. Brun, Tổng Trưởng Hải Quân và Thuộc Địa trong chỉ thị đề ngày 8-6-1883 gửi cho Harmand cũng viết rằng : «... điều cần thiết là phải thận trọng tránh tất cả những gì có thể làm tăng mối bất bình của Thiên-Triều do sự chiếm đóng xứ Bắc Kỳ của ta (Pháp) mà ra và sau đó là tránh đừng đẩy Tổng Lý Nha Môn đến chỗ có thái độ công khai chống đối chúng ta » (14). Trong khi đó, ở Quốc Hội Pháp, nhiều nghị sĩ đã tỏ ra rất e ngại một cuộc chiến tranh xảy ra với Trung-Hoa. Nghị sĩ J. Delafosse đã nhân danh hữu phái nhấn mạnh đến nguy cơ Trung-Hoa, Ông nói rằng nguy cơ này là mối quan tâm chính yếu của phái hữu, rằng an ninh của thuộc địa Pháp ở Bắc Kỳ tuyệt đối phụ thuộc vào một sự giao hảo chặt chẽ và thân hữu với Trung-Quốc. Nghị sĩ P. de Cassagnac cũng đồng quan điểm. Ông nói : «... điều mà chúng tôi không muốn, điều mà đa số dân chúng xứ này (Pháp) không muốn là một cuộc chiến tranh với Trung Hoa...Chúng tôi đã lâm chiến với An nam, xin đừng đặt chúng tôi trong tình trạng chiến tranh với Trung-Hoa nữa » (16).

4.— Triều đình Huế đã triệt đề khai-thác những sự e ngại đó.

Tin tưởng vào thế lực của Trung-Quốc và chắc chắn không khỏi không biết tới mối lo ngại lớn lao nhất của người Pháp ở Saigon, ở Hà nội ở Bắc Kinh cũng như ở Paris nhờ những kinh nghiệm giao thiệp quốc tế mới

(11) (12) J. Dupuis, sách đã dẫn, tr. 406.

(13) *Un diplomate, L'affaire du Tonkin, Histoire diplomatique de l'établissement de notre protectorat sur l'Annam et de notre conflit avec la Chine (1882-1885)*, Paris, J. Hectzel et Cie, ?, tr. 53.

(14) Ministère des Affaires Etrangères, *Documents diplomatiques, Affaires du Tonkin*, t. II, Paris, Imp. Nationale, 1883, tr. 242.

(15) *Un diplomate*, đã dẫn, tr. 56.

(16) *Un diplomate*, tr. 57.

thâu thập được, triều đình Huế đã triệt để khai thác những mâu thuẫn giữa hai nước Pháp và Trung-Hoa để đưa Trung-Hoa vào vòng chiến ngò hầu Trung-Hoa gánh đỡ cho Việt-Nam một phần nào nỗ lực chiến tranh và làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn. Bốn chữ « kè cả nước Tàu » (y compris a Caine) được yêu cầu thêm vào điều 1 của hòa ước Qui Mùi (1883) không ngoài mục tiêu đó. Thực sự thì việc Việt-Nam được tách rời khỏi ảnh hưởng của nước Tàu, không còn phải thần phục nước Tàu nữa và chấp nhận một sự lệ thuộc về ngoại giao vào nước Pháp đã được qui định trong điều 2 của hòa ước Giáp-Tuất (1874) nhưng tất cả đã được nói một cách mơ hồ chứ không chỉ đích danh nước Tàu. Chính vì vậy mà khi hòa ước này được cáo tri cho triều đình nhà Thanh, không một khó khăn nào đã xảy ra. Những lời phúc đáp của Cung Thân Vương đã tốt đẹp hơn là Rochechouart, đặc phái viên của Pháp ở Trung-Quốc mong đợi. Thân vương chỉ nói đến sự thần phục của Việt Nam đối với Trung Hoa trong quá khứ mà thôi. Ngoài ra, ông lại còn chấp nhận gần hết những lời yêu cầu của người Pháp như bằng lòng ra lệnh cho nhà cầm quyền Vân Nam ngăn chặn không cho giặc cướp tràn qua Bắc Kỳ và cho nghiên cứu việc tìm một địa điểm để cho người Pháp buôn bán ở Vân Nam (17). Triều đình Bắc Kinh như vậy đã cho rằng sau khi hòa ước 1875 được ký kết, tình hình mới ở Bắc Kỳ không hề phương hại đến quyền lợi của Trung Quốc (18). Tất nhiên, người ta có thể cho rằng thái độ ôn hòa đó của Trung Hoa là do Trung Hoa không hiểu hay chưa hiểu rõ ý nghĩa của lối ngoại giao của các nước Âu Châu thời bấy giờ. Sau này khi đã nhận ra rằng việc người Pháp chiếm đóng Bắc Kỳ có ảnh hưởng lớn lao đến quyền lợi của họ ở xứ này, người Trung Hoa mới phản ứng gay gắt. Nhưng dù sao ta cũng phải nhận rằng bốn chữ « kè cả nước Tàu » (y compris la Chine) đã tạo được những tác dụng mạnh mẽ. Chúng đập vào mặt người đọc và riêng đối với người Tàu, chúng là những cái gai trước mắt họ, làm cho họ suy nghĩ nhiều hơn và từ đó chúng đã « gây ra ở Bắc Kinh một ấn tượng

(17) *Ministères des Affaires Etrangères, Documents diplomatiques, Affaires du Tonkin*, tome II, thư của Rochechouart gửi cho quận công Decazes đề ngày 19-6-1875, tr. 47.

(18) *Ministère des Affaires Etrangères, Affaires du Tonkin, Exposé de la situation*, Oct. 1883, Paris, Imp. Nationale, 1883, tr. 24.

xấu mà triều đình Huế mong đợi » (19) đã làm cho Tổng Lý Nha Môn bất bình, gửi giặc thư phản đối người Pháp về việc người Pháp dùng võ lực bắt ép chư hầu của Trung Hoa ký một thỏa ước trong đó có một điều có mục đích tước của Trung Hoa những quyền chính trị ở Việt Nam (20) và đe dọa sẽ dùng « võ lực để chống lại võ lực » và để hết trách nhiệm cho người Pháp. (21)

Những sự phản đối kể trên đã đưa tới hậu quả là Trung Hoa đã can thiệp mạnh mẽ hơn và trực tiếp hơn vào Bắc Kỳ và đã làm cho người Pháp phải vô cùng vất vả mới củng cố được chế độ bảo hộ của họ ở xứ này. Ngoài ra nhà cầm quyền Trung Hoa đã « đánh giá rất cao việc hủy bỏ tất cả những điều khoản cùng loại trong những thỏa ước ký kết trong tương lai giữa chúng ta (Pháp) và An Nam » (22), những điều khoản mà họ cho rằng có hại cho uy danh và lòng tự ái của Thiên Triều. Chính vì vậy trong thỏa ước ký ngày 11-5-1884 ở Thiên Tân giữa Lý Hồng Chương và Fournier đã có thêm điều 4 theo đó : Chính phủ Pháp cam kết không dùng một thành ngữ nào có bản chất phung hại đến uy danh của Thiên Triều trong việc soạn thảo thỏa ước thực thụ mà Pháp sắp ký với nước Nam để hủy bỏ những hòa ước đã ký từ trước liên quan đến xứ Bắc Kỳ (23).

(Kỳ sau sẽ tiếp)



(19) Un diplomate, đã dẫn, tr.161.

(20) (21) Ministère des Affaires Etrangères, *Documents diplomatiques, Affaires du Tonkin*, tome III, Paris, Imp. Nationale, 1883, tr. 250-251.

(22) Un diplomate, đã dẫn, tr. 161.

(23) Un diplomate, đã dẫn tr. 417.

THỦ TRÌNH-BÀY MỘT CÁCH _____

TRẮC-NGHIỆM VỀ MÔN ĐỊA-LÝ

áp-dụng cho các lớp ở bậc trung học

★ PHẠM-ĐÌNH-TIẾU

Trong hiện tại, các giáo-sư sử-địa ở các trường Trung học Việt-nam đều nhận thấy rằng số giờ dành cho môn sử-địa nói chung và địa-lý nói riêng quá eo-hẹp, chương trình thì nặng, hệ-số lại quá kém. Tất cả những điều trên gây khó khăn không ít cho việc giảng dạy môn này. Sự khó khăn lại càng tăng thêm tại các lớp thi, các lớp mà việc giảng dạy phải đầy đủ không thể dạy sơ lược bất kỳ một phần nào của chương trình, chính vì phải tập trung vào vấn đề giảng bài nên việc kiểm-soát bài khó lòng thực-hiện một cách chu-đáo trong một thời gian ngắn ngủi.

Chúng ta đều nhận rằng mục-đích của việc kiểm-soát bài là để xem học-sinh có học và hiểu bài giảng không đồng thời ôn và bổ túc thêm kiến-thức của học-sinh. Tại trường trung-học Việt-nam, mỗi tháng mỗi học-sinh có được tối thiểu một lần kiểm-soát về địa-lý và những phương pháp mà các giáo sư địa-lý thường dùng để kiểm soát có thể là :

⊕ Hỏi bài bằng lối vấn-đáp : Giáo sư gọi học-sinh lên bảng hoặc đứng tại chỗ để trả lời câu hỏi của giáo sư. Lối hỏi bài mà học-sinh thường gọi là « trả bài » này có những ưu cũng như khuyết điểm của nó, nhưng điều nhận-xét đầu tiên của chúng tôi là tốn khá nhiều thời giờ và không thể kiểm-soát được trọn vẹn sự làm việc của cả lớp. Trong mỗi giờ nếu đề tối-đa 20 phút để hỏi bài thì việc hỏi bài chỉ có thể dành cho 5 hoặc 6 người hoặc tối đa là 8 người mà thôi. Cách hỏi này còn một khuyết điểm nữa là các học-sinh đã đọc bài rồi thường không chú ý đến các câu hỏi khác và rất có thể trong suốt một tháng vì họ không có nhiều cơ hội để được hỏi bài một lần nữa trong khi còn rất nhiều người trong lớp chưa được « trả bài ».

☆ Đề việc kiểm soát bài học được đồng đều cho mỗi học sinh mỗi tháng một lần và cũng đề khỏi mất quá nhiều thời giờ giảng bài trong khi chương-trình còn quá nhiều, các giáo sư sử-địa thường ra cho học-sinh một hay nhiều câu hỏi ngắn làm trong 10 phút hoặc nửa giờ và sẽ chấm cho cả lớp. Việc chấm này đã khuyến-kích học-sinh cố gắng làm việc phần nào nhưng cũng có khuyết điểm là việc kiểm soát này chỉ nhằm vào một hay vài điểm chính của bài đã học chứ chưa kiểm soát được sự hiểu biết toàn diện bài học của học sinh, có thể học sinh « trúng tủ » và cũng có nhiều khi do tài « xoay xở » của họ mà có điểm cao ; Thêm vào đó nếu học sinh phải làm một bài từ 10 đến 30 phút, thì việc chấm bài cần thận đòi hỏi mỗi bài chấm tối thiểu là từ 3 phút trở lên và cứ mỗi lớp trung-bình 50 học-sinh, giáo sư phải tốn 2g30 chấm cho mỗi lần làm bài. Thường thường, mỗi giáo sư sử-địa dạy lối 10 lớp, có nghĩa rằng mỗi lần làm bài họ phải tốn chừng 25 giờ chấm bài. Dĩ nhiên ở đây chỉ nói đến có môn địa-lý và nếu làm bài sử nữa thì có thể đến 50 giờ chấm bài cho mỗi lần làm bài nếu giáo sư muốn kiểm soát kỹ chỉ có một điểm chính của một bài học thôi. Muốn học-sinh làm việc, giáo sư không thể mỗi tháng chỉ có một lần làm bài mà phải nhiều lần như thế tốn khá nhiều thời giờ trong lớp và chắc chắn quý-vị cũng thông cảm với chúng tôi rằng chúng ta sẽ đuối sức về việc chấm bài liên miên đó và nếu theo cách này một cách tận-tâm thì chúng ta không còn được bao nhiêu thời giờ để soạn bài vở kỹ lưỡng hơn và nhất là không còn thời giờ để theo dõi các công trình khảo-cứu mới mẻ nữa.

☆ Cũng có nhiều vị giáo sư đã áp dụng cách hỏi bài để kiểm-soát học-sinh đều hòa hơn : Mỗi giờ, học-sinh làm một câu ngắn lối 10 phút trở lại, rồi trong lúc học sinh làm bài giáo sư sẽ quan sát và chú ý đến những học sinh ít học bài để kiểm soát và đồng thời cũng khuyến-kích các học sinh học bài bằng cách chấm bài của họ. Tương đối, thì cách hỏi bài này đã nhắc nhở học-sinh làm việc đứng đắn hơn nhưng cũng có lắm phiền phức vì phải chọn lựa bài để chấm và cũng không đạt được mục-đích kiểm soát được trọn vẹn bài học và lớp học.

☆ Lối kiểm-soát bài học địa lý bằng cách vẽ một lược-đồ địa phương cũng là một cách kiểm soát khá công hiệu và dễ chấm nhưng thường thường các lược-đồ đầy đủ đòi hỏi một thời gian làm bài

khá nhiều và ở các lớp đệ nhất cấp hiện nay, học-sinh chưa diễn tả nổi các ý chính của bài học trên lược-đồ. Dĩ nhiên nếu chúng ta chỉ căn-cứ vào các lược-đồ vẽ ở nhà thì hiệu quả kiểm-soát bài sẽ ít hơn và đôi khi trở thành một vấn đề hình thức trong việc kiểm-soát bài mà thôi.

Tóm lại, những cách kiểm-soát bài địa-lý vừa kể trên không phải là không có hiệu-quả đối với học-sinh, nhưng hiệu-quả giới hạn và chỉ có thể thấu đạt được kết-quả mỹ-mãn với những lớp học lý tưởng từ 30 đến 35 học-sinh.

Trong thực-tế, các lớp-học tại Trung-học Việt-nam hiện nay trung bình từ 55 đến 60 học-sinh, với những điều-kiện khá eo hẹp cho việc giảng dạy môn sử địa nói chung và địa-lý nói riêng, các phương-pháp trên khó lòng thúc đẩy cho học-sinh đề ý phần nào đến môn địa lý. Sau nhiều lần thí-nghiệm, chúng tôi xin nêu ra đây một cách kiểm soát vừa dễ dàng vừa hữu-hiệu, hy vọng rằng sẽ thích-hợp cho việc giảng-dạy ngành địa-lý tại trung-học Việt-nam, trong những điều kiện eo-hẹp hiện tại : Cách này cũng chỉ là 1 Lối Trắc-nghiệm nhưng không đòi hỏi nhiều phương tiện thực-hiện mà có thể đem lại nhiều kết-quả cho học-sinh hơn.

Với mục đích kiểm-soát việc học của học-sinh, nhắc lại bài giảng, bổ-túc những thiếu sót, Giáo-sư Địa-lý sẽ ra một bài trắc-nghiệm cho học-sinh làm mỗi khi một bài giảng được hoàn tất. Tại trường trung-học của chúng ta hiện-thời vấn-đề dùng Ronéo để quay các bài trắc nghiệm cho nhiều lớp sẽ gây khó khăn không ít cho giáo sư và dĩ nhiên khó lòng thực hiện đều đều. Chính vì thế mà chúng tôi xin nêu lên *LỐI TRẮC NGHIỆM NGHE* với những phương tiện đơn giản sau đây.

A.— CÔNG VIỆC SỬA-SOẠN Ở NHÀ.

1) Giáo-sư, sau khi giảng xong một bài địa-lý, sẽ chọn những điểm chính trong bài để đặt thành những câu hỏi ngắn, gọn, mỗi câu hỏi sẽ được trả lời với 2, 3, 4,... n trả lời tùy theo ý của giáo-sư muốn bài trắc nghiệm dễ hay khó; trong tất cả các trả lời ấy chỉ có một câu là đúng hoàn-toàn còn các câu kia đều có những điểm sai.

Những câu hỏi này nên liên-tục từ đầu đến cuối bài và tất cả các câu trả lời đúng, sẽ tạo cho bài sửa thành một bài tóm tắt các phần chính của bài học. Câu trả lời không nên quá dài vì học-sinh khó lòng nghe kịp.

2) Về phần học-sinh, cần phải xem bài kỹ và sẽ soạn sẵn giấy để làm bài ở nhà để khỏi phải tốn thì giờ tại lớp. Bài trắc nghiệm có bao nhiêu câu và mỗi câu có bao nhiêu câu trả lời, đó là những điều mà Giáo-sư cần phải nêu lên cho học-sinh sửa soạn trước ở nhà.

Mỗi câu hỏi ví dụ có 4 câu trả lời, học-sinh sẽ trình bày như sau :

1.	a)
	b)
	c)
2.	d)
	a)
	b)
	c)
	d)

B.— CÔNG VIỆC TẠI LỚP.

Gồm có công việc thực-hiện trắc nghiệm và chấm cùng sửa bài tập.

Làm bài Trắc-nghiệm địa-lý.

★ Học-sinh sẽ viết câu hỏi, câu hỏi này đã được giáo-sư soạn kỹ để hợp với câu trả lời sẽ thành « câu trọn vẹn ».

Ví-dụ :

1) Việt-Nam nằm từ : (câu hỏi do học-sinh ghi)

- a) 8°33' đến 23°24' vĩ độ Bắc
- b) 8°10' đến 23°27' vĩ độ Bắc
- c) 10°00' đến 15°00' vĩ độ Bắc

(học-sinh chọn một trong ba câu trả lời mà không ghi lại câu trả lời)

Học-sinh nhất là buổi đầu được hướng dẫn kỹ càng công việc làm của họ như sau :

- Giấy làm bài đề sẵn số (10), 20...) và chữ (a, b, c, d...) để khỏi tốn thời giờ ở lớp.
- Xếp tập sách và chuẩn bị tinh thần trước 20 giây.
- Học-sinh ghi câu hỏi ở phần câu hỏi, giáo-sư đọc chậm, học-sinh vừa chép vừa suy nghĩ để có ý niệm về câu trả lời đúng nên khi nghe đọc các câu trả lời sẽ chọn được câu trả lời đúng để dàng hơn.
- Chú ý nghe giáo-sư đọc, không nên lơ đãng nhất là vui đùa khi nghe một câu trả lời sai. Lơ đãng một chút là có thể chọn phải câu trả lời sai ngay.
- Đánh tréo (X) vào chữ (a, b, c, d...) thuộc câu trả lời mà học sinh cho là đúng.

— Trong trường-hợp muốn sửa lại thì gạch xóa chữ và dấu muốn bỏ rồi đánh chéo vào chữ khác muốn chọn.

* Về phần giáo-sư : đọc to và rõ, câu hỏi đọc chậm cho học-sinh ghi và có thể đọc nhiều lần. *Các câu trả lời đọc rõ và mỗi câu chỉ đọc một lần.*

Tuần tự đọc cho hết các câu trả lời và không bao giờ xáo trộn vị-trí, các câu trả lời. Mỗi câu trả lời trước khi đọc đến cần phải nói rõ câu trả lời a, câu trả lời b, câu trả lời c...

Tất cả học-sinh đều phải nộp bài ra đầu bàn ngay khi bài làm vừa đọc xong.

Chấm bài và sửa bài

Sau khi góp bài làm giáo-sư sẽ đổi các bài đề học-sinh có thể chấm bài và sửa bài. Việc đổi bài này cần phải cẩn thận để tránh việc chấm gian lận có thể xảy ra.

Mỗi học-sinh sẽ phụ trách chấm và sửa một bài của một người bạn của mình. Công việc của mỗi học-sinh lúc chấm và sửa bài gồm có :

— Chấm-chú nghe giáo-sư đọc câu trả lời đúng để ghi điểm cho bài đang chấm. Mỗi câu đúng được ghi một dấu chéo ở bên ngoài đề cuối cùng tính tổng số điểm của bài làm.

— Học-sinh **chấm** có **bồn-phận** phải chép lại hoàn toàn câu trả lời đúng mà giáo sư đã đọc vào bài đang **chấm** dù bài làm đúng hay sai (vì trên bài làm chỉ có chữ a, b, c, d .. chữ chưa hề có câu trả lời). Như thế một bài khi **chấm** xong, ngoài **điểm** số còn có tất cả các câu trả lời đúng, tóm gọn tất cả những ý chính của một bài học.

— Cuối cùng là giao bài lại cho giáo sư kiểm soát hoặc có thể ghi **điểm** (hồ **điểm**) bài mình đã **chấm**. Các bài đã **chấm** nên trả ngay lại cho người làm bài để xem qua ngay.

Bài **trắc-nghiệm** nghe và nói trên là một bài **toát** yếu do giáo sư làm ra, ghi lại tất cả những **điểm** quan trọng của bài học nói một cách khác, khi sửa bài xong, học sinh sẽ có bài **tóm** tắt của một bài đã học. Cách soạn như thế dĩ nhiên phải **tốn** công nhưng sẽ đem lại cho học-sinh nhiều **điều** lợi ích.

Qua một bài **trắc** nghiệm như thế, học-sinh đã thu thập được những **điều** lợi sau đây :

1) **Chăm** chú nghe những **vấn** đề giáo sư đặt ra và phải hiểu bài học mới có thể **nhận** định kịp sự đúng sai trong nhiều câu trả lời. Sự **chăm**-chú nghe và việc **vận-dụng** trí nhớ là một cách giúp học-sinh ôn lại bài học một cách kỹ càng. Thêm vào đó, học sinh sẽ tập được thói quen về sự **nhanh**-nhẹn trong khi lý-luận hay khi **nhận**-xét về một **điều** gì.

2) Khi **chấm** bài, học-sinh **buộc** lòng phải nghe lại lần thứ hai và lần này thì các câu hỏi đã có câu trả lời chính xác, đó là **điều** học-sinh chờ đợi để xem thử bài của mình làm **trúng** hay sai và bài của bạn mình đang **chấm** thế nào. Sự **thắc**-mắc được giải quyết đúng lúc, hợp hoàn cảnh cũng là một **điều** rất tốt đối với việc học-hỏi của học sinh. Chính lúc này học sinh sẽ **thâu** thập được bài học dễ dàng (vì tự ý, không hề có ý-thức bị ép **buộc**).

Thêm vào đó, lúc sửa bài, mỗi học-sinh đều phải tự tay viết tất cả các câu trả lời đúng do giáo sư đọc vào bài của mình đang **chấm**, họ lại thêm một lần nữa ôn lại kỹ càng những **điểm** quan trọng của bài học cũ.

3) Lúc trả bài, mỗi học-sinh trong lớp đều xem qua bài làm của mình và bây giờ thì bài làm đã **biến** thành một **toát** yếu, dấu vết các câu sai không còn trên mặt giấy để có thể ảnh hưởng đến trí nhớ của học-sinh. Một lần nữa, học-sinh có dịp ôn lại **trọn** bài học một cách mau chóng.

Tóm lại cách kiểm soát bài trên đây có nhiều công dụng thực tiễn :

* Nó cho phép các giáo-sư Địa-lý kiểm-soát học-sinh một cách toàn diện :

■ Kiểm-soát được trọn cả lớp học, nhiều lần trong mỗi tháng.

■ Kiểm-soát được toàn diện cả bài học. Chứ không phải ở một vài điểm quan trọng của bài học mà thôi.

* Đối với học-sinh, lối trắc nghiệm này sẽ giúp cho họ nhiều điều lợi ích.

■ Giúp học sinh nhớ lại những gì quan trọng đã học, đã nghe giảng, buộc học-sinh phải chú tâm trong giờ địa-lý hơn và dĩ nhiên phải học môn này vì có thể bị kiểm soát luôn.

■ Mỗi lần làm bài, học sinh có dịp và bắt buộc có ít nhất là 3 lần ôn lại các điểm quan-trọng của trọn cả một bài mà mình đã học.

■ Luyện tập thêm cho học-sinh trí phán-đoán mau lẹ.

Hơn nữa, cách hỏi bài này linh-động vui vẻ, ít ra trong những lần đầu tiên đã lôi cuốn được sự thích-thú làm bài của học-sinh và nếu một khi, hiểu rõ lợi ích của cách làm bài này, học-sinh sẽ cố gắng làm việc ở lớp nhiều hơn. Đó là điều mà chúng tôi đã nhận thấy khi thử áp-dụng cách này cho mọi lớp ở bậc trung-học.

Sự thực-hiện sẽ gặp khó khăn ở chỗ lớp đông và nhiều vị giáo sư có giọng nói không được to lắm, hơn nữa nếu phải đọc cho nhiều lớp thì có thể mệt nhiều, do đó nếu có thể, chúng ta sẽ dùng một máy ghi âm (loại pin, xách tay) đọc sẵn ở nhà và sẽ phát âm ở lớp thì việc làm trắc nghiệm sẽ đỡ mệt và có công-hiệu hơn vì máy có thể phát âm đều và to vừa đủ cho cả lớp nghe, học-sinh phải càng chú ý vì máy sẽ không dễ dàng đọc lại như người và trong lúc máy và học sinh làm việc, chúng ta sẽ có dịp kiểm-soát học-sinh làm việc, tránh được những gian lận của học-sinh lúc làm bài (Việc chấm bài cũng có thể điều-khiển bằng máy ghi âm).

Dĩ nhiên, có rất nhiều cách trắc nghiệm mà chúng tôi sẽ trình bà y sau này, nhưng theo ý chúng tôi chúng ta có thể phối-hợp lối kiểm-soát bằng trắc nghiệm nói trên với lối kiểm-soát bài viết hiện nay bằng cách thỉnh thoảng cũng ra những câu hỏi ngắn, hoặc một câu suy luận ngắn để học sinh vẫn quen thuộc cách làm bài trong các kỳ thi hiện nay. Theo chúng tôi một khi nắm

vững bài học nghĩa là hiểu bài, học-sinh sẽ thích thú trong việc học địa lý, chúng tôi mong mỗi quý bạn đồng nghiệp sẽ theo dõi và góp ý-kiến về những vấn-đề vừa nêu ở trên.

Một khi chúng ta khỏi phải quá bận vì vấn-đề chấm bài mà học-sinh của chúng ta lại thấu hiểu vấn-đề, ưa thích môn học. chúng ta mới có đủ thời giờ và khuyến khích để theo dõi các công cuộc nghiên cứu mới mẻ hầu cải tiến vấn-đề giảng dạy của mình.



Hãng Cà-phê

Meilleur Goût

135, Đại-Lộ Hàm-Nghi — Saigon

Điện-thoại: 21.284

Chuyên bán cà-phê sống và cà-phê chín

(Rang và xay mỗi ngày bằng máy điện)

Chi-Nhánh :

124, đường Pasteur — Saigon

38, đường Minh-Mạng — Đà-lạt

Giới sành điệu Thủ-Đô đều nhìn-nhận

dùng cà-phê Meilleur Goût là thơm-ngon nhất.

Đã dùng qua 1 lần là không thể quên được.

VỌNG SƠN NIÊN PHỒ

☆ PHẠM-QUÍ-TRẦM phụng-dịch

L.T.S : Nhận thấy tập « Vọng Sơn Niên Phồ », tập bút ký, ghi lại cuộc đời của Ông Phạm-Thận-Duyệt do ông Ấm Tư Phạm-Cận, con trai thứ của Ông Duyệt soạn bằng chữ hán và Ông Phạm-qui-Trầm, cháu nội Ông Duyệt dịch (1959), có nhiều điểm liên quan đến lịch sử, chúng tôi xin trích đăng với sự dè dặt thường lệ đối với loại tài liệu rất khó khách quan này. Ông Phạm-Thận-Duyệt (1825 — 1885) là một trong những người đại diện triều đình Huế, ký hòa ước Patenôtre và từng giữ những chức vụ quan-trọng thời vua Tự-Đức.

...Năm Cự 43 tuổi, bang-biên tỉnh vụ, dự hội-dồng quan phòng Ninh, Thái Tông-Đốc; vâng mệnh đi đánh giặc. Mùa hè năm nay có lệnh cho quyền chương Tông-Đốc.

Khi ấy giặc Tàu quấy rối những hạt Kim-Anh, Đa-phúc, Đông-ngạn, khí thế rất hăng ! Cự cùng ông Tiều-Phủ, ông Ích-Khiêm, đem binh lính với ngựa đi dẹp, phân phái đi dò bắt đảng giặc tàn sát các nơi, đự được đầu đảng của giặc rất nhiều ; giặc chạy đi Vế-Linh xua quân đuổi đánh, thắng trận, được thưởng kỷ-lục gia cấp. Khi tỉnh Bắc đương bị giặc Tàu Ngô-Côn vây, Cự cùng ông Tiều đóng quân một chỗ, ông Tiều báo Cự coi phủ, đề ông ra đánh bọn giặc ở phủ gần đấy. Ông trêu cho giặc đến vây chỗ đồn quân ;

rồi đem toán binh khỏe nhứt về Hà-nội, như là bỏ mặt đó. Cụ bị giặc đánh suýt nữa nguy may là ông TIÊU về đến Gia-Lâm, gặp quân cứu-viện, bèn họp lại nhân đem về đánh phá được vòng vây tỉnh thành ; Tướng giặc Ngô-Côn bị đạn chết, đảng giặc chết hết ; Cụ được thoát nạn. Nhưng đối với người ngoài, Cụ vẫn khen ông TIÊU là người có mưu ; chứ không vì thế mà hàm oán...

...Năm ấy nhằm khoa thi Hương, Thủ-Khoa trường Hà-nội, ông NGUYỄN-CAO, là học trò cũ khi Cụ làm giáo-Thụ. Ông CAO đi học ở xa, khi về thi đã qua kỳ hạch ; khẩn khoản xin dự thí, quan-Đốc không cho, Cụ nói giúp mãi cũng không được. Cụ tức mình nói thực to rằng : Người này không được thi, thì Thủ-Khoa trường Hà về ai quan-Đốc nói : ừ tôi hãy nghe ông, xem có đúng không ? Ngày xướng danh, Cụ cũng ở đó, thoát nghe loa xướng đến «Cử-nhân đệ nhất danh, Bắc-Ninh tỉnh»

«Lạ-bình : tôi (Phạm-qui-Trầm) được nghe các Cụ nói truyện : ông «NGUYỄN-CAO người rất khí khái, hời Pháp thuộc, ông có làm cách mạng, «bị Pháp bắt, rồi sai một bạn nào của ông đến dụ ông. Khi hai ông ngồi uống «rượu, ông kia thuyết ; ông CAO không nghe ; ông ngăm bẻ một mảnh chén «sử uống rượu, ông khoét thủng rỗng, kéo ruột dài ra một thước, mà nói : «Anh «xem ruột tôi thế này mà hàng làm sao được ». Khi người ta nhồi ruột lại cẳng đi nhà thương, ông nằm trong lại kéo ruột ra để chết! »...

...Năm Cụ 45 tuổi, án-sát Bắc-Ninh, vâng mệnh đánh-giặc, lúc ấy giặc Tàu tên là LỰC, dư đảng của Ngô-Côn, tự xưng là Bắc-Kỳ Đại-Nguyên-Soái, gây sự quấy rối. Cụ cùng các Quan đem Voi đi đánh, tháng 4 phá giặc Tàu ở Đông-bài Thi-Nước, thắng trận, tháng năm lại đánh, được toàn thắng ; được thưởng Quận-Công-Ký-lục.

... Tháng 10 thắng Bồ-Chánh, từ mặt trận về tỉnh nhận chức. Cụ từ khi lên Quan tỉnh đến Tuần-phủ, Cụ ở mặt trận nhiều hơn ở dinh, Cụ có nhiều công-lao, được Vua biết đến.

Lễ lục-tuần đại-khánh Hoàng-Thái-hậu được thưởng ... tiền vàng cát tường, Ngũ-bảo, mỗi thứ một đồng, tiền bạc... Nhật-từ Song-Long, mỗi thứ

một đồng ; tiền đồng Mỹ ... hiệu 15 đồng, áo chèn bằng sa Hoa-nam một cái (màu xanh lam) đại-yến bạc một đồng.

Năm 46 tuổi, Bó-Chánh Bắc-Ninh, vâng mệnh đánh giặc, tháng 5 đi Lục-Ngạn, hiệp cùng quan đồn, trừ tính việc đánh giặc Tàu và đốc biện quân nhu, xong công việc về tỉnh, được thưởng Quận-Công gia cấp. Tháng 8 Cụ về thăm nhà. Tháng 9 đi nhậm chức ; tháng 12, đi thương-tiêu Đông-Ngạn, Kim-Anh và đốc quân-lương ; Trận đánh Đồi-mã, được gia quận-công nhất-cấp...

Giặc lại đánh chiếm Phủ Thuận-Thành, Cụ cùng các quan thương tiều, lấy lại được phủ. Cụ về quân-sự hình như chưa học mà Cụ đánh trận nào được trận nấy, phá thành nào vỡ thành ấy, chiêu dụ người nào được người ấy, vì Cụ lấy thành tín đối với người thì người theo mình. Phàm những quân, tướng giặc xuất thú Cụ biên vào đội ngũ, dùng làm thân-binh, ai cũng bảo là nuôi ong tay áo, nguy hiểm lắm. Đó vì Cụ lấy trung thành mà cảm động lấy nghĩa-lý mà hiệu dụ, lấy ân-ý mà cố kết, ai cũng phải cảm phục, phẫn-khởi thề xin liều chết. Quân thân binh giết được, bắt được, và dẫn ra thú được nhiều giặc ; Kể có công cao thì cho làm quan, vợ con được sung sướng. Dùng giặc dò giặc, dùng giặc dụ giặc, binh-pháp gọi là Tâm-chiến vậy. Nhưng cụ cũng nhiều lần sây chết ; một hôm Cụ cùng ông ÍCH-KHIÊM hội tiền đánh giặc Tàu, ông ÍCH-KHIÊM giả thua chạy, còn mình Cụ áp trận, giặc bắn như mưa, Tướng-Hiệu lấy lọng che cho Cụ, đạn tên xuyên rạch cả lọng, may Cụ không can gì. Ông ÍCH-KHIÊM dẫn quân quay lại đánh, Cụ quy quân giáp công, quân giặc thua to chạy, lại một hôm Cụ đốc vận quân-lương, khí giới, đến đồn, các quan điều phải ra trận, một mình Cụ coi đồn, quan quân thua chạy, giặc đuổi theo, ngọn giáo gần tới vai Cụ, may mà có cái khăn chít đầu bằng nhiều, rơi xuống quân giặc chanch nhau nhặt lấy, Cụ mới được thoát ; nguy mà phúc nạn mà toàn đáng gọi là phúc tướng.

... Trước sau, lớn nhỏ hơn trăm trận đánh, chém giết có nghìn, chiêu hàng cả trăm, đều quay công cho các tướng hiệu ; có người nói : Hiện nay những bộ-hạ các quan được liệt vào quận công làm Quan làm Đới, vô số ; Sao Cụ chà đề cho bộ-hạ cụ hay người nhà Cụ. Cụ nói « không mà làm ra có ta đối ai được ».

... Năm Cụ 47 tuổi, thăng Hồng-lô tự-Khanh, lĩnh Bó-Chánh Bắc-Ninh, Cổ-Phong-Bà được sắc.

Cổ-Phong-Bà được Vua ban tiền Phi-Long bằng vàng bằng bạc, và nhiều vóc các thứ, đưa về đặt trên án giữa sân, Cổ-Phong-Bà thân hành ra lấy tạ; Cụ làm Quan hơn 20 năm, lương bổng chỉ đủ dùng, vẫn ở vài gian nhà tranh; đến nay mới dư dật chút đỉnh, đủ tiền mua gỗ và vôi gạch, Cổ-Phong-Bà lấy số tiền dành dụm hàng năm, làm được 3 gian nhà thờ : mái lợp ngói, thềm bó đá, cột xà bằng gỗ lim, đục chạm thô sơ mà vững chắc; Năm sau rước sắc Cổ-Phong-Ông, làm lễ Phần-thành và khánh-thành nhà thờ nhân thế : ông SỬ mất sớm, ông TRUY đã hơi lớn, táng cùng huyệt với ông DY ở cổng-Chàng.

Năm Cụ 48 tuổi, thực-thụ Bổ-Chánh, quyền Tổng-Đốc Bắc-Ninh Thái-Nguyên; xin giã hạn về quê làm lễ Phần-hoàng...

... Quân-Pháp đánh Bắc-Kỳ, chiếm 4 tỉnh Ninh-Bình, Nam-Định, Hà-Nam, và Hưng-Yên, tháng 11 Triều-Đình ký hòa-ước. Cụ vâng mệnh đưa quân nhận tỉnh Nam-Định, Ninh-Bình, thiết quan, phân-chức; khi ấy tỉnh Ninh-Bình, quân Pháp đặt các tân-quan đề cai trị toàn là người công-giáo cả, giáo dân được thế kéo nhau đi phá phách, đốt nhà giết người, Cổ-Phong-Bà sợ hãi trốn tránh, cũng bị bắt giam mấy ngày. Nhà các Cụ bị đốt phá hết sạch; Văn-từ, Bài-ý, đồ thờ đều bị đập phá hết. Cụ tiện đường về thăm quê nhà, thăm Cổ-Phong-Bà, thăm gia quyến, rồi xuống Phượng-Tri thăm Cụ Các. Cụ nhìn đông nhìn tây chỉ còn một đống tro tàn, Cụ ngậm ngùi than thở hồi lâu, về sớm lễ xuống Văn-từ tế cáo rồi đưa những đồ thờ bị phá đốt đi...

Năm Cụ 50 tuổi, Tuần-Phủ Hà-nội, xưng Chánh-Đốc Thông Bảo-cục, kiêm tri phòng khẩn sự vụ. Tháng 12, có chiếu-chỉ gọi về Kinh, lại triệt lưu.

Hà-nội là nơi danh-thắng; sau khi hòa ước đã ký, giặc giã yên, công việc thông thả; ngày ngày cùng quan Tổng-Đốc cũ là TRẦN-ĐÌNH-TỨC, quan Tổng-Đốc mới, là TRẦN-BÌNH, quan Đốc-học VÕ-NHU, chè chén vui chơi, có quang-cảnh phong lưu, tề, tướng...

...Cụ làm quan ở Bắc 20 năm, khi có việc thăng Viên-ngoại-Lang bộ Lễ, khi thăng-án-sát Nghệ-An; khi về Kinh, biệt bộ đều bị lưu lại cả, vì có giặc giã tỉnh Bắc chưa bình xong, nay về Kinh, ngày 27 tháng 9 bộ kiến Vua tại điện văn-minh. Vua hỏi: người tỉnh nào? bao nhiêu tuổi, Cụ cứ thực tấu. Hỏi: người đã làm quan ở Kinh bao giờ chưa? Tâu: Thần được bổ chức Đường-quan, đã 26 năm, quãng đó có nhiều lần được thăng chức về Kinh, nhưng lại triệt lưu; Vua phán: người trông cũng khá, sao tuổi chưa

nhiều, mà râu tóc đã bạc ? Tàu : Thần tư bầm vốn yếu, trước được bỏ giao-thụ Doan-Hùng 5 năm, thăng Tri-châu Tuân-Giáo 3 năm, đều là nói biên giới; rồi được về Bắc-Ninh, nhiều lần vâng mệnh lên Thượng-du, đánh giặc, cảm nhiều lam khí, bị chứng sốt rét ngã nước, nên hình thể suy yếu. Hỏi : người ở Bắc-Ninh nhiều năm, chắc hiểu nhiều tình thế lắm ! Những giặc ở Thượng-du hiện tình như thế nào ? Tàu : hạt Bắc-Ninh chỉ còn một vài tên phạm trốn ; hạt Thái-Nguyên, tàn-quân, giặc Tàu, chỉ còn vài đảng đều xin ra thú, về yên nghiệp ; Quan Hiệp-Đốc Tôn-thất-Thuyết chỉ cho bọn Chu-Thành-Quang ra thú, còn Đàm-Tứ Thế nhiều lần ra chống với quan, cùng với Dương Văn-Tân, từ biên giới Tàu đánh úp đồn Trà-Linh hạt Cao-Băng, lan sang Thái-Nguyên, đảng ấy có hơn trăm tên cũng cứng cỏi, quan Hiệp-Đốc không cho hàng. Mong rằng Triều-Đình lấy uy, lấy đức, lấy tiểu, vừa phủ, mới có thể chóng xong, duy việc thiện hậu, tưởng nên đặt những Thồ-quan, mới xong ổn được.

... Hiện nay, hạt Thái những Thồ-trù được việc có ít, việc thiện-hậu cũng khó. Hỏi : cho chúng xuất thú phỏng có ngại gì không ? Tàu : hiện nay quân giặc thể cùng, chúng cần xin ra thú, để yên nghiệp, tưởng do lòng thực của chúng ; hạt Thái mạn trên tiếp giáp với Tàu ; sự động tịnh ở biên-cương có quan hệ lắm ; Nay biên giới của Tàu có 2 toán quân canh-phòng ; biên giới ta may được tạm yên. Nhưng sau khi 2 toán quân ấy rút đi, những quân du-côn Tàu thừa dịp nổi lên, thì biên giới ta phòng bị cũng khó lòng. Hỏi : trước có tên Vũ-Huy-Thụy, cũng được cho xuất thú, sau lại phản qua ; nay nếu cho chúng xuất thú hết, chắc khỏi lo ngại không ? Tàu : cho chúng xuất thú hết, tưởng cũng có điều ngại. Trước đây ông Tôn-Thất-Thuyết, cùng Thần bàn tính, viên ấy nói : dư đảng giặc Tàu, nên cho họ một nửa xuất thú, còn một nửa nên đánh mạnh ; tưởng làm như thế thì khỏi lo ngại. Hỏi : đã lâu, Trẫm muốn cho việc chóng xong, kẻo cứ lằng nhằng mãi, thêm ngại ; còn việc thiện-hậu rất khó, không biết sự thế nên làm thế nào ? Tàu : Miền Thượng-du nước độc, gần đây những quan lại bỏ lên đó vào ba tháng thủy-thồ bất phục, có kẻ bị đau chết, có kẻ bị bệnh xin cáo về, việc cấm-phòng cầu thả ; tưởng nên đặt các Thồ-quan để họ đưa con em nhà họ, ra để bảo vệ lấy, thì có thể đắc lực được. Hỏi : trước các hạt ở Tuyên-quang, Lạng-sơn đặt Thồ-quan, hiện đã chuẩn y cho đặt rồi, duy hạt Thái-Nguyên, có người nào dùng được không ? Tàu : hạt Thái-Nguyên có tên : Nguyễn-văn-Thạch, Nguyễn-văn-Vụ nhiều thứ theo quan quân đi trận có công trạng, khả kham được Thồ-quan còn thì là tầm thường cả ; Hỏi : tỉnh Bắc-Ninh dân tình phong tục như

thế nào mà thường xảy ra án giặc cướp ? Tâu : dân Bắc-Ninh đã ngược ngạo, đời Lý, đời Trần đóng đô ở Hà-nội, Bắc-Ninh là nơi phiên trấn nên cho các làng các thôn được rào tre, chung quanh như các Phủ-Huyện, đề cho oai-vệ và phòng giặc cướp ; về sau làng nào cũng có rào lũy vững chắc, hoặc có đám cướp nhỏ nào thì trong làng ẩn chứa , phủ-huyện tra xét khó lòng ; huống chi hạt ấy, rừng núi có nhiều mỏ đồng, mỏ sắt, mỏ diêm-tiêu, có nhiều thợ rèn lại biết chế thuốc súng, các khí giới nơi nào cũng sẵn ; dùng lúc họ chiêu tập được đông liền ; tính quen ngỗ ngược là thế. Hỏi : trước kia là thế nào ? Tâu : Triều nhà Lý ông Lý-Thường-Kiệt, đánh được quân Tống, Triều nhà Trần ông Trần-Quốc-Tuấn, đánh được quân Nguyên, phần nhiều là nhờ ở lính đông Bắc-Ninh. Hỏi : Về Triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị có quan võ không ? Tâu : trước có thần Nguyễn-Đặng-Giai, vâng mệnh điều-độ Lạng, Bình, thì những thủ hạ giỏi đều lấy ở Bắc-Ninh, dân Bắc-Ninh không phải hết thầy không nên dùng, duy trước đây 15 năm, giặc Cộng gây sự quấy rối, bề đảng rất đông ; sau được đầu hàng quy-thuận ; có kẻ xuất thú giao dân quân thú, có kẻ lần lút, trốn tránh làm xằng. Đến khi giặc Tàu luôn luôn tràn sang, quấy nhiễu, thì những kẻ trốn ấy thông đồng gây sự. Cái thói quen ngỗ ngược ấy, tưởng muốn hóa tất cả phải dần dần. Vua nói : Trẫm chưa thấy mặt người bao giờ, nhưng cũng đã biết, nay người có quyền nói hãy thấy có điều chi lợi hại thì phải tâu ngay, đừng có giấu. Cụ lấy tạ lui ra. Vua nhìn theo mãi, các Thị-thần : Nguyễn-Thuật, Ngô-trọng-Tổ, Chu-văn-Khoa, khi ra nói với Cụ rằng : « Vua, thần sắc uy-nghiêm, Thị-thần chúng tôi, có việc gì tâu, thường thường thất thổ ; ông chưa bệ-kiến bao giờ lần này là một, mà tâu nói rành mạch rõ ràng, tiến, lui, thông thả, không run sợ hoảng hốt. Vua sau này ra dùng chưa biết chừng nào...

... Năm Cụ 53 tuổi, Khâm-sai Kinh-Lý-hà-đô-sứ ; tháng năm vâng mệnh ra Nam-Định xét việc quan Tổng-Đốc Nguyễn-Trọng-Hợp Tham hắc Tuần-phủ Phan-Minh-Huy và án-sát Tôn-Thất-Thận.

Nguyên năm trước, số Cụ tâu về việc trị-thủy đại ý nói : Việc trị-thủy vốn xưa nay chưa có cách nào khéo ; nhưng bỏ đê-diều thì hàng năm bị lụt ; đắp đê thì lụt to khó khỏi mà lụt nhỏ có thể không lo. Lại lấy việc : triều Gia-Long, Minh-Mạng, nhà Đê-Chính bỏ đê Thanh-trị, đào sông Cửu-an, sau thành đê bỏ lại đắp, sông đào lại đắp, làm rút kinh nghiệm ; Vua khen mà nghe theo. Đến nay chuẩn xung chức ấy và cấp 50 lạng bạc. Cụ vâng mệnh nhậm chức cùng Thương-Biện Phạm-Đặng-Giang, Tham-Biện Vũ-Văn-Báo,

trù tính công việc, phải dò, phải khám, vẽ đồ bản, rồi thân hành đến từng nơi mà xem lại ; và sửa sang lại cho thật đẹp ; Hơn một năm xong, đề điều vững chắc tưởng là không lo ngại về lụt nữa ; Ngờ đâu, đề mới đắp xong, lụt to đến ngay, đề của hai huyện hạt Hưng-yên bị vỡ ; Việc trị-thủy cơ hồ không còn cách nào nữa ; Nhưng may là lúc đề vỡ, lúa vụ mùa đã gặt gần xong, ; và so với năm trước quan Khâm-sai Võ-trọng-Bình chỉ phí việc đề đến trăm vạn, mà Cụ chỉ có mười vạn thôi, Vua xuống chỉ miễn-nghị. Nay nhận ra Cụ làm việc đề vẫn hết lòng mà không được việc là vì a có : 1) đề vừa đắp xong bị lụt to nên khó giữ ; 2) Cụ có chỗ không được như ý, tức như ở hạt Yên-Mô ta, sông Trinh là sông chánh hạ-lưu sông Nhị-hà, sông hẹp và cạn, chỗ cạnh hàng hai bên núi đá dè ra, lòng sông còn độ 10 thước, (thước ta) quanh co lại hẹp, hễ một trận mưa to là nước tràn lên, không cứ lụt hay ổi động, Cụ sợ xin theo ý kiến ông Trương-Đặng-Quế, và ông Nguyễn-Đặng-Giai, đã tấu đề xin đục đá thêm ra cho rộng lòng sông, và nói Thần chưa học Địa-Lý nhưng thiết tưởng : nước tụ ít không bằng tụ nhiều ; Triều thần nhiều người nói sợ thương long-mạch lăng Trường-nguyên, Vua bảo : cũng nên cần thận ; nên việc bỏ qua, sông hạ lưu nhỏ hẹp như vậy, sao khỏi được đề trung lưu không vỡ ; khi ấy lời Cụ không đắt, nên nay vùng ta thường bị lụt luôn, thực đáng phàn nàn !

Năm Cụ 54 tuổi, Đô-sát viện Tả-Phó-Đô ngự-sử, cải bổ Lại-bộ Hữu-Tham-Tri. Tháng 10 tháng Thư-Hình-Bộ Thượng-Thư, xung Quốc-sử quán, phó tổng tài kiêm quản Quốc-Tử-Giám.

Năm trước Cụ làm quan bộ-Lại kiêm Đô-sát viện, Vua phê : Bộ sách khâm-định-việt-sử-cương mục, và các ban đã kiểm-phục đều giao cho PHẠM-THÂN-DUẬT đem về bộ, lúc thừa nhận nên đem ra xem xét có chỗ nào nên đổi, và nên thêm bớt, cho được hoàn toàn Viên này nguyên là người Bắc, cứ xem bản số đề biết, y lưu tâm điển xưa, tích cũ, tất là thấy rộng, nghe xa, vậy nên lưu tâm kiểm soát, đề khỏi ăn hạn, ngày nào xong, tiến trình ngay. Cụ thấy công việc nặng nề, xin thôi chức ở Bộ ở Viện, đề được chuyên tâm kiểm soát, mới mong được chóng xong ; Vua không nghe. Nay lại có mệnh được xung Sử-quán-tổng Tài...

...Năm ấy, Cụ chấm thi Đình, bài vở ông Đỗ-Huy-Liệu, Cụ rất ưng, nói với Hội-Đồng chấm thi rằng : Quyền này lời văn già giặn sức học cao

siêu, đáng đố thứ nhất ; song xưa nay : thi đình Vua vẫn xếp đặt lại nhất nhì theo ý mình, vậy ta hãy để xuống thứ nhì, để Vua nhắc lên thứ nhất thì hay hơn ; không ngờ khoa này, Vua chuân y cả ; ông Liễu lấy đó làm cãm oán lắm, khi Cụ về nhà cư tang ông Liễu vào Kinh đợi bõ, đi qua đó nghe nói Cụ ở nhà cư tang, miễn cưỡng đến chào, tuyệt không một lời hỏi thăm, không một chữ đề viếng, sau lại thốt ra những lời oán trách ; thậm chí làm thơ văn đề lại. Người không biết thế tất đến thế là cùng ! ...

... Năm Cụ 57 tuổi, Thực-thụ Hình-bộ Thượng-thư, vẫn xung Cơ-mật-Viện Đại-Thần, Cụ làm việc ở Cơ-mật-Viện, phạm việc nào quan-hệ, không có lộ ra sắc ra ý bao giờ, không kể đến lời nói nữa. Khi ấy có người lái buôn Tàu đúc tiền giả, trong sắt ngoài đồng, mỏng như cái lá, ngấm ngấm mua bán đổi chác ; khi lộ ra, thì kẻ chợ, nhà quê, kho tàng nhà nước đều thấy nhan nhản cả. Triều-Đình bàn bạc rất khó xử trí, trước định ăn bốn, đổi ăn sáu, lại đổi ăn ba, ít lâu lại ăn sáu, (mỗi đồng tiền đồng ăn 6 đồng tiền kẽm). Những nhà người đầy tớ các quan, mỗi khi lên xuống, đầu cơ đổi chác được lợi rất nhiều ; mà người nhà Cụ thì mỗi khi lên xuống thì cứ tức tặc phàn nàn. Cụ cần mật đến như thế ! Thường được Vua phê: «nhĩ phi Bắc nhân» nghĩa là : người không phải người ngoài Bắc-Kỳ, vì là Triều Nguyễn khai sáng, từ Nam-kỳ nên lúc dùng người có ý coi Nam-Bắc khác nhau, (Nước ta trước từ Hà-Tĩnh trở ra là Bắc-kỳ, từ Quảng-Bình trở vào là Nam-kỳ). Người Bắc-kỳ xưa nay chưa ai được dự Cơ-mật-Viện, trước có ông Nguyễn-Tư-Giang được quyền xung viện, nhưng để việc tiết lộ bị bắt. Vua phê không phải là người Bắc, tức là đặc biệt, coi như dùng người Nam vậy. Cụ được vua tin dùng, ơn sâu nghĩa trọng ; tuổi ngày càng cao, trách nhiệm càng nặng, công việc càng nhiều, mà lòng mong đền báo càng sốt sắng ! ...

... Vì từ mấy Triều nhà Nguyễn chưa có Trạng-Nguyên, Vua xuống dụ cho các đình-thần mỗi người được đề cử một hai người quen biết, có tài cao học rộng về Kinh ứng hạch ; Những người đã đỗ to hay làm quan cao cũng được dự thi. Nếu đỗ thì người cử-tri được thưởng rất hậu. Lúc đó người thì đề-cử ông Hoàng-Giáp, người nọ thì đề-cử ông Tiến-sĩ kia ; Mà Cụ thì đề-cử ông Tú-tài Vũ-Kế-Xuân (con Cụ Các) và Thủ-Khoa Thanh-Hóa Lê-Trần-Cơ mà thôi. Những người dự thi đều được Tỉnh-Thần cấp ngựa trạm lên đường. Sau những người dự trúng cùng những người cử-tri, đều được thưởng

phàm trật ; ông Vũ-Kế-Xuân được thưởng (ban) 4 nén bạc, về tế Cụ Các đề tỏ ra Vua không quên người cũ.

Năm Hàm-Nghi năm thứ nhất, Cụ lại số ; cử ông Vũ-Kế-Xuân là người có tài chép sử, xin đặc cách bỏ vào sử-quán : hiện Vua đã phê ưng cho. Xây ra kinh thành thất-thủ, rồi việc ấy bỏ qua.

Năm Cụ 58 tuổi, xưng Dục-đức Chính-Mông nhị đường sư-bảo. Ông Hoàng Cả (Dục-Đức) học rộng văn hay, có làm bài Hàm-dạ-ngâm đưa Cụ chấm, có ý uất ức, không vui ; Cụ phê bình ngụ ý khuyên răn. Ông Hoàng Hai (Chính Mông) khi Đức Hàm-Nghi xuất bôn, được lên làm Vua hiệu Đồng-Khánh.

Năm Cụ 59 tuổi, xưng Khâm-sai như Thanh chánh-sứ Đại-thần.

Nước ta năm ấy bị quân Pháp đánh, Vua sai sang Tàu cầu cứu, mang theo tất cả sắc ấn lịch triều thụ phong di, để hễ Tàu không cứu thì trả lại cả. Khi ấy nước Tàu vua Quang-Tự còn ít tuổi, bà Tây-hậu chuyên-quyền, Triều-chính rối ren, quyền-thần ghen tị, và lại có nhiều chiến hạm của các cường quốc Tây-phương, hiện đang nhòm ngó, cứu thì không đủ sức cứu, bỏ thì không có lẽ bỏ, Cụ và ông Phó sứ Nguyễn-Thuật, đi đi lại lại, biện thuyết nhiều lần, hết hơi đứt lưỡi, rút cục chỉ bị cường quyền đè-nén; nằm ở Thiên-tân, hơn nửa năm trời, việc sứ chưa xong, tin buồn đã đến ; tháng 7 tiếp tin được Vua Tự-Đức băng, Cụ cùng ông Phó-sứ Nguyễn-Thuật và các nhân-viên sứ bộ, thiết lập hương-án ở sân sứ quán, làm lễ chịu tang. Tháng 10 về nước. Khi sắp về Cụ làm văn-tế sai con thứ hai tế Ngô-Hữu-Nhu (nhân-viên sứ bộ chết ở Thiên-tân)...

.. Ngày 29 tháng chạp, Cụ về tới Kinh đô.

Năm Cụ 60 tuổi, Kiến-Phúc năm thứ nhất, cai điệu, Hộ-bộ, nhưng xưng Cơ-mật-viện Đại-thần, kiêm xưng Thuyền-chính cục kiêm Quản-quốc-tử-Giám. Tháng 2 xưng Kinh-duyên giảng-quan, kiêm xưng Kiên-Giang quận-Công sứ-bảo, tháng 5 xưng Khâm-Sai Toàn-Quyền Đại-thần, dâng định hòa ước, tháng 6 xưng Điện-thí Độc-quyền.

Vua Kiến-phúc bệnh ngặt, Cụ phụng thư từ di-chức, ngày 12 Vua mất, Cụ phụng kiểm thân ngự y phục, khâm lượm mọi việc. Tháng 7, Đại-Lễ lằng-ninh-bồi, Cụ xưng Tổng-biện đại-sứ ; Tháng 12, xưng lưu kinh Đại-thần,

xung Khâm-Sai Toàn-quyền Đại-Thần nghị-định khai-khoảng điều ước « cần
án : Kiên-giang Quận-công, sau lên làm Vua, niên hiệu : Hàm-Nghi ».

Năm Cự 61 tuổi, Hàm-Nghi ất dậu (1885) Thăng thự Hiệp-biện Đại-
học-sĩ, tháng 4, xung Điện-thí độc-quyền, tháng 5, hộ giá đi Quảng-Trị; ngày
15 tháng 5 phụng Bắc sai. Ngày 23 tháng 10 Cự bị đau mắt ở Tàu Pháp
(29-11-1885).

Ngày 23 tháng 5, Kinh thành thất thủ, Vua Hàm-Nghi chạy ra Sơn-
phòng (Quảng-trị, Cự đi hộ giá tháng 6 xung Bắc-kỳ. Khâm-Sai Đại-thần, về
Bắc đến quán Đốc bị bắt đưa đến Thương-bạc; ngày 28 tháng 7 Tàu Pháp
chở Cự đi Côn-lôn, ngày 17 tháng 10 chở sang Tây-tư, đến hải-phận Gia-lạp
(theo bản đồ là Mạnh gia-lạp, thuộc Ấn-độ đương) Cự bị bệnh đường-tiết, Cự
mất, quân Pháp bỏ xác Cự xuống bể, cùng di chuyển Tàu ấy có ông Nguyễn-
Văn-Tường (Văn-Minh Điện-Đại-học-sĩ) và ông Tôn-Thất-Đỉnh (Vũ Hiền
Điện-học-sĩ, thân phụ của ông Tôn-Thất-Thuyết; ông Nguyễn-văn-Tường
sau cũng mất ở bên Pháp, năm Đồng-Khánh năm thứ nhất, ông Tôn-Thất-
Đỉnh được tha về, kể truyện lại như thế. Năm Đồng-Khánh thứ II tháng 5
ngày 27 lấy áo mũ cũ làm lễ chiêu táng, táng tại phía Bắc nhà chính biệt thự..

...Hành-trình Cự làm quan : Giáo-thụ Doan-hùng 4 năm, Tri-châu Tuần-
giáo 2 năm, Tri-huyện Quế-dương 5 năm, Nhiếp-thứ Lạng-giang trước sau 4
năm, Bang-biện 2 năm, Án-sát Bắc-Ninh 1 năm, Tuần-phủ Bắc-Ninh 4 năm,
Tuần-phủ Hà-Nội 1 năm, Tuần-phủ Bắc-Ninh 1 năm, Tổng-đốc Bắc-ninh
1 năm, Lại Tham-tri 1 năm, Hà-đê-sứ 1 năm, Hình-bộ 5 năm, Sứ Tàu 1 năm,
Hộ-bộ 1 năm.

Sự nghiệp : 1 lần sơ khảo, 1 lần Phúc-Khảo, 1 lần Đồn-diên-sứ, 1 lần
Thông-Bảo-cục, 1 lần Thuyền-chính-cục, 1 lần kiểm-phòng khản sự vụ, 2 lần
cơ-mật-viện, 1 lần xướng Tứ-phúc tộ, 1 lần quyền Lại-bộ, 3 lần Quốc-sứ-
quán, 3 lần Quốc-tử-giám, 3 lần Điện-thí-độc quyên, 1 lần xung Dục-Đức, Chính
Mông-sur-bảo, 2 lần Đô-sát, 1 lần xung Kinh-duyên, 2 lần Khâm-sai Toàn-
quyền Đại-thần, 1 lần xung-Kiên-Giang sur-bảo, 1 lần xung Tông-biện Đại-sứ,
1 lần xung Lưu-Kinh Đại-thần, 1 lần xung Bắc-sai Đại-thần.

Liều thuộc : ở Doan-hùng : Tri-phủ Nguyễn-hữu-Tạc (người Bình-Định,
khi Cự đi sứ Tàu về, trọ ở nhà) Bắc-ninh: Tổng-Đốc Bùi-Tuấn (Liên-bạt Hà-
nội, nhạc Phụ Cự Hai-Thuật) Bắc-ninh thân: Bồ-chánh sứ Hạ-duy-Trinh, án-sát

Hoàng-Diệu, (sau thăng Tổng-đốc, thành mất, tự-tử)—Nguyễn-trí-Trạch Đốc-học Đoàn-Huyền. (Hà-nội Thanh-Tri, thân phụ của ông Đoàn-triễn) Ngô-quang-Huy, Hà-nội : Cựu Tổng-đốc Trần-đình-Túc (Quảng-trị Hà-trung, thân phụ ông Trần-đình-Phát, Tổng-đốc Trần-Bình, Đốc học Võ-Như ; Hà-đê : Tham-biện Võ-văn-Báo, Thương-biện Phạm-đặng-Giang ; Hình bộ : Tả-tham-tri Lê-đình-Toán, Hữu-thanh-Tri, Nguyễn-văn-Thân, Biện-lý Lương-huy-Uy, Nguyễn-văn-Long, Lang-trung Nguyễn-đức-Kỳ, Trần-doãn-Khanh ; Sử-quán Thoan-tu Đặng-văn-Kiều, Võ-Như ; Quốc-tử-giám : Học-chính Nguyễn-Liên, Tế-Tửu Nguyễn-Quán, Đô-sát : Tham-tri Hồ-trọng-Đình ; Cơ-mật-viện : Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, Trần-tiến-Thành, Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, Nguyễn-văn Trường. Võ-hiếu-điện Đại-học-sĩ, Tôn-Thất-Thuyết, Tham-tri xung Thương-bạc, Lê-Diệu ; Sử bộ Tàu : Phó-sứ Nội-các, Nguyễn-Thuật, Kham-phái Nguyễn-Ba, Tạ-huê-Kế, Thị-giảng Nguyễn-Tạ, Viên-ngoại Lê-Trình, Thị-vệ Nguyễn-văn-Hữu, Lê-đắc-Vinh Tư-vũ Phan-Du, Biên-tu Lê-trọng-Hữu ; Bát-phẩm Ngô-hữu-Nhu, Đô-phú-Túc, Cửu-phẩm Đặng-đức-Huy, hành nhân Nguyễn-tiến-Cận. Bạn học cùng một trường : Cựu Hoàng-tam-Đẳng, cùng làm quan Kinh : Thượng-thư Đặng-đức-Dịch, chưởng-ấn Trần-đình-Liên, Trần-văn-Úc, Lang-Trung Nguyễn-đăng-Khoa, Nguyễn-xuân-Huyền Vũ-Tuấn, Ngự-sử Lương-xuân-Huyền, Tu-soạn Đào-danh-Toại, Viên-ngoại Lưu-khắc-Nhất, La-xuân-Đỉnh, chủ-sự Dương-Hành. Biên-tu Vũ-hữu-Lợi, Phạm-chấn-Lang Tư-vụ Đặng-Đãi, Trần-Chấn, Hành-tấn Trần-văn-Gia, Đặng-văn-Thuật, Điền-bạ Đỗ-tâm-Sồ, dực thiện Nguyễn-Huy, Hoàng-duy-Trung, Hoàng-văn-Nhã, Phạm-đăng-Phẩm, Phạm-đức-Cơ.

Ngôn hàng sử trạng của Cụ, để lại ở Kinh, hoặc ở nhà quê, vì loạn lạc mất mát đi nhiều, Cận sinh sau đẻ muộn lúc bé ở nhà, gần Cụ được ít, nay theo những lời kể lại của Bác, của Thím và các Tôn-trưởng trong họ, kỳ lão ngoài làng mà chép lại, chỉ được một phần trong nghìn vạn phần vậy.

Phụ trang trích ở táng-ký.

Hàm-Nghi năm thứ nhất, ất-dậu (1885) ngày 23 tháng 5, Kinh-thành thất thủ, Vua chạy ra Cam-lộ, Cụ đi hộ-giá, tháng sau Cụ bị đau (bệnh đường-tiết) suýt chết, nhờ có ông Tú-tài Hà-Tụy người Hà-Tĩnh (tù chính-trị ở Sơn-Phòng Quảng-trị) bốc thuốc giỏi, chữa mấy hôm thì Cụ khỏi, ngày 14 từ Quảng-xá về Sơn-Phòng, được lệnh về Bắc, (Võ-trọng-Bình làm chánh Khâm-sai, Cụ làm Phó, Trương-văn-Đệ Tham biện), ngày 15 bái mệnh ở hành-tại,

lên đường về Bắc, (vì Cụ có nhiều thù hạp, ở Bắc rất giỏi, có ý về chiêu nạp đề họ làm việc lớn), Cụ đi đến thôn Hà-trung (Quảng-trị) bệnh Cụ lại phát, tiện đường đến nhà quan Hiệp-biện Trần-trọng-Cung, trọ đó đề uống thuốc, lúc ấy Cụ Hiệp-biện ở biệt thự tại Bàn-môn Quảng-Nam, nhưng việc chạy thuốc, thuê thuyền đều nhờ người con thứ 4 của Cụ là Trần-đình-Phác, sau làm phụ-chính) ngày 17 bệnh hơi đỡ, mật thuê thuyền về Bắc. Ngày 18 sáng tinh mơ, ăn mặc trá hình, xuống thuyền, đi đến quán Đốc (thuộc thôn Hà trung) thì Tri-phủ Triệu-phong, Tôn-thất-Thị đã ngầm đưa hơn 20 lính Hương-binh đón bắt, đưa về Kinh. Ngày 20 bị đưa ra Thương-bạc, Cụ nhìn Cận bảo rằng : Sứ-mệnh chưa rồi tội của ta đây, ta đến bị tù mất ! Biên lấy số tiền gạo lính (từ sau ngày 25 tháng 5 ở Quảng-trị, và Sơn-phòng Cam-lộ, cộng là tiền Đông dương lục 30 quan, gạo 10 phượng) về bảo mẹ mày trả đi, đừng để cho ta phải lụy, bị giam ở Thương-bạc (ở phía đông Kinh-thành)sau khi thất thủ, Nguyễn-văn-Tường trở lại, vâng lệnh Bà Tam-cung đưa Thọ-xuân-Vương, quyền coi việc nước, ngày ngày cùng hội nghị với quan pháp), Quân Pháp canh phòng rất nghiêm ngặt, ngày mùng 2 tháng 7, Cận lên đến Thương-bạc, thấy đỡ nghiêm ngặt, nói với lính đưa cơm để cho bưng mâm vào, Thấy Cụ cùng Tôn-thất-Đĩnh ngồi cách nhau xa, quay mặt lại nhau, Nhân được nói với Cụ những việc dạn dò ở giốc đường, và tin nhà. Ngày 23 thấy lính trú dẫn Cụ xuống Tàu-thủy (tàu ấy nguyên đậu ở trước cửa Thương-bạc) chở ra cửa Thuận-an đầy ra Côn-đảo. Mãi năm sau, ngày mùng 7 tháng 2, mới nhận được tin ông Đồ-phủ-Túc làm Kinh-Lịch ở tỉnh nói : vào Kinh thấy ông Hoàng-hữu-Thường nói : ông Nguyễn-văn-Tường có thư về, có nói đến tin dữ ấy và nói không biết làm sao lại có sự chết bi thảm như thế. Nghe tin, họ hàng, thân thích lại hỏi thăm ; người bàn nên làm lễ thành-phục, người bàn nên làm lễ văn-phó, mỗi người bàn một phách ; Anh em nghĩ đi nghĩ lại, tin này còn là phong-văn, chưa lấy gì làm đích, còn ngờ hoặc đã vội may đồ tang, trong lòng vẫn không yên, đã nghe tin mà cứ điềm nhiên cũng không phải. Nên ngày đêm ấy bày chỗ thờ ngay gian chính, nhà Biệt-thự rồi phát khóc, từ đó sớm hôm thờ phụng, như thường, không giám làm lễ thành-phục, vì sợ rằng tin truyền chưa đúng Ngày tháng 8 anh (Cả-Luyện) đáp tàu về Kinh, đến nhờ ông Nguyễn-xuân-Huyền (Đốc-công-Kho Quân-giới) sai thuộc lại dẫn đến mật viện, Viện-thần Nguyễn-hữu-Độ (Phụ-Chánh Đại-Thần) lục ra một bản mật, che đầu che đuôi, đề chừa một đoạn cho xem, thấy mấy giòng chữ đại ý nói :

Hồi đó, y Nguyễn-văn-Tường, cùng Phạm-thận-Duyệt, Lê-Dinh (đổi theo họ mẹ) đáp tàu đi Tây-tư (thuộc địa Pháp), ngày 25 tháng 10, qua hải phận Ma-nac, Phạm-thận-Duyệt bị bệnh chết ; Nguyễn-văn-Tường, cùng Lê-Dinh, ngày 15 tháng 11 hiện còn ở Cù-Lao-Nhĩ ; Luyện được tin ấy buồn bã đi về, ngày 16 tháng 10 về đến nhà, Cụ Tú Phương-trì, Cụ Huyện Càn-thốn, Cụ cử Tam-quang, đến ngay hỏi thăm, đều nói rằng : Tin đó mật viện, chắc là đúng lắm, ngày mồng 6 tháng 6 đã làm lễ văn-phó, nên lấy ngày ấy làm ngày văn-phó, nay theo văn-công làm lễ thành-phục là hợp lễ. Anh em đều đến trước bàn thờ khóc rồi thay áo, ngày 19 các con cháu đều đến làm lễ thành-phục. Chưa dám làm đám ma, vì còn cho là tin chưa được đích xác. Năm sau (Đình-Hội) nghe tin ông Tôn-thất-Dính được tha về , anh Hai (Thuật) lập tức vào hỏi thăm tin. Ngài nói : « Cụ Lớn khi mới đến Côn-Lôn, bói được quẻ xấu, ít lâu sau chứng Cụ lại phát, rồi hơi đỡ, ngày 17 tháng 10 đi Tây-tư, vừa ra bề khơi thì dị đường tiết lại nhiều. Ngày 23 giờ hội, tàu đến hải-phận Gia-lập thì Cụ thở hơi cuối cùng. Lúc ấy Cụ chỉ mặc có một quần, một áo trắng ; Tôi sắm thêm một bộ quần-áo vải trắng, một cái phong vải trắng, bỏ xuống bề.



ĐẠI-NAM THỰC-LỤC CHÍNH-BIÊN

đệ nhật ký

QUYỂN I (tiếp theo)

Thực-lục về Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế

TÂN SỬU, năm thứ hai (1) (Lê Cảnh-hưng năm thứ 42, Thanh Cảnh-long năm thứ 46). Mùa xuân, tháng ba. Đổ-Thanh-Nhân có tội, bị giết; Trước kia, Thanh-Nhân cầm binh Đông-son, thường có ý cường ngạnh, vượt quyền. Đến khi vua lên ngôi, Thanh-Nhân ý mình có công phò lập, càng kiêu ngạo, phóng tú, quyền sinh, sát, cho, lấy đều tự tay mình; kinh phí trong cung cũng giảm bớt, không chịu cung hiến; phàm người bề dưới thân cận đều cho lấy họ mình; người có tội thì đem nướng than đỏ, hình phạt rất thảm khốc, ai nấy đều nghiêng rặng. Vua cho là người có công, thường tru đãi, dung tha; vua thường đến thăm nhà, (Nhân) cũng không giữ theo lễ; bề dưới lại phụ họa thêm, lấn áp, xâm tiếm, không kiêng sợ gì, toan mưu đồ làm phản. Chương-cơ Tổng-phúc Thiêm nói riêng với vua xin trừ giặc ở bên cạnh vua. Vua âm-thầm nghĩ ngợi hồi lâu. Phúc-Thiêm nói: « Thanh-Nhân lòng nuôi ý muốn của Mãng (2), Tháo (3), không thể không trừ được, nếu dùng kế trừ thì chỉ tay một võ sĩ là đủ. » Vua rất lấy làm phải, bèn giả ốm, với Thanh-Nhân vào cung bàn việc. Vệ-sĩ nhân đó bắt, giết, rồi tức thì tuyên bố tội trạng Thanh-Nhân và tha tội các tướng hiệu bộ thuộc. Sai Chương thủy-dinh là Hoàng (không biết họ) lãnh bộ binh, Phúc Thiêm lãnh thủy-binh, lại chia binh Đông-son ra làm bốn quân, sai Lê-văn Quân coi Tiền-quân, Võ-doãn Triêm coi Hữu-quân, Tổng-phúc-Lương coi Tả-quân, Trương-văn Bác coi Hậu-quân. Thanh Nhân chết rồi, đồ đảng nhiều kẻ trốn đến Tam-phụ (4) làm trộm cướp, vua sai chiêu dụ, đều chống cự lại.

(1) 1781

(2) Vương Mãng tiếm ngôi nhà Tây Hán

(3) Tào Tháo đoạt hết quyền vua Hán

(4) Tam Giòng.

Thống-nhung trấn Bình-thuận Nguyễn-văn Hoàng, Lê-bộ Nguyễn Nghi đều đau chết. Sai Tôn-thất Dũ (cháu nội Chương-cơ Quận-công Tôn-thất Tú, con Cai-đội Tôn-thất Thắng) coi Trung-quân, tiết chế bộ binh trấn thủ Bình-thuận.

Gia chức cho Chu-văn Tiếp làm Khâm-sai Đốc-Chương-cơ Quận-công, điều bát tướng sĩ và việc binh, việc dân ở Phú-yên. Mùa hạ tháng 5 Vua sai duyệt số binh thủy, bộ các dinh ở trong, ngoài; không dưới 3 vạn người, thuyền đi biển 80 chiếc, chiến thuyền lớn 3 chiếc, tàu Tây 2 chiếc; bàn việc cử đại binh đi đánh giặc Tây (son). Sai Tiết-chế Tôn-thất Dũ đốc suất bộ binh ở Bình-thuận, Chương-cơ Tổng-phúc Thiêm, Nguyễn-hữu Thụy, Dương-công Trừng, đốc suất thủy-binh ở Gia-định cùng tiến ra. Bọn Dũ đến Nha-Trang, Yên-cang (2) thuộc tỉnh Khánh-hòa), cùng Chu-văn Tiếp hợp quân, đắp lũy đối diện với giặc. Bên giặc thủy-binh ít, không dám nghênh chiến, giặc bèn đem bộ binh dàn trận, voi chiến rất nhiều, quân ta trông thấy, rút lui, Văn Tiếp không ngăn cản được, bèn lui giữ núi Trà-lang (thuộc tỉnh Phú-yên). Bấy giờ ở Gia-định xảy ra việc biến Đông-son, binh sau không ra, bọn Dũ đều rút quân về.

Tháng 5 nhuận. Thuộc tướng binh Đông-son là Võ Nhân, Đỗ Bằng chiếm cứ Tam-phụ (1), làm phản. Vua sai Nguyễn-dinh Thuyên, Tổng-phúc Lương chia đường tiến đánh. Phúc Lương đánh ở sông Lương-phú (tên thôn), bị thua, Thống-binh Cai-cơ Tổng-văn Phúc (con Thống-suất điều-khiển quân ngũ dinh Tổng-văn Khôi) tử trận. Vua thấy binh của Phúc Lương không có tiết chế, bèn thêm binh để hợp đánh mà sai Cai-cơ Nguyễn-văn Quý, Phan-văn Huyền nhập bọn với giặc, bắt được Nhân, Bằng, giết chết, dư đảng đều dẹp yên. (Văn-Phúc được truy tặng Chương-cơ).

Đổi tên dinh Trường-đồn làm dinh Trấn-định (3).

Lấy Phạm-văn Nhân làm Phó Vệ-úy vệ Đàng giao. Mùa đông, tháng 10, Tiêm-la sai tướng là Chất-trí, Sô-si (hai anh em) xâm lấn nước Chân-lạp, Nặc-Ấn đem việc ấy báo lên.

(1) Ba Giòng

(2) Hòn Khói

(3) tức tỉnh Định-tường sau này.

Nhâm Dần, năm thứ ba (1) (Lê Cảnh-hưng năm 43, Thanh Càn-long năm 47) mùa xuân, tháng giêng, sai Giám-Quân trung-dinh Chương-cơ Nguyễn-hữu Thụy suất lĩnh binh thuyền, cùng Hồ-văn Lân đi cứu viện Chân-lạp. Quân đóng ở La-bích, lúc ấy vua Tiêm là Trịnh quốc Anh (có người nói là Trịnh Sanh) bị bệnh tâm tật, bắt giam vợ con Chắt-tri, Sô-si ; Chắt-tri, Sô-si oán, binh ta đến, bèn hợp nhau bàn bạc. Sô-si nói : « Chủ ta vô cớ bắt giam vợ con ta, chúng ta đâu có hết sức liều chết cũng không ai biết cho, chỉ bằng xin hòa với người Hán (2), kết làm ngoại viện » Chắt-tri nói : « Lời ấy rất hợp ý ta. » Bèn sai người đến quân Hữu Thụy cầu hòa và mời đến trại hội hợp để giao-ước, Hữu Thụy chấp nhận. Sứ Tiêm ra rồi, em Hữu Thụy là Hữ-ụ can rằng : « Người man di thường dối trá, e có biến thì sao ? » Hữ-ụ nói : « Ta đã trừ tính kỹ rồi, vua Tiêm vô cớ bắt giam vợ con họ, nên họ muốn mượn ta viện trợ, lời xin ấy không phải là giả dối đâu ; huống chi ta đã chấp nhận mà không đến thì họ cho ta là khiếp nhục » Ngày mai, Hữu Thụy đem vài mươi binh đi thẳng vào trại Tiêm, binh Tiêm nhìn nhau sợ hãi, kinh ngạc, Chắt - tri, Sô-si mời vào đãi đằng rất hậu, rồi đem sự thực bày tỏ, rượu say rồi bẻ mũi tên cùng thề. Hữu Thụy nhân đó đem ba món bửu khí là cờ, đao, kiếm tặng rồi trở về. Vừa lúc bấy giờ, ở Tiêm-la, thành Cổ-lạc, có giặc nổi lên, Trịnh-quốc Anh sai Phi-nhã Oan-sản đi đánh. Người đầu đảng giặc ấy lại là em Oan-sản. Oan-sản bèn trở giáo hợp binh đánh thành Vọng-các, người trong thành mở cửa để vào, Trịnh-quốc Anh nghe tin, trốn vào chùa Phật, Oan-sản bắt giam, rồi sai đi mau báo cho Chắt-tri về nước. Chắt-tri được tin báo, cho rằng đã nghị hòa với Hữu Thụy rồi, không còn lo về sau, bèn liền đem đem binh về thành Vọng-các. Khi gần đến, ngầm sai người giết Trịnh-quốc Anh mà đổ tội cho Oan-sản, nêu rõ tội ác, buộc là làm loạn, xiềng giam ở một nhà riêng rồi giết đi. Chắt-tri bức dân chúng để tự lập làm vua Tiêm-la, hiệu là Phật-vương (tục Tiêm quý chuộng Phật, nên dùng tên Phật mà gọi) rồi phong em Sô-si làm vua thứ hai, cháu diệt là Ma-lạc làm vua thứ ba. Các nạn dân nước ta trước kia bị Trịnh-quốc Anh đầy đi nơi xa (3) đều được tha về Vọng-các, cấp cho bạc, gạo, nuôi dưỡng đầy đủ ; Hữu Thụy đem việc ấy báo lên, vua sai rút quân về.

Tháng 3, giặc Tây (son) Nguyễn-văn Nhạc, Nguyễn-văn Huệ vào cướp. Văn Nhạc nghe tin Đỗ-thanh Nhân bị giết, mừng, nói rằng : Thanh Nhân đã chết, các tướng khác không đủ sợ. » Bèn đem vài trăm chiến-thuyền, cử đại binh vào

(1) 1782

(2) Người Việt-nam tự cho rằng đối với người Chân-lạp, Lào, Tiêm-la, mình là người Hán (văn minh hơn), cũng như người Tàu đối với các dị tộc man di ở chung quanh.

(3) Xem lại việc này ở *Thực-lực* năm Canh Tý trong *Sử-dịa* số 1.

cướp. Binh giặc đến cửa biển Cần-giờ, vua sai Tổng-phúc Thiêm điều bát thủy-binh, bày trận ở sông Thất-Kỳ. Giặc nhân gió thuận xông thẳng tới, binh ta phải lui. Cai-cơ Mạn-hòe (1) một mình đi chiếc tàu tây, ra sức đánh, giầy lâu, giặc bốn mặt vây đánh, ném hỏa-khí đốt tàu, Mạn-hòe chết. (Mạn-hòe là người Phú-lang-sa, Bá-đa-lộc tiền cứ, cho là người dùng được, vua trao cho chức Khâm-sai Cai-cơ, coi đội Trung-khuông ; sau được tặng là Hiệu-nghĩa công-thần phụ-quốc Thượng-tướng-quân). Vua nghe tin báo, liền tự đốc suất binh-thuyền đi tiếp ứng, đến sông Tam-lý thì gặp giặc. Vua mặc nhung phục, đội nón chiến, đứng ở đầu thuyền, cầm cờ ra hiệu cho quân đánh gấp, giặc hướng về đầu thuyền mà bắn, gãy cột buồm, quân sĩ đều thất sắc, vua đứng ngay chính, không động, tay cầm súng điều-thương bắn lại thuyền giặc mà ra lệnh cho quân vừa đánh vừa lui, giặc cũng không dám đuổi theo. Bèn đem binh về Ngưu-chữ (2). Giặc tiếp đến. Quân ta tiếp đánh, không lợi.

Vua đi Tam-phụ. Phước-Thiêm sau bị đảng Đông-sơn vì cừu thù, giết chết. Từ đó, một vùng Sài-côn lại bị giặc chiếm cứ. (Vua ở trong quân, giỏi dùng súng điều-thương, mỗi khi đánh nhau với giặc, không khi nào bắn mà không trúng, ai cũng đều cho là có trời giúp; khoảng năm Minh-mạng, đặt tên súng ấy là « Võ-công lương-khí, và cùng áo nhung, nón chiến ấy, đem cất giữ).

Mùa hạ, tháng 4, Tiết-chế Bình-Thuận là Tôn-thất Dũ, đem Tả-chi Trần-xuân Trạch, thuộc-tướng là Trần-văn-Tự, thuộc-tướng đạo Hòa-nghĩa là Trần-công Chương vào cứu viện. Gặp tiền binh của giặc, đánh úp, chém được Hộ-giá giặc là Phạm-Ngạn ở cầu Tham-lương. Tham-tán Hồ-công Siêu bị giặc bắn chết. Nguyễn-văn Nhạc nghe tin Ngạn chết, như mất cánh tay mặt, cánh tay trái, cho rằng đạo quân Hòa-nghĩa đều là người Thanh, bèn sai bắt hết người Thanh ở Gia-định, hơn vạn người, không kể là binh, dân hay buôn bán, đều giết hết, quăng thây xuống đày sông, hơn một tháng sau, người ta còn không dám ăn cá, tôm và uống nước sông. Sự giết chóc thế thảm như thế đó ! (Công Siêu được truy tặng là Tham-khám).

Vua đến Lữ-phụ (thuộc tỉnh Định-tường) ; bầy tôi đi theo là bạn Nguyễn-Huỳnh Đức (Đức vốn họ Huỳnh, được vua cho họ là Nguyễn, nên xưng Nguyễn Huỳnh), Trần-xuân Trạch, Nguyễn-kim Phẩm, Dương-công Trùng, Thống-binh

(1) Tức Emmanuel

(2) Bến Nghé

(3) Tên đạo quân của Lý Tài. Lý Tài người Thanh, trước theo Tây-sơn, sau theo chúa Nguyễn rồi vào Gia-định, xích mích với Đỗ-thanh-Nhân, bị Đông-sơn giết (Thực-lục tiền biên).

Hạp và Kính (hai người đều không biết họ là gì, đều là người Thanh) thu tập quân lính còn lại được hơn 300 người. Vua sai đặt đồn để chống giặc. Gặp lúc binh của tướng giặc là Đê-đốc Nguyễn Học thỉnh lính đến, vua rút gươm đứng dậy, tự mình đốc suất binh thuyền nghênh chiến, quan quân hăng hái tiến tới, Kim Phẩm chém Học trong trận. Giặc thua to, chạy. Bắt được thuyền giặc hơn 30 chiếc. Quân ta thừa thắng đuổi đến dinh Trấn-định. Sai Nguyễn-Huỳnh Đức làm Tiên-phong, Tôn-thất Cốc (con Tôn-thất Đàm) làm Trung-quân, Trần-xuân Trạch và Nguyễn-kim Phẩm hộ giá, đến đóng ở sông Tứ-kỳ (thuộc tỉnh Gia-định. Nguyễn-văn Huệ đem quân mạnh ập đến, dàn trận quay lưng ra sông mà đánh dữ-dội, quân ta thất lợi, lui giữ sông Lật. Lưu-thủ Thăng, Tiên-phong Túy (đều không biết họ) từ dinh Vĩnh-trấn, đem chiến-thuyền đến cứu viện, rước xa-giá qua Hậu-giang.

Sai Nguyễn-hữu Thụy, Trần-xuân Trạch, cùng Cai-cơ Cao-phước Trí mượn đường Chân-lạp sang Tiềm cầu viện, Chân-lạp ngầm a-phụ giặc Tây (son), bèn giết bọn Hữu-Thụy (Hữu-Thụy, Xuân-Thạch đều được truy tặng là Chương-dinh Quận-công, Phước Trí là Chương-cơ).

Vua đến Giá-kê (1) (thuộc huyện Kiên-giang), Chân-lạp hợp binh-thuyền, hơn 30 chiếc, đuổi đến Sơn-chiết, Tiên-phong Túy chặn đón đường sau, đánh khiến phải lui.

Vua đến Hà-tiên, đi chiếc thuyền nhỏ qua biển, đêm tối không thấy rõ, ở dưới thuyền hình như có vật gì đội thuyền lên, mờ sáng hôm sau xem ra thì đó là một đàn rắn, các bề tôi đi theo đều sợ, vua giục đi, trong giây lát, đàn rắn đi mất thuyền vua bèn đến đảo Phú-quốc.

Tháng 5, giặc Tây (son) Nguyễn-văn Nhạc, Nguyễn-văn Huệ đem binh về Qui-nhon, để hàng tướng Đông-son là Đê-Nhàn Trập và Hộ-bộ giặc là Bá (không biết họ) lãnh 3000 quân ở lại giữ Gia-định, đóng đồn ở Nguu-chữ (2). Nhân Trập hung dữ, tàn ngược, nhiều người oán giận.

Tháng 6, Hồ-văn Lân thu tập binh còn lại, đánh Đê-đốc giặc là Nguyễn Loan ở Long-hồ, hơn được, rồi cùng Điều-khiển Dương-công Trùng, Cai-cơ Nguyễn-văn Quý hội binh tiến đánh giặc ở sông Lật-giang, bắt được chiến-thuyền hơn 10 chiếc.

Mùa thu, tháng 8. Trương Công-chúa Ngọc Toàn mất. Công-chúa là con gái thứ ba của Hưng-tổ, mùa xuân năm Kỷ-Hợi theo giá vào Gia-định, gả cho Chương-cơ Nguyễn-hữu Thụy. Khi giặc phạm Sài-côn, công-chúa cùng Hữu-Thụy đem binh hộ giá giữ đồn Bình-hóa (thuộc tỉnh Biên-hòa) để chống cự.

(1) Rạch giá

(2) Bến Nghé.

Bình-nhung giặc là Nguyễn-văn Kim đem binh đánh úp, Hữu-Thụy đánh không lợi, lui về Giang-lăng, thu binh để đánh nữa, cũng không hơn được. Kim bèn chiếm cứ đồn Bình-hóa. Hữu-Thụy sang Tiêm cầu viện. Công-chúa ẩn nấu ở Ba-phủ (Giang-lăng và Ba-phủ đều là tên đất, thuộc tỉnh Biên-hòa), Kim dò biết được, ép mời công-chúa về đồn, Đốc-chiến giặc là Nguyễn-Danh Tập lại bức đòi công-chúa về Sài-côn, khi thuyền đến sông Tam-đà, công-chúa vì tiết-nghĩa không chịu nhục, nghiêm sắc mặt mắng giặc, rồi gieo mình xuống sông, chết. (Năm Minh-mạng thứ 19, tặng phong là Minh-nghĩa Thái-trưởng Công-chúa). Quân ta lấy lại Gia-định. Từ khi thua ở Cần-giờ, xa-giá ra ngoài, Chu-văn Tiếp đem binh vào viện-trợ, cờ đề bốn chữ Lương sơn tá quốc, cùng Thiệu-phó Tôn-thất Mân (con thứ năm của Hưng-tổ) chia sai các tướng, Phạm-văn Sĩ làm Tiên-phong, Lê-văn Quân làm Tả-chi, Nguyễn-văn Thuận làm Hữu-chi, Nguyễn-văn Thảo làm Hậu-đạo, Nguyễn Long, Phan Viện làm Bảo-hộ, Tôn-thất Mân làm Trung-quân; Văn-Tiếp tự lãnh quân mạnh làm sách ứng. Hộ-bộ giặc là Bá nghe tin, báo Nhân-Tráp rằng Văn-Tiếp võ-nghệ không ai bằng, nay đem trọng binh đến, thế chưa thể chống cự nổi, vậy chi bằng tạm bỏ đất này, lui binh về Qui-nhơn, mùa Xuân sang năm sau sẽ cử binh đánh lại, cũng chưa muộn. Nhân-Tráp không nghe, đem hết binh ra nghinh chiến, Phạm-văn Sĩ tiến trước, giết giặc, binh các đạo kế tiếp đến, đánh binh giặc vỡ to, chết không biết bao nhiêu mà kể. Bọn Nhân-Tráp chạy về Qui-nhơn. Văn-Tiếp thu phục Sài-côn, sai người ra đảo Phú-quốc báo tin thắng trận, và tự đem binh đi rước giá. Vua được tin báo, mừng lắm, liền xuống lệnh hỏi loan. Đến sông Tứ-kỳ, Văn-Tiếp sụp lạy bên đường, khóc nói : « Không ngờ ngày nay lại được trông thấy Chúa-thượng, ấy là phúc của xã-tắc. » Vua ủy lạo hồi lâu, rồi xa-giá về Sài-côn.

Lấy Chu-văn Tiếp làm Ngoại-tả Chương-dinh, Tôn-thất Dũ làm Ngoại-hữu Chương-dinh, Tôn-thất Hy (con của Chương-cơ Quận-công Tôn-Thất Dục) cùng Ngũ-trưởng Đặng-đỉnh Vân, Tri-huyện Nguyễn-Đồ, Huyện-giáo Nguyễn-bảo Trí từ Phú-xuân đến yết; vua trao cho Hy chức Trung-dinh Giám-quân, Đình-Vân chức Binh-bộ, Bảo-Trí chức Tham-mưu, Đồ chức Thị-giảng.

Sai Cai-cơ Trung-thủy là Võ-di Ngụy, Cai-cơ Tiền-thủy là Trương-phúc Dĩnh về chiêu tập-những thủy-binh trong ngạch cũ, tu tạo chiến thuyền.

Sai Cai-cơ Lê-phúc Điển, Tham-mưu Lê-phúc Bình sang Tiêm. Vua thấy giặc Tây (sơn) liền năm vào xâm lược, lo lắm, dụ các tướng rằng : « Giặc tuy nay thua, nhưng mùa Xuân sang năm, ắt sẽ vào cướp, ta binh yếu, tướng ít, lấy gì

mà chống chế ? Vậy kẻ sách ngày nay không chỉ bằng giao hảo để liên kết với Tiêm, để nhờ viện trợ khi hoãn cấp.» Bèn làm hoa vàng, hoa bạc, sai bọn Phúc Điện sang thông hiếu.

Tháng 9. Ở triều Lê, Trịnh Sâm chết, con nhỏ là Cán nối ngôi. Trước đó, Sâm mê đắm nàng hầu là Đặng-thị Huệ, phé con trưởng là Đống, lập con Đặng-thị là Cán làm thừa tự, trời dạn bề tôi là Hoàng-tổ Lý phụ chính. Chẳng bao lâu, lính Ưu-binh tức vậ (nhà Lê lấy binh người Thanh, Nghệ làm ưu binh), giết Tô-Lý, phé Trịnh-Cán, lập Trịnh-Đống. Từ đó, ưu binh cậy công, kiêu căng, ngang ngược, không còn kỷ-cương gì.

Mùa đông, tháng 11. Tham-quân của Trịnh là Nguyễn-hữu-Chính chạy vào với Tây-son. Chính người Đông-hải, Nghệ-an, là thuộc-tướng của Hoàng-tổ Lý. Tô-Lý bị quân Trịnh giết, Chính muốn mượn giặc Tây (son) để trừ kiêu-binh, bèn vượt biển vào theo Nhạc. Nhạc được Chính, miễn tài, cho làm Đô-đốc. Chính ngày đêm vì giặc trừ hoạch mưu kế, cuối cùng gây họa hoạn cho Bắc-hà.

Vua nghe tin giặc Tây (son) mưu vào cướp, sai lập, ở bờ phía nam sông lớn Gia-định, đồn Thảo-câu (1), giao cho Dương-công Trưng giữ, ở bờ phía bắc thì lập đồn Giác-ngư (2), giao cho Tôn-thất Mân giữ, bắc cầu tre ngang sông để tiện qua lại ; trong sông bày hơn trăm chiến-thuyền để làm thế ỷ-dốc, do Chu-văn-Tiếp, Tôn-thất Cốc, Võ-Di-Nguy, Lưu-thủ Thăng, Tiên-phong Túy quân lãnh ; đằng trước dựng một hình rồng bằng gỗ để phòng bị giặc ; sai Giám-quân Tô (không biết họ) coi bề hỏa-công, đợi khi giặc đến, theo giong nước chảy mà phóng hỏa đốt thuyền giặc.

(Hết quyển I)

(1) Vàm-cỏ.

(2) Cá-dốc.

TÂY THÁI HẬU

Nguyên-tác : VƯƠNG-THỨC

Bản dịch : MAI-CHUỞNG-ĐỨC

L.T.S. *Loại lịch-sử ký sự nếu không ích gì cho việc nghiên-cứu lại lợi cho sự phò-biến, Tây-thái-Hậu, nguyên tác của Vương-Thức, xuất-bản tại Thượng-Hải năm 1948, do Mai-chuởng-Đức dịch, chúng tôi đăng với lý-do trên, tuy vậy tác-phẩm của Vương-Thức căn-cứ trên những tài-liệu chân xác.*

(Tiếp theo kỳ trước)

Phàm tú-nữ tuyển nhập vào hàng phi-tân, theo lệ thường từ trung cấp (tân và quý nhân). Tuyển Hoàng-hậu, những thiếu-nữ chẳng may không trúng tuyển, có thể phong ngay bậc cao-đẳng phi-tân (6). Sự quan-hệ các chức-phẩm theo liệt biểu như sau :

Tuyển :

* Cung-nữ → đáp-ứng → thường-tại → quý-nhân → tân → phi → quý-phi → Hoàng-quí-phi → Hoàng-hậu.

Tuyển :

* Tú-nữ → quý-nhân → tân-phi → quý-phi → Hoàng-quí-phi → Hoàng-hậu.

Tuyển :

* Hoàng-hậu → phi → quý-phi → Hoàng-quí-phi → Hoàng-hậu.

PHỤ-CHÚ : (6) Tham-khảo « Đại Thanh hội điển », « Đại Thanh hội điển sự kiệt », « Quốc triều cung sử », « Tục quốc triều cung sử », « Thanh sửảo hậu phi truyện ».

Nếu sự thật Từ-Hy xuất-thân từ hàng cung-nữ, sách sử ắt không hủy-ky; nhân vì theo chế-độ trên, có thể cung-nữ trở thành tân-phi.

Trong bộ *Thanh sử cảo hậu phi truyện* có nói một vị hoàng-phi của Hoàng-đế Đạo-Quang, từ bậc cung-nữ thăng-lên. Luận về Từ-Hy, từ hàng tú-nữ nhập cung thăng bậc quý-nhân (7). Chúng tôi chỉ xin tạm căn-cứ vào sách *quan thư*.

Chi tiết thuở ban sơ Từ-Hy nhập cung, chúng tôi biết rất ít; chỉ có thể tưởng-tượng một cô-nữ-ông diễm-kiều tuổi vừa mười bảy, thuộc vào hàng tú-nữ tuyển vào chốn cung-cấm làm quý-nhân.

Thiên-tử đối với Từ-Hy không sủng-ái lắm, chỉ có cảm-tình; mà trải qua 3 năm, từ hàng quý-nhân phong bậc tân. Thuở bình sinh, Từ-hậu sở dĩ được Hoàng-đế đoái tưởng đặc-biệt, hồ như không phải chính vì nàng có nhan-sắc quyến rũ, hoặc thái-độ nhã-nhận hiền lành. Nguyên vì Hàm-Phong nối ngôi Hoàng-đế suốt 7 năm, ngày ngày sầu não phiến muộn vì không có con nối tự.

Bỗng tin lành loan đến, Từ-Hy hạ sanh một hài nhi ! Ngai rất đổi sung-sướng, bèn tự tay Hàm-Phong Hoàng-đế thảo thơ khánh chúc mở đầu:

Thứ ủy tại thiên lục niên vọng

庶慰在天六年望

Cánh hân suất sĩ vạn tu nhân

更欣率士万斯人

(Hầu an ủy sự mong mỗi đã 6 năm trời)

Tạo vui mừng cho kẻ đứng đầu vạn dân)

để bù đắp công-lao mà ngai hằng mong ước, vua phong Từ-Hy từ hàng tân đến phi và từ phi thăng bậc quý-phi.

PHỤ CHÚ : (7) « *Từ-Hy hoạch chiếu ký* » của nữ sĩ K. CARL trang 178 nói : Từ-Hy ở bậc Tú-Nữ tuyển thăng từ cấp thường-tại ; so-sánh không biết căn-cứ vào đâu ?

Hàm-Phong đăng ngôi vua được 10 năm, liên-quân Anh-Pháp từ Thiên-Tân đánh thẳng đến Bắc-Kinh. Hoàng-đế sợ hãi, liền giao phó việc đại-sự cho tướng quân Dịch-Hân Cung-thân-Vương ngự-đệ của ngài ; ở lại trấn thủ kinh-thành. Vua vội đưa Hoàng-hậu, Hoàng-tử và Từ-Hy (mẫu thân của hoàng-tử) chạy đến ẩn náu tại Nhiệt-Hà. Không rõ nguyên do chi (?), Hoàng-đế lâm bệnh tại Nhiệt-Hà và băng. Chốn dương trần chỉ còn một góa phụ và đứa con con gái lên 6, mẹ con đành trải qua thời-gian gặp bao điều lận-đận khổ-sở.

Và, trang sử xanh bắt đầu ghi chép cuộc đời hoạt-động chánh-trị của Từ-Hy Thái-hậu.

CHƯƠNG II

LẦN THỨ NHỨT BUÔNG RÈM NHIẾP CHÍNH

1. — *Giết ba gian thần.*

Lịch sử Trung-quốc tiếp nhận một tiểu hoàng-đế tuổi lên 6 kế vị, tức Đồng-Trị Hoàng đế. Ngài có hai bậc mẫu thân : đích-thê phụ-thân — Hoàng hậu Nữ-cô-Lộc và Mẹ ruột ngài, cơ-thiếp phụ-thân — Ý-quí-phi Diệp-Hách Ná-lạp-thị.

Hoàng-Hậu được tôn phong Hoàng-Thái-hậu ; Ná-lạp-thị cũng được phong hiệu Hoàng-thái-hậu. Triều-đình có hai vị Hoàng-thái-hậu. Nữ-cô-lộc-thị xưng Mẫu-hậu Hoàng-thái-hậu, tên hiệu Từ-An. Ná-lạp-thị xưng Thánh-mẫu Hoàng-thái-hậu, tên hiệu Từ-Hy ; được xưng hô Từ-An Thái-hậu và Từ-Hy Thái-Hậu.

Chúng tôi có sự liên-tưởng sau : Hoàng-đế còn ấu thơ, đương-nhiên lưỡng cung « buồng rèm nhiếp chính ». Nhưng chính Từ-Hy đã nắm địa-vị thay quyền Hoàng-đế, nên phải cam chịu bao điều cay đắng đắng đắng của Hoàng-gia.

Gia-pháp tổ-tông đời Thanh, rất nghiêm-minh đối với hành-động lấn quyền, con cháu đời sau cũng tôn-trọng noi theo nghi^l-pháp. Đời Thanh, những tấm gương thuở tiên triều : hoạn-quan ngoại-thích phải mang họa vì a-dua gây khuynh đảo ; nghiêm cấm thái-giám can việc chính sự. Chưa bao giờ chấp-nhận mẫu-hậu được ân-quyền việc triều đình. Thuở Hoàng-đế Thuận-Trị thứ I đời Thanh, còn bé thơ

6 tuổi, bậc thay ngài đằm-đương quốc-sự không phải Hoàng-thái-hậu mà do hai vị chú của ngài tức Nhiếp-chính-vương Đa nhĩ-Cổn và Phụ-chính-vương Tể-nhĩ-cáp-Lãng. Hoàng-đế thứ hai Khang-Hy, tức vị, chỉ có 8 tuổi đầu ; thay thế ngài lo việc nước không phải mẫu-thân mà do 4 vị thần dầy công-trạng với vua là Sách-Ni, Tô-Khắc-táp-Cáp, Át-tất-Long và Ngao-Bái.

Hàm-Phong lo ngại mẫu-hậu lâm triều sa vào cảnh « vết xe cũ » Lữ-thị đòi Hán, Vũ-thị đòi Đường, Lúc mệnh chung ngài không thảo di-chiếu « Lưỡng cung nhiếp chính ». Di chiếu chỉ ghi các quan phụ chính : Di-thân-vương Tái Viên, Trịnh-thân-vương Đao-Hoa, bào-đệ của Đao-Hoa tức Hiệp-biện đại-học-sĩ Túc-Thuận. Tái-viên, Đao-Hoa tuy dòng họ xa cách thân-vương, song địa-vị rất cao. Túc-Thuận tức trí đa mưu, một vị vua thứ hai thảo hoạch sách-lược. Ba vị đồng tâm hợp-tác, đều là thân-tín Hàm-Phong Hoàng-đế ; nghiêm nhiên trọng tâm chính cuộc.

Hoàng-đế Đồng-trị 6 tuổi kế vị, việc chính sự phải trong tay các nhân-vật kể trên. Song le, nếu cuộc diện theo thông lệ các triều đại trước, tất nhiên Từ-Hy Thái-hậu không liên-quan cận sử Trung-quốc. Và suốt năm tháng ẩn mình trong chốn thâm cung tiêu dao cùng tuế nguyệt ; cả đời tên tuổi vùi sâu trong chuỗi thời gian lặng-lẽ. Song, một thiếu phụ mưu trí hơn người há cam tâm để quyền lực bị chôn vùi ư ? Nếu để một kẻ khác lên nhiếp-chính, cầm quyền vận của tiểu Hoàng-đế, thì hoài bão Từ-Hy phải tiêu ma. Đường thời, các quan Tái-Viên, Đao-Hoa, Túc-Thuận xếp liệt Từ-An Từ-Hy ngoài vòng chánh trị triều-đình.

Nhưng, một vài vị tài năng khuynh-bạt Cung-thân-vương Dịch-Hân, ngự-đệ Hoàng-đế Hàm-Phong, không thể yên lặng để các quan trên nghiêm-nhiên cầm quyền bính. Cơ hội đến, Từ-Hy và Cung-thân-vương mưu kế tìm biện-pháp đối phó giải quyết ba gian phi. Song, Từ-Hy và ba kẻ gian phi đã tranh hùng ở chốn Nhiệt-Hà (Thừa-Đức). Bấy giờ Cung-thân-vương đang chống giữ Bắc-Kinh, hai miền xa cách vài trăm dặm khó có thể họp mặt bàn kế sự.

Cung-vương vội-vàng về Nhiệt-Hà chịu tang Hoàng-huynh; Từ-Hy và ngài tuổi niên-thiếu độ 20 ngoài. Các lão quan Túc-Thuận quý-quyết đang theo dõi mọi hành-động. Cung-thân-vương cố tỏ thái-độ khiêm-nhượng, làm giảm bớt lòng nghi kỵ

của kẻ thù. Lúc ngài vào cung yết-kiến Từ-Hy Thái-hậu, thì mời Đoan-Hoa cùng đi. Đoan-Hoa liếc mắt thấy Túc-Thuận, Túc-Thuận mỉm cười nói :

— Ngài Lục ơ ! (Cung-vương là Hoàng-tử thứ sáu) hãy cùng đi với lưỡng cung cũng được, sao mời chúng tôi theo chi vậy ?

Cung-thân-vương quày gót đi vào gặp nhị vị thái-hậu ; lưỡng cung khóc nức-nở bày tỏ nỗi hiệp bách của 3 gian thần và bí mật định mưu : .

— Trong ba tên gian, Túc-Thuận hiểm-độc ác hại nhất, hộ tống linh cữu Hoàng-Đế, theo lộ chính hồi kinh. Chỉ lệnh Tái-viên, Đoan-Hoa bảo hộ tiểu Hoàng-đế ; cùng nhị vị hoàng Thái-hậu mau chóng theo lộ tắt về kinh trước. Cung-thân-vương một mình trở về kinh trước kỳ hạn, thi-hành nghiêm mật.

Tất cả đều theo mưu đã dự liệu mà hành động, Từ-Hy vừa đến Bắc-kinh hạ chiếu « buông rèm nhiếp chính » ; triều kiến vài vị vương công, đại thần quan trọng. Tiểu Hoàng-đế an tọa hướng nam, hơi lệch về hướng đông ; Từ-Hy ngậm-ngùi bảo cùng đại-thần :

— Ba tên gian thần đều bức hiếp, không theo chính pháp triều-đình !

Tiểu Hoàng-đế nghe xong lòng xúc động, ngẩng đầu thưa Từ-Hy :

— Mẫu hậu ! Kẻ nô hạ phụ ơn như thế, con trăm thủ chúng ; xin đừng thương tiếc.

Ngày hôm sau Tái-viên, Đoan-Hoa điệu-bộ ngạo-nghe tiến vào cung. Họ thấy Cung-thân-vương cũng đi đến, vội mời dừng lại :

— Ngài chưa nhận lệnh ngoại đình-thần, sao có thể tự ý nhập cung ?

Cung-thân-vương đáp có thánh-chỉ ; Tái-Viên, Đoan-Hoa không đồng ý. Ngài tỏ vẻ khiêm-nhượng lui ra ngoài cung ; chấp sau xuất trình Thánh chỉ ban lệnh Cung-vương tức khắc dùng biện-pháp cách chức bọn Tái-Viên, Đoan-Hoa, Túc-Thuận. Bọn chúng quát mắng ầm lên :

— Ai giám bắt ta ! thị-vệ vũ-lâm quân của Hoàng-đế, đừng láo-nháo.

Đương lúc Túc-Thuận hộ tống linh-cữu Hoàng-đế, Cung-vương sai người bắt hấn tại miền Mật-Vân.

Cuối cùng Tái-Viên, Đoan-Hoa tự sát, Túc-Thuận bị trăm thủ. Túc-Thuận hay hung tin, chậm đến kinh độ vài ngày ; nhưng đầu mình vẫn đôi ngã.

PHỤ-CHỮ : (8) Quan hệ đoạn có sử trên, trình bày rất tường tận, so sánh có thể căn cứ « *Hàm phong lý niên tam gian phục tru bản* » Đường thời truyền thuyết rằng : Cảm tình giữa Từ-Hy và Túc-Thuận không hòa nhã. Buổi sớm mai liên-quân Anh-Pháp tiến đánh kinh, Hàm-Phong chạy về hướng bắc chốn Nhiệt-Hà. Sở dĩ Từ-Hy giết tam gian thần, vì tức giận Túc-Thuận lắm, tăng hình phạt nghiêm-trọng.

Truyền thuyết rằng : Hàm-Phong mặt thể, Túc-Thuận chẳng bao lâu bỗng được thăng bậc thượng-thư, vào giúp cơ quan trọng yếu trung ương. Vua mến phục được vào nhiệm-chức nội đình ; các phi tần đều dè dặt nguồn tin.

Tháng 7 năm Canh-Thân, binh Anh-Pháp tàn phá Định-viên, Viên-Minh-viên ; Văn-Tông vội vã bốn đào, dùng một chiếc xe trong cung dong chạy. Hậu phi, tần cản lại ; tất cả đều lên xe cùng đi. Xe đã cũ chở nhiều, hành trình gập-gáp, eam chịu bao sự khổ-nhọc. Qua tháng sau đi vào núi, đường lồi-lõm lên xuống, càng gây bao phiền toái, không sao có thể nhẫn-nại được. Hiếu-Khâm khóc ròng trên xe, bỗng thấy con la, ngựa Túc-Thuận, bèn dựa mép xe phất tấm vải kêu : Lục gia, xe ta rất tệ, nên vì ta đổi một chiếc khác bền tốt hơn. »

Thuận đáp rằng : « Trên đường không thể sang xe được, đợi đến trạm bàn lại mới có thể được ».

Trong chốc lát đến thị trấn kia thì bật tin Hiếu-Khâm kêu gọi Túc-Thuận đến trình tự sự cùng Văn-Tông (Hàm-Phong). Nội-giám đợi lúc cáo lui, bèn hỏi nguyên-cớ, Thuận không quay lại và đáp : « Đang lúc nào đây ? Ta còn dành thì giờ giữ chốn quan-âi chớ.

Hậu-phi đều lục-tục lên xe cả, tiếp tục cuộc bốn đào. Vừa lúc đó Thuận cỡi ngựa vượt qua bên cạnh, Hiếu-Khâm lại tha-thiết cầu xin. Thuận nghiêm sắc mặt mà rằng : « Trong sự nguy nan lại sánh với lúc bình thời à ? Vả lại tại miền này tìm xe mới nơi đâu ? Được xe cũ mà đi cũng là may-mắn lắm rồi ; sao chẳng xem những kẻ đồng hành cùng ngồi trên xe cùng. Cùng gánh chịu vất-vả, có sao cứ nghĩ đến chiếc xe trong cung ngà ngọc ?

Hiếu-Khâm còn muốn tiếp lời, song Túc-Thuận đã thúc ngựa vượt qua vài mươi bước. Hiếu-Khâm tuy chẳng dám thốt lời, nguyên cớ trên gây sự căm hờn Túc-Thuận.

Xem « *Kim Triệu Phong Thanh Sử Đại Cương* » trang 425 - 426.

2.— Ban hành tân chính sách.

Nguyên-niên Đồng-Trị, kéo dài 12 năm là thời kỳ thứ nhất Từ-Hy « buông rèm nhiếp chính », đương thời Thái-hậu khoảng 28 đến 39 tuổi. Từ-An trên nguyên-tắc, địa-vị ngang hàng Từ-Hy. Song, thiên bẩm đoan hậu hiền hòa, đối với vấn-đề chính-trị, Từ-An không thích tham-dự, thực ra cũng không có tài năng.

Mọi sự đều do Từ-Hy chủ-trương, ngoại-trừ những trường hợp khẩn-cấp nhất, mới họp mặt triều kiến Từ-An. Chốn cung đình không một nhân vật nào có thể đương đầu với Từ-Hy. Bọn Thái-giám đều rạp đầu tuân thượng lệnh. Song le, lần thứ nhứt cầm quyền binh, việc đại chính quân quốc ngoài triều-ca, nhứt thiết đều do Cung-thân-vương Dịch-Hân trông nom điều-khiển. Một vị thân-vương mà tài thao-lược và khí-độ, xứng đáng liệt vào hàng đệ-nhất chánh-trị gia trong cận sử Trung-quốc. Ngài là ngự-đệ của Hoàng-đế Hàm-Phong (Hàm-Phong vị Hoàng-tử thứ tư, Cung-Thân-vương (thứ sáu). Chúng tôi được biết đời Thanh từ Khang-Hy về sau đều không có chế-độ Hoàng-thái-tử. Con đích trưởng chẳng nhứt định có thể phong ngôi vị Hoàng-đế ; trong tất cả huynh đệ chỉ có thể nhiệm-chức Thân vương, Quận-vương. Tất cả đều do mệnh-lệnh của Hoàng-đế quyết-định tuyển chọn.

Căn-cứ vào thời Hoàng-đế Đạo-Quang tại vị, ngài nhận xét Hoàng-tử thứ sáu thông-minh hơn người thứ tư. Vua định lập trẻ thông-minh kế thừa Hoàng-vị. Một ngày kia, các Hoàng-tử cùng đi săn, người thứ sáu mang về đầy thú rừng ; người kia không một vật mọn. Thầy dạy học Hoàng-tử thứ tư biết rằng môn-đệ mình thua kém em, bèn lập kế dạy rằng :

— Hoàng-tử không dùng xạ thuật giết thú rừng, khi trở về tâu trình Hoàng-Thượng rằng : « trời xuân man mác, vạn-vật sinh sôi nảy nở ; sát hại cầm thú, gây náo động cả hòa khí trời đất. nên con không mở lòng xuống tay».

Hoàng-đế Đạo-Quang nghe xong rất mãn ý, và truyền lập Hoàng-tử thứ tư kế vị, tức Hàm-Phong Hoàng-đế ; Hoàng-tử thứ sáu phong hặc Công-Thân-Vương. Theo truyền thuyết ghi lại, chúng tôi không tin hoàn-toàn !

Nhưng dù tài năng Cung-Vương hơn cả Hoàng-huynh ; nếu đăng vị

Hoàng-đế đời Thanh cũng không thể cứu vớt sự suy vong của Mãn-Châu ; để tránh khỏi cảnh áp bức đế quốc chủ nghĩa. Còn sự nghiệp trung hưng thời Đồng-Quang có thể cải biến ; đó chỉ là luận chuyện về sau.

Hiện tại chúng tôi tiếp tục bàn về đời ngài. Thời đại Đồng-Trị, Hoàng-đế tuổi niên thiếu không dự chuyện quốc sự : lưỡng mẫu và người chú (Cung-Vương) cùng nhau hợp tác đảm nhận. Cung-Thân-Vương cũng ra tay đảm nhận một ít sự-nghiệp, trên thực-tế đường lối chính-trị ngài không hăng-hái. Văn thân, nhiên trước bảo nguy cơ vây tứ phía. Không nhứt ý chuyển Trung-quốc thành một nước trung hưng tự cường.

Thời gian Lương-cung, Thân-Vương cầm quyền ; cảnh loạn-lạc quê-hương vẫn dây-dura dấy động. Thái-Bình Thiên-quốc gây rối phương nam ; Niệm (Niệp) loạn quấy động phương bắc. Hồi loạn gây phiền não hai góc tây bắc, tây nam. Song, thời-đại Hàm-Phong, triều-đình thường bài-trừ sự hủ bại Bát-kỳ ; hết sức trọng dụng binh đội người Hán Nhưng, kẻ quyền quý trong triều Mãn-Châu rất e sợ địa-vị mình bị sụp đổ ; hết lời khuyên răn Hàm-Phong. Tể tướng phụ chính dân tộc Hán cũng khuyến-cáo triều-đình rằng :

— Các thư sinh như phái Tăng-quốc-Phiên tay không một tấc sắt đứng lên hô hào muôn người hưởng ứng. Gây náo động sự an lạc, sao không ngại họ dùng dao, mác quấy loạn chốn triều đình ? Nhưng sự rối-ren càng bành trướng, không dùng người Hán thì chẳng có thể dẹp yên mầm rối-rắm. Huống hồ giờ đây các sĩ nhân người Mãn như : Văn-Khánh, Túc-Thuận, Cung-Thân-Vương đều khuyên vua nên liệu định mà trọng dụng dân Hán.

Hiện tại, Cung-Thân-Vương, Từ-Hy nắm giữ quyền hành quyết theo đuổi chính sách dùng người Hán. Quả nhiên trải qua nhiều năm thuyết-phục Tăng-quốc-Phiên, dẹp yên loạn Thái bình thiên quốc. Vài năm sau Lý-Hồng-Chương đánh phá giặc Niệm-loạn, bình định Hồi-loạn đều trông cậy tài cán Tả-Tông-Đường và Sầm-Dục-Anh người Hán, những đại-thần có công-lao to-tát bình loạn hưng quốc. Một minh chứng đã phá quan-niệm chủng tộc, không còn phân biệt giới hạn Mãn-Hán Thâu dụng chính sách trọng đãi Hán thần để bình nội loạn, đó là kết-quả tốt đẹp của Từ-Hy «buông rèm nhiếp chính lần thứ nhất».

Đương thời, triều-đình mang đại sỉ nhục trước sự tấn công hạ thành của liên quân Anh-Pháp. Và, phải ký điều-ước Thiên-Tân, Bắc-Kinh. Hàm-Phong hoàng-đế cùng Từ-An, Từ-Hy bôn đào. Cung-Thân-Vương trấn-giữ Bắc-Kinh, xả thân chống lại mọi tấn-công tứ phía.

Phía tây giao, một trăm năm gần đây dần-dần được trang-trí nhuộm hương sắc bao vẻ xinh tươi huyền-diệu mỹ-miêu, biến thành biệt thự Viên-minh-viên rất vĩ-đại của đế gia, giờ đây tất cả đều tàn rụi dưới gót giày phùng ngoại xâm. Thành quách rào nhơn bao quanh vườn, đều bị chặt tan ; dáng vẻ tráng-lệ giờ đây xơ-xác tiêu-diêu. Gia-tộc Hoàng-đế chứng kiến cảnh tàn phá hoang dại, bao lòng dằng-dặc chặt chứa niềm cay đắng, quyết tận lực tìm mọi biện-pháp để trở thành tự cường, bên trong an bang nội-loạn, ngoài chặn lũ man di ngoại xâm. Triều thần nhìn tận mắt binh khí Tây-phương tối tân. Đình thần quyết nuôi chủ-trương dùng quân khí Tây-phương, quốc-gia mới có thể tự cường. Để kháng cự mọi phiến nhiễu bên ngoài, « dùng mâu đâm thuẫn » mới mong đoạt được kết quả hữu hiệu.

Trong vòng 10 năm, triều-đình chủ-trương Âu hóa nhiều điều. Gầy dựng công xưởng hạm Hoa-Châu, chế-tạo quân hạm hải-quân và huấn-luyện nhân tài ngành này, không ngừng mua tàu bè súng ống Âu Tây, khước sung hải-quân, chỉnh đốn lục quân. Triều đình lục-tục phái học sinh du học để bổ cứu về mọi phương diện, theo kịp đà tiến-triển phương Tây.

Thiết lập Bắc-Kinh đồng văn quán, Quảng-phương-ngôn quán, Thượng-Hải và Quảng-Châu, Thượng-Hải chiêu-thương cuộc, Thượng-Hải Giang-Nam chế-tạo cuộc, Thiên-Tân cơ-khí chế-tạo cuộc. Tạo-tác những công-trình kể trên rất khó-khăn, tốn kém nhiều. Thành lập trung-tâm nghiên-cứu sách lược ; Bộ quốc-phòng quân-sự cận-đại.

Đương thời, Trung-quốc và Nhật-bản cùng chung vận-mệnh cùng nguy khốn. Nhật-bản bị Tây-Dương áp bách gây chấn động tân trào lưu Minh-Trị duy tân. Còn Trung-quốc mang họa nha-phiến chiến-tranh, liên quân Anh-Pháp gây khốn-dốn.

Trên thực tế ban hành tân chính tại Nhật-Bản, chọn¹ nhân-vật xuất chúng phái Y-Đằng-Bác-Văn. Nhưng vì ngự trị trên cao đỉnh, nên mọi việc Minh-Trị

Hoàng-Đế nắm giữ. Trung-quốc cũng đưa ra phái Cung-Thân-Vương và Lý-Hồng-Chương, mà thực quyền do Từ-Hy Thái-hậu điều khiển ; giữa địa-vị Từ-Hy, Minh-Trị Hoàng-đế chẳng khác nhau.

Song le, tiếc thay, sau 10 năm nhiếp chính cải biến không ngừng. Qua lần thứ nhì « buông rèm », Từ-Hy không còn là một nhân-vật quý báu cho Tân chính-sách. Trái lại trở thành cột trụ thạch gầy chường ngại.

3.— *Cải chết của Vua và Hoàng-hậu Đồng-Trị.*

Hoàng-đế Đồng-Trị thập nhị niên đúng 18 tuổi, được chấp thuận cử hành hôn lễ. Tuổi thành nhân chính thân đảm đương quốc sự ; lương cung thoái-vị, tuyên-cáo kết thúc thời kỳ « buông rèm nhiếp chính ».

Tháng giêng năm thứ 12, Thái-hậu Từ-Hy, Từ-An hạ dụ chỉ giao quyền binh : « Hoàng-đế cung kính nối tiếp công-nghiệp vĩ đại. Đến nay trải qua 12 năm, vào buổi xuân thu phấn thịnh, học thuật tinh thông.

Ngày 26 tháng này, tự thân đảm-nhiệm đại chính. Ngoài nỗi vui buồn mang nặng bao điều e ngại.. thời sự gay-go, Hoàng-đế ngày nay lo liệu trăm bề.

Kính niệm Trời, Tổ-tông giao-phó cho một người, phù hộ thế lực vững bền., không thể suy giảm mau chóng. Thuở nhàn hạ việc triều chính vẫn thảo luận kinh sử. Tìm hiểu bao điều thâm sâu cổ kim để trị loạn ; bầy cần thận siêng năng, tinh-thần thêm phấn khởi thảo kế hoạch. Bản tâm buông rèm chính-trị song-song điều đạo-đức. Sớm hôm mọi sự đang trông vọng, không thể bỏ phế. Chốn triều đình hây hợp tác chặt-chẽ với các bậc đại-thần ; chớ gây ty hiềm oán hận. Buổi triều kiến hôm nay tỏ bày bao lời khẩn-thiết ; chiếu chỉ nhiệm-vụ ngập bao vụn khó-khăn. Với sự góp ý về trị quyền bấy nhiêu trên, chắc đã được đôi phần thỏa mãn. »

Tuyên bố bản văn này, khi trao vũ miện. Qua bao lời-lẽ răn dạy thấm thiết, Hoàng-đế vẫn thản nhiên, tỉnh tỉnh có phần ương ngạnh. Ngài tuy con đẻ của Từ-Hy, song không có tình cảm thương mến rạt rào. Đối với đích mẫu Từ-An Thái-hậu, thì thân-thiết đậm đà hơn.

Thuở long trọng cử hành lễ tuyển chọn Hoàng Hậu ; Từ-Hy chọn một tiểu-thư con của quan Thị-lang (tương đương chức Thứ trưởng của Bộ) tên

Phượng-Tú. Từ-An chọn nữ nhi Sùng-Ý. Phượng-nữ tuy sắc-sảo diễm lệ, nhưng cử chỉ kém đứng đắn. Sùng-nữ tuổi trọng hơn, dung mạo dễ xem, ung-dung đoan chính thoảng trông con người đức lượng.

Đông-Trị Hoàng-đế đam mê tiểu thư đáng mạo ung-dung thù-mị do Từ-An chỉ định, bèn cử làm Hoàng-Hậu. Chiều theo thông lệ, không đặc tuyển bậc Hoàng-Hậu thì phong chức Phi (Phượng-Tú-nữ phong bậc Tuệ-Phi) ; Từ-Hy Thái-hậu không thỏa lòng. Sau cuộc cử hành lễ cưới, tình-cảm giữa Hoàng-đế và Hoàng-Hậu rất tương hòa nghĩa thảo ; đối với Tuệ-Phi thì lạnh nhạt. Từ-Hy xét cảnh tình như thế, khuyên dạy Hoàng-đế hãy sửa tính, bảo rằng :

— Việc đại chính bao mối lo âu, sao có thể ngày ngày đam mê chốn phòng the ?

Rãn giải bao lời rồi thôi, quay nhìn lại khắp lục cung đều rõ chuyện Hoàng-đế rất mực căm giận, phòng Hoàng-Hậu bên kia không đến ngự, phòng Tuệ-phi bên này cũng không lai vãng. Riêng rẽ một bóng hình, an nghỉ trong cung Càn thanh. Lòng dạ cảm thấy xót xa thiếu thốn... Hoàng-đế bèn cùng một hai tên thái giám thân tín, hoặc thông giao với quan Hàn lâm Vương-Khánh-Kỳ tại Nam thư phòng, trong giấy lát rồi lại đi ra !

Căn cứ thuyết trên, ngài cũng không dám đến quán ả đào vì e rằng các quan đại thần dòm ngó theo dõi !

Ngài cùng các vị thân cận, thường ở lại cư thất riêng của ả đào hoặc nhà kẻ thứ dân đến quá đêm ! Qua ngày sau say túy lúy rồi ngài loạng choạng quay về ! Chốn thư phòng, ngài không học hỏi khảo cứu, thường cùng Vương-Khánh-Kỳ chúi đầu mãi mê tìm thú dâm loạn chốn xuân cung ! Sau này, mang bệnh dương-mai, bị vi-trùng xâm nhập hủy-hoại, xông mùi thúi ghê tởm ! Trải qua chưa đầy một năm, Hoàng-đế băng !

Từ-Hy chẳng những bức hiếp Vua mệnh chung, lại đang tay hại cả Hoàng-hậu ! Hoàng-hậu thường ôn-hòa nhã-nhận, không hay nói nhiều. Nhìn thấy Hoàng-đế hủy mình, Từ-Hy nhục mạ đồ hồ my, khiến Hoàng hậu tỏ ý bất đồng. Cảm tình giữa mẹ chồng nàng dâu sút mẻ trầm-trọng ! Người xung

quanh khuyên lơn nên tìm phương chuộc tội để Từ-Hy được vui lòng ; Hoàng-hậu đáp :

— Con dâu đối với cha mẹ chồng chỉ có thể kính, không thể thân-cận ! Ta vâng mệnh thiên-địa tổ tông, dự tuyển Hoàng-hậu nhập cung Đại-thanh môn, thân phận chẳng có thể bị hủy hoại trăm chiều !

Từ-Hy nghe xong, răng nghiến ghê rợn :

— Y là phường tú-nữ nhập cung ; hãy nói một câu phân minh. Ta sẽ phóng thích ngay !

Lúc vua Đồng-Trị đang bệnh hoạn nặng, Từ-Hy mang phải tội không chăm sóc cẩn-thận ! Đến khi ngài lâm chung, Hoàng-hậu hầu bên cạnh Vua lau chùi máu mủ, thường hỏi ngài về sau ai kế thừa để vị (Đồng-Trị không con). Từ-Hy bỗng xuất hiện, nét mặt sa-sầm phán rằng :

— Người giở đây đem nhan sắc kiêu diễm để quyến rũ phải không ? Phải chăng đến khi trượng-phu mệnh chung mới vừa lòng ư ? Và thẳng tay vả vào gò má Hoàng-hậu, những đường gân máu sưng lên ! Hoàng-hậu lui dần đến giường Hoàng-đế, ngài cầu khẩn xin thứ lỗi, Từ-Hy thái-hậu mới ngưng tay !

Sau khi Hoàng-đế thăng-hà, Hoàng-hậu ngày đêm khóc than bi thảm, đôi mắt sưng húp. Từ-Hy báo tự sự cùng phụ-thân Sùng-Ỗ (Hoàng-hậu) :

— Hoàng-hậu đau khổ ray-rức như thế, cho đến lúc cùng chết theo tiên-đế mới thôi !

Tức thời, Hoàng-hậu tự tận !

· Hoàng-đế Đồng-Trị mới băng hà vài tháng, Quang-Tự tức vị ngôi Vua (9)

(9) Đồng-Trị thăng-hà theo *quan thư* ghi rằng bị bệnh. Hoàng-hậu mệnh vong, không phải do vết tích Thái-hậu bức-hiếp. Đoạn sử căn-cứ « *Dã-sử bút ký* », đại-khái đương thời kể sử, đại-phu thấy thấy đều có truyền thuyết này. Tuy chi tiết khác nhau, nhưng tổng quát giống nhau ; tất nhiên có chứng cứ, nên được trích lục xem « *Thanh triều dã sử đại quan* » quyển I. theo « *Huy-dục Đĩnh Sùng-lãng truyện tín lục* » đề cập đến hành-động Từ-Hy khinh-khi áp bức Hoàng-hậu Gia-Thuận (Đồng-Trị Hoàng-hậu). Lời quan thần Dục-Đĩnh về mọi sự chốn cung đình rất tường tận; truyền thuyết có thể căn-cứ. Xin trích lục để cùng tham khảo chứng định : Hoàng hậu con gái của Thị-Lang

CHƯƠNG III

LẦN THỨ NHÌ BUÔNG RẪM NHIẾP CHÁNH

1.— *Từ-Hy đưong đầu lương chính địch :*

Lịch-sử tiếp ghi vị tân Hoàng-đế tuổi vừa lên bốn — Quang-Tự. Ngài là đường đệ đích thân Vua Đồng-Trị, ngoại sinh đích thân Từ-Hy.

Sự quan-hệ tông tộc phức tạp, chúng tôi kê biểu phân minh như sau :

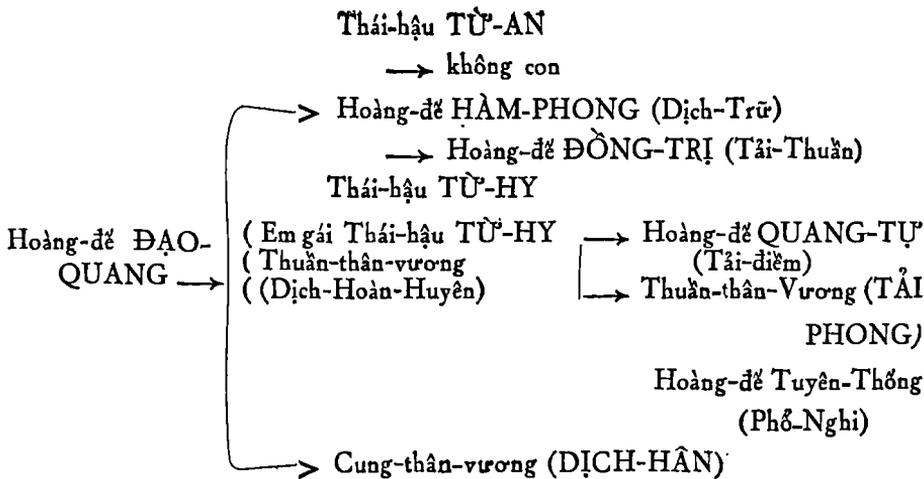
Sùng-Ỡ ; đưoc Hoàng-đế mến chuộng, nhưng không vừa lòng Thái-hậu, Từ-Hy đối-đãi khắc nghiệt.

Ngày 4 tháng 12, Đồng-Trị thập tam niên ; không rõ duyên cớ chi lại sinh sự khiên trách ! Hoàng-hậu hỏi thăm bệnh tình Vua tại cung Càn-Thanh, khóc than khổ sở. Lúc Hoàng-đế ngọa trong cung các ẩm-áp phòng the kín đáo, cỏ rom phủ quanh phòng, gian-phòng ngăn cách bức tường. Từ-Hy dò xét Hoàng-hậu đang thổ-thê tâm-sự cùng Vua. Cùng giám-định đến thừa trình Thái-hậu phát tay bảo im lặng, và nhẹ-nhàng mang vờ đến đứng nép bên màn nghe ngóng. Hoàng-hậu bày tỏ nỗi tình oan-khúc, Vua an ủi bảo :

— Khanh hãy nhẫn nại, sẽ có ngày thoát khỏi !

Từ-Hy bưng-bưng nộ khí, vén màn bước vào, quấn tóc Hoàng-hậu kéo lỏi ra ngoài, hành hạ đánh đập, truyền-lệnh nội-đình dùng đại-trượng trị tội ».

Hoàng-đế hoảng hốt run sợ, bước chuệnh-choạng ngã gục xuống đất, trời đất vùn vù lay động ; bệnh dương liễu như tan biến. Từ-Hy nghe Hoàng-đế lâm bệnh trầm-trọng, mới buông tha Hoàng-hậu. Vu khống rằng trong phòng bệnh không dè-dặt lời lẽ, đến nỗi gây Long thê bổng phát nguy ! Đức-Tông (Quang-Tự) kế thừa đế vị. Hoàng-hậu chứa chất bao-điều phiền muộn, chẳng muốn sống, qua năm sau, ngày 20 tháng 2 quyết nuốt vàng (kim loại) tử tệt.



Đồng-Trị Hoàng-đế sau khi thăng-hà; Từ-Hy tuyển chọn một diệt nhi (cháu trai) kế thừa :

Các bậc thuộc hàng Đồng-Trị tự « Tải », các bậc hàng diệt-tử tự « Phổ ». Hoặc nói cách khác, lẽ ra Từ-Hy chọn một vị thuộc hàng tự « Phổ » kế vị Hoàng-đế. Nhưng, nếu Từ-Hy tuyển-định một đứa trẻ lên bốn thuộc hàng tự « Tải ».

Phân xét có 3 lý do sau đây :

1.— Nếu tuyển chọn những vị thuộc tự « Phổ », Hoàng-hậu Đồng-Trị có thể tôn bậc Thái-hậu; Từ-Hy phong bậc Thái-hoàng Thái-hậu. Như vậy địa-vị Từ-thái-hậu quá cao, chỉ có thể dưỡng nuôi tôn phụng; còn cầm đại quyền chốn triều-đình, trái lại Hoàng-hậu Đồng-Trị sẽ đoạt quyền.

Hiện tại, Quang-Tự kế vị Hoàng-đế : Hoàng-hậu Đồng-Trị là chị dâu của ngài, khác nào nhiệm bậc Hoàng-hậu ! Từ-Hy đương nhiên vẫn tìm chức Thái-hậu !

2.— Mấu thân Quang-Tự tức em của Từ-Hy, Quang-Tự là diệt nhi ngoại thích; Họ gần thân thuộc hoàng tộc, không có huyết thống người thứ hai thân mật cùng ngài !

3.— Quang-Tự đương thời tuổi vừa lên bốn. Nếu tuổi Hoàng-đế cao, thì uy hiếp chính quyền Thái-hậu ! Giả tưởng, Đồng-Trị không thăng hà, thế lực Từ thái-hậu há không nguy hiểm ư ? Tình cảnh giữa mẹ con còn đối đãi

như thế, hưởng hồ kê khác! Trong hàng tự « Phổ », có nhiều người niên trưởng, Từ-Hy sau có thể truyển để vị cho họ được ».

Thuở Quang-Tự sơ lập, Từ-An, Từ-Hy mở màng cuộc diện « buồng rèm nhiếp chính » lần thứ nhì. Tài năng phách lược Cung-thân-vương tuy gieo trong lòng Từ-Hy ấn tượng úy sợ. Song, ngài vẫn giữ địa-vị thủ lãnh chính-phủ, chủ sủy chính-trị quân sự, đều tuân thừa mệnh, đã giao hẹn thuở trước. Trĩ mưu Từ-Hy càng tiến bộ, địa-vị thời ổn-định, thành-công liên tiếp! Và, đưa thái-hậu đi lần trên con đường đã tâm chính-trị! Đương thời chỉ có hai địa-vị trọng yếu, có thể lật đổ Từ-Hy—Từ-An thái-hậu và Cung-thân-Vương. Từ-An tuy là người đàn bà trung hậu không có thành-kiến; song địa vị theo lý-luận so-sánh cao trọng như Từ-Hy; khiến Từ-Hy không vừa lòng. Hưởng như có người hợp tác Từ-An để đối phó, thì càng nguy to? Cung-thân-Vương chủ sủy quân cơ, kiêm bậc lãnh tụ đại-thần tổng-lý các quốc sự vụ nha môn! Phương-diện quân cơ là cơ-quan tối cao quản-lý nội chính; về tổng lý nha-môn là cơ quan tối cao biện lý ngoại giao, Cung-thân-Vương nhiệm chức lãnh tụ chính-phủ. Địa vị ngài, vượt hơn cả Tổng-quốc-Phiên, Lý-hồng-Chương, chốn cung nội còn một người chị dâu Từ-An thái-hậu, có thể đồng tâm hợp tác cùng ngài!

Dĩ nhiên, phải dùng độc kế sát hại Từ-An và bãi chức Cung-thân-Vương.

Thi hành xong hai việc quan trọng này, Từ-Hy « buồng rèm nhiếp chính » lần thứ nhì.

2. — Từ-An Thái-Hậu bạo băng.

Theo truyền thuyết sự liên-hệ giữa Từ-An và Từ-Hy thái-hậu rất đáng lưu ý!

Chúng tôi được biết truyền thuyết ghi chép như sau: « Ngày Hoàng-đế tại thế, thừa biết Từ-Hy một người đàn bà ác bạo khó thể đương đầu; lúc Ngài lâm chung truyền Từ-An rằng:— Nà-lạp-thị mẫu thân của quý tử, Trẫm sau khi băng, Nà-lạp-thị và Khanh đều được tôn phong bậc thái-hậu. Khanh lòng dạ trung hậu, e rằng trong tương lai phải chịu thua thiệt. Giờ đây Trẫm giao cho Khanh một mật chiếu, hãy tìm phương chôn cất cẩn-thận. Sau này, Nà-lạp-thị có buộc tội Khanh, có thể xuất-trình di-chiếu của Trẫm. Triệu tập đại thần, tuyển bỏ giữa chốn triều ca lên án tử hình Nà-lạp-thị. »

Song le, Hàm-Phong sau khi thăng hà, trái với điều Ngài liên-tưởng. Từ-Hy đối đãi với Từ-An rất mực cung kính, thân-thiết đậm-đà; cũng biết phận đích

thân, kẻ thứ hạ ! Thuở lâm triều thánh chính, thường hỏi qua ý-kiến Từ-An trước. Chấp bút phê tấu mọi việc, cũng nhường Từ-An duyệt xem. Thường lui tới hỏi thăm, nếu Từ-An mang bệnh, Từ-Hy hầu bên cạnh !

Căn-cứ theo truyền thuyết trên, có một lần Từ-An phải bệnh trầm-trọng, trải qua vài ngày được bình phục. Lần bước ra ngoài gặp Từ-Hy, thấy một đoạn trên cánh tay băng bó vải, liền hỏi có sao ? Từ-Hy khóc nước-nở đáp :

— Trước đây vài ngày, khi thái-hậu lâm-bệnh, lòng hạ thiếp cảm thấy cung kính rạt-rào. Bèn dùng dao cắt trên tay hòa với thuốc, rất mực khẩn Trời phù hộ Thái-hậu may mắn được lành-mạnh.

Từ-An rất cảm-động đáp :

— Người vì ta mà tốt như thế ! Chúng mình cùng kết tình đồng bào chị em, tiền đẽ rất hã dạ !

Từ-An xuất lộ mặt chỉ Hàm-Phong và chăm lửa đốt trước mắt Từ-Hy ! Nhân đó về sau cảm tình đối với Từ-An không còn đậm-dà như thuở ngày nào. Đối với Cung-thân-Vương cũng sinh lòng chán ghét !

Đời Thanh, quân chế thái-giám rất nghiêm, không cho phép can thiệp chính sự. Thời Từ-Hy có một viên thái-giám An-đắc-Hải rất được trọng dụng. Trông cậy vào uy lực Từ-Hy, bên ngoài hành động những điều ám-muội, thường sinh lòng dối trá ! Đồng-Trị cửu-niên, y đi đến Sơn-Đông, tự xưng tuân lệnh chỉ dụ sai theo dệt áo rồng. Trên thuyền An-đắc-Hải dùng, treo rũ cờ xí long phụng, nữ nhạc đồn thổi sáo ; thanh thế chói-lọi rạng-rỡ tựa như bậc thống lãnh.

Hành-động trên vi phạm thông luật tổ tông. Đương thời, Tuần-phủ Sơn-Đông tức Đinh-bửu-Trinh, một người khí-khái minh chánh, không sợ quyền lực, đã bí mật báo-cáo Cung-thân-Vương, thân-vương ngầm trình tự sự khuyên Từ-An nghiêm phạt hành động này. Từ-An đoán-biết, nếu giết An-đắc-Hải tức gây lòng xúc động, căm-phẫn Từ-Hy. Sau cùng, Từ-An thảo xong dụ chỉ giao cho Cung-thân-Vương, run run nói :

— Thái-hậu thế nào cũng giết Ta !

Thuở hai vị cùng bàn mật mưu, Từ-Hy cố tình theo dõi. Ai có thể ngờ được thái-hậu Từ-An, yếu mềm lại lãnh trách vụ can cường ! An-đắc-Hải bị xử

trảm tại chỗ, Từ-Hy không xông vào cứu thoát. Sau khi giết xong, hạ dụ chỉ tuyền cáo : « Ta cùng thừa lãnh nhiệm pháp triều-đình. Nghiêm chỉnh đối với quan thái-giám, có phạm phải trừng phạt. Luật pháp nghiêm minh phải lập khác trị tội thái-giám An-đắc-Hải đã cả dám láo xược phò trương điều tà nguy như thế. Gây mọi sự phi-pháp, xứng đáng tội hình. Qua lần nghiêm trị này, các thái-giám hãy xem mà dè dặt hành động ».

Mối hận lòng Từ-Hy không sao quên lãng, lương thái-hậu thường sinh chuyện bất hòa ! Quang-Tự lục niên, Từ-An, Từ-Hy đến Đông-lăng tảo mộ. Trước vong linh tiên đế, Lương cung vẫn sinh lời chẳng hay, Từ-An nói :

— Từ-Hy chẳng qua mẫu-thân quý tử, thuở Hàm-Phong sinh tiền, y chính là một kẻ phi-tân, không có thể sánh cùng Ta.

Từ-Hy biết Cung-thân-Vương mưu tính quỷ kế, đành nhúng-nhường Từ-An. Quang-Tự thất niên, vì chuyện thái giám Lý-liên-Anh lương cung lại xung khắc ! An-đắc-Hải sau khi thọ hình, Từ-Hy sùng nhiệm y, Từ-An nói :

— Lòng dạ Lý-liên-Anh chỉ tôn phụng Từ-Hy. Bọn tiểu thái-giám cũng noi theo làm dáng, không còn kiêng nể Ta.

Và tiếp rằng :

— Thấy thấy đều xưng hô y là cứu thiên tuế. Sao có thể buông lời để gã nô-tiện kia lỗ-lăng như thế (1).

Từ đó cảm-tình giữa Lương cung càng dào sâu sự càng dào sâu chia cách. Mệnh-số Từ-An mỗi lúc vạ phần nguy-ngập ! Ngày 11 tháng 3 năm kể trên, Từ-An dấy chết dưới tay độc thủ Từ-Hy. Đương thời, Từ-Hy qua cơn bệnh được vài tháng (2), chưa lâm triều. Từ-An một thân luận chính sự triều-đình

PHỤ-CHÚ :

(1) Xem « *Từ-Hy ngoại kỷ* » trang 103 — 104.

(2) Đương-thời, Từ-Hy lâm bệnh có người nghi mắc phải tiều-sản, « *Thanh dã Thanh sử đại quan* » quyển I, trang 138 viết : « Quang-Tự thất niên, thái-hậu Từ-Hy sinh bệnh rất nguy kịch. Thỉnh cầu các danh y từ phương trị liệu, đều không mang lại kết quả ! Do sự ngộ nhận, vì lầm phải bệnh áp huyết cao ; và điều trị kết quả mỹ-mãn ! »

theo thường lệ. Sáng sớm ngày hôm đó Từ-An triệu kiến đại-thần ; các bậc quân cơ đại-thần như : Cung-thân-Vương, Tả-tông-Đường, Vương-văn-Thiều, Lý-hồng-Tảo tham-dự. Nhận thấy dáng thái Từ-An vẫn khỏe-mạnh như-thường, chỉ có đôi gò má ửng hồng.

Đến chiều hưng tin loan truyền bạo băng ! Từ trước đối với các Hoàng-đế, Hoàng-hậu lâm bệnh, các đại-thần quân-cơ mời y-sĩ đến tìm phương cứu trị tận tâm. Song vào ngày trên, buổi sớm các đại-thần quân cơ đã thoái triều, chiều hay tin Từ-An băng khoảng 5 giờ, thời-gian trên không rõ tự sự ra sao. Bỗng hay tin thảng hà, há không phải kỳ dị ư ? Đương thời giới nhân sĩ bàn tán xôn-xao đình-ninh Từ-An bạo băng không phải Từ-Hy ! (3)

(3) « *Huy-lục-Đĩnh Sùng-lãng truyện tin lục* » ghi sự quan-hệ Từ-An và Từ-Hy. Chép như sau, cùng tham khảo : « Quan-tự năm tân-tỵ (thất niên) ngày 11 tháng 3, Hiếu-Trinh (Từ-An) Hoàng-hậu băng, lúc Từ-Hy lâm trọng bệnh. Từ-An rất khỏe mạnh không vương sự lo phiền, biểu-lộ tình hung tợn. Bách quan đều bảo rằng tự như Tây Thánh (đương thời Lương thái-hậu phân tọa vị Đông, Tây Đông thái-hậu và Tây thái-hậu. Trong cung xưng hô Đông Phật gia, Tây Phật gia) rất đổi ngạc nhiên ; cũng truyền rằng Lương thái-hậu thỉnh chính cùng một ngày.

Thỉnh linh, Từ-An bàn về chuyện Hàm-Phong thuở lâm chung, nói với Từ-Hy rằng :

— Ta có một chuyện, suy nghĩ đã lâu, nay vì em thổ lộ tâm sự này. Xin em xem một vật !

Lấy ra trong rương quyền giấy, rành rành chiếu chỉ tự tay Hàm-Phong thảo : sơ lược theo tờ-chế, Diệp-Hách-thị không được ở chốn tiêu phòng. Nay đã hạ sinh Hoàng-tử, một ngày kia vì quý tử, mẫu-thân sẽ được phong bậc thái-hậu. Song, sự thật không thể tin-cần người (Từ-Hy). Mai sau có thể an phận giữ mình thì thôi, bằng trái lại Khanh (Từ-An) có thể trình di chiếu này, ban mệnh đình thần, truyền di lệnh khai trừ (Từ-Hy). Từ-An vạch tờ di chiếu trước mắt Từ-Hy và mỉm cười nói :

— Chị em ta chung sống đã lâu, không gây điều mâu-thuẫn ; còn đề di chiếu này làm chi !

Liên bật lửa châm đốt chiếu chỉ. Nét mặt Từ-Hy đỏ gay, tuy cảm tạ nồng nàn, nhưng mang ý phiền giận, và chào từ biệt.

3.— Bài chức Cung-Thân-Vương.

Từ-An sau khi thăng-hà, nhân-vật Cung-thân-Vương khác nào mũi đinh đơn độc, ghim trong mắt Từ-Hy thái-hậu ! Địa vị ngài quan-hệ mật thiết với lương cung.

Chúng tôi đã trình bày đoạn trên, thuộc xử trăm gian-phi, Thân vương và nhị vị thái-hậu hợp tác nhất thiết. Từ-An đương thời 26 tuổi, Từ-Hy 28 tuổi, Cung-thân-Vương 31 tuổi đúng (4). Ba nhân vật trẻ tuổi, hiệp lực mở mang cục diện trung hưng ; các bậc đại phu nhân sĩ đều ngưỡng mộ tin-tưởng ! Cung-thân-vương đối với sự ban hành tân chính sách, càng thực nhiệt-tình hăng-hái !

Chúng tôi được biết, bấy giờ toàn thể đều đội nón đỏ, kết tóc đuôi sam. Phương-diện văn-hóa, chỉ mang nặng tư-tưởng Tứ thư, Ngũ-kinh, Trạng-nguyên hàn-lâm ; đã từ lâu họ phản đối những cuộc vận-động tự cường Âu-hóa.

Cung-thân-Vương sáng lập tại Bắc-Kinh trường học ngôn-ngữ văn-hóa ngoại-quốc, gọi tên Đông-văn-Quán ; huấn luyện nhân tài tinh thông ngữ văn nước ngoài. Thiết-lập ban khoa-học, nghiên-cứu các môn học : thiên-văn, toán học

Ngày 11, Từ-An thông-dong đứng ngoài sân, dựa bên thành chum vui đùa cùng đàn cá vàng. Thái-giám Tây cung bưng chiếc hộp đến, hạ quì thưa rằng :

— Mời Đông-Phật-gia dùng bánh (loại bánh làm bằng sữa bò). Tây-Phật-gia ăn rất ngon, không dùng một mình, phân chia Đông-Phật-gia !

Từ-An rất đổi vui-vẻ, mở hộp ra lấy một chiếc bánh dùng !

Từ-An quay về ! Vợ với Thái-y đến, bảo rằng Đông-cung ho ra đàm thân thê xây-xâm ! Y-sĩ chưa nhập cung, phụng thê đà thăng-thiên ! Trước đó Từ-An lặng lẽ cười nói đơn độc, bảo nên giữ lấy gia-pháp biết đại thể ! ... Từ-Hy lộ vẻ nghiêm-nghị úy sợ, sau năm Tân-Tỵ Từ-An băng.

(4) « Thanh sửảo, Cung-thân-Vương truyện » ghi rằng : Ngài mệnh chung năm 617, « Kim-triệu-Phong. Thanh-sử đại cương » ghi rằng : Ngài kém Hàm-Phong 1 tuổi. Trong sách *Tổn-cần-Đắc Từ-Hy thái-hậu* ghi : mệnh chung năm 616, khảo xét Cung-thân-Vương mệnh vong năm Quang-Tự nhị thập tứ niên ; người ngoại-quốc tính tuổi tác. so với người Trung-quốc sai 1 tuổi, đều hợp nhau.

chế tạo thuyền-bè, súng ống. Hình vờ các khoa-học gia ngoại-quốc đến chỉ dạy, đào-tạo quan hàn lâm viện, những loại trên phản ảnh phương-diện văn-hóa đương thời ! Hàn lâm cơ quan bởi dưỡng nhân tài bậc tể-tướng cũng là địa điểm các vị : trạng-nguyên, bảng-nhân, thám-hoa và bậc tấn-sĩ ưu tú nghiên-cứu học vấn ; nơi dự trù các tướng văn, tuyển chọn bậc tài hoa ! Cung-thân-Vương cũng chỉ giáo các vị kể trên, cùng người Tây phương về văn tự Hán tại Đờng-văn-Quán, đó phải chăng cũng là sỉ nhục ?

Bấy giờ có một vị trứ danh lý học gia Nụy-Nhân người Mông-cổ, nhiệm-chức phụ tá tể tướng kiêm viện-trưởng Hàn-lâm-viện, hồ-hào phản đối :

— Trộm nghe con đường lập quốc ! (Ta thiết nghĩ) chuộng lễ nghĩa không chuộng quyền mưu. Căn bản mọi kế-hoạch đều do lòng người không phải kỹ-nghệ ! Ngày nay cầu một nghề cùng mặt, tôn trọng di-nhân làm thầy. Không nghĩ đến sự dối trá của man di, chưa hẳn truyền lại điều tinh xảo ! Đào tạo thành bậc sư, chẳng qua chỉ là kê thuật số nghiên-cứu những bát quái, ngũ hành để suy về tốt xấu, họa phúc của người). Từ xưa đến nay, chưa từng nghe chỉ có thuật-số, có thể cứu vớt sự suy nhược ! Khắp cùng thiên-hạ chẳng lo không có kẻ tài, như : thiên-văn, toán học để giảng tập, cùng mọi sự khác, hẳn đã có nghệ-thuật tinh anh cần gì phải trông cậy bậc thầy man di kia ?

Đây là luận điệu 180 năm về trước, phản đối khoa-học kiến quốc ! Cung-thân-Vương rất mực lo-lắng, và bác bỏ luận điệu này :

— Ôi ! nhân-dân mang sự sỉ nhục ; chớ mang sỉ nhục hơn nữa, mà chẳng bằng người ... Tiểu quốc Nhứt-bản hèn-kém, còn biết phát huy hùng cường. Riêng Trung-quốc vì theo tập quán dần-dà thành thói quen, không nghĩ đến chấn hưng.

Sự sỉ nhục càng nhiều ! Ngày nay không tìm học để bằng người vì sự nhục-nhã ấy, mà chỉ riêng rở cho rằng sự học của người là nhục ; sao chẳng phải bị nhục ! Sau cùng, không cầu học, sao có thể rửa được cái nhục ư ?

Thân-vương tiếp :

— Các vị đại-học-sĩ nghĩ đến việc tầm học gây điều chướng ngại, dĩ-nhiên đã có kế-hoạch mỹ-mãn ! Nếu quả thực diệu sách có thể chế phục ngoại-quốc, mà

không bị người áp chế, bậc quan thần nên noi theo đại-sĩ-học ! Quyết sức phá tan bao điều ám-muội, tận tâm phán-xét rõ ràng ! Nếu không có kẻ-sách riêng hoàn-hảo, nên lấy trung tín làm áo-giáp, nón phủ. Đem lễ nghĩa làm cái can, cái thuẫn, phá tan hú bại ; mệnh lệnh đủ chế phục kẻ địch ! Chư thần thực chưa dám tin ư ?

Cung-thân-Vương và Nụy-Nhân bật cười. Ngài khuyên Hoàng-đế dụ chỉ, phong cử Nụy-Nhân nhiệm chức quản-trưởng Đồng-văn-Quán. Nụy-Nhân rất khó nghĩ, không lãnh sự vụ, thì trái lệnh Hoàng-đế mà bằng lòng, thì tự hủy bao lời hô-hào của mình. Sau cùng đành y lệnh, cố ý làm việc chệnh-mãng và cáo bệnh !

Cung-thân-Vương đương thời, quả thật một chính-trị gia tiên-bộ vượt bậc, đáng nể tiếc đến ngày nay ! Chúng tôi không có đủ tài liệu tường thuật về đời Ngài. Các truyện trong « *Thanh sử cảo* » không thể căn-cứ, chỉ là một bản lý lịch Cận sử, ghi chép vài nhân-vật Mãn-châu, mãi đến nay không có một thiên truyện có thể khảo-cứu như : Văn-Tường, Kỳ-Thiện, Kỳ-Anh, Vinh-Lộc — không kể thuộc về phái chính-trị gia hay chính khách ; tiểu-sử về cuộc đời họ rất quan-hệ mật thiết cận sử. Song, sử-liệu thiếu sót, các sử gia đành bó tay !

Phần trên chúng tôi đã so-sánh có thể nhận-xét phong độ Cung-thân-Vương. Đồng-Trị sơ niên, quyền hạn Từ-Hy đối với quốc-sự, cùng san sẻ gánh vác trách nhiệm với Cung-vương. Song lẽ, Từ-Hy bẩm sinh một người thông-minh nhanh-nhẹn.

Thuở chưa nhập cung, là cô gái rất có tài năng, tuy ít học hành, không sành viết chữ ! Sau khi nhập cung, thập-tam-kinh đọc thông, cổ thư học qua vài bộ, và có thiên khiếu nghệ-thuật hội-họa. Từ-Hy 20 tuổi, hoàng-đế thường lâm bệnh, Từ-Hy có cơ-hội tham dự chính-trị — một thiên tài tuyệt thế ; về sau « *buông rèm nhiếp chính* ». Đồng-Trị « *lộ diện* » qua vài năm, Cung-thân-Vương cố giúp đỡ Từ-Hy về mọi thể thức nhiếp-chính. Song, khi vì cánh đã trưởng thành, Từ-Hy không đoái tưởng công lao ngày trước phù giúp ! Sinh lòng ghen-ghét thù hận Cung-Vương, không phải vì ngài ban hành tân chính-sách ; ngài thường có thái độ gay gắt kẻ khác, đang nhiệm bậc quan nhưt phẩm triều đình, chiếu tinh-thần truyền thống dòng tộc nhà Thanh, tôn thất chỉ có hư vị, không lãnh chức trong chính-phủ. Đề phòng chuyện ngày xưa tái diễn cảnh « *thất quốc bát vương* ».

Thân-vương, tước phong tối cao trong tôn tộc ; quân-cơ đại-thần, địa-vị tối cao trong chính-phủ. Theo thông pháp, một vị không được phép kiêm hai nhiệm vụ—Cung-thân-Vương thuộc ngoại-lệ.

Nguyên-nhân đời Hàm-Đông, ngài trừ diệt tam gian-phi, xây dựng lập tân cuộc diện, « buồng rèm nhiếp chính » là nhân-vật có công gánh vác trách nhiệm quan-trọng !

Song, Từ-Hy đã ban cho những lễ vật rất xứng đáng, ngoài ra đặc-biệt tôn hiệu « nghĩa chính vương », với tước vị Thân-Vương hưởng « thể tập võng thể ». Sở dĩ xưng hô « nghĩa chính vương », vì bậc Thân-Vương đặc-biệt tham nghị quân quốc đại sự. Quyền hạn của Ngài tuy không sánh bằng các Nhiếp-chính-vương Đa-nhĩ-Cổn thuở sơ quốc, Nhiếp-chính-vương Đái-Phong mặt niên. Song lẽ, xét tổng-quát Ngài là một vị Thân-vương đơn độc phụ chính : chiếm thượng-phẩm, sánh hơn các vị Thân-vương theo thể thường ! « Thể tập võng thể », ý nghĩa thể nào ? Đời Thanh, các hoàng tử chẳng nhứt định sẽ được phong bậc Thân-Vương, nếu nhiệm địa vị này, không thể đời đời truyền chức cho con cháu. Theo lệ thường, con đích trưởng Thân-vương sẽ giáng chức còn nhiệm bậc Quận-vương tiếp theo chức Bối-lặc ; — Bối-tử : Trấn-quốc-công ; Phụ-quốc-công. Khái-quát, đến mỗi hàng tử tôn tập vị, giáng hạ một bậc. Chỉ có « bát thân vương » thuở sơ niên khai quốc, dâng hiến công-nghiệp vĩ-đại, đặc-biệt đều phong hiệu Thân-vương. Đời đời truyền lưu chức phẩm cho tử tôn ; nên gọi là « Thể tập võng thể ». Huy hiệu các bậc liệt trên gọi « Bát thiết mạo vương », vì vương mạo (chiếc mũ) tựa như sắt tỏi, vĩnh-viễn cương kiên. Mãi về sau, chỉ có một vị bào-đệ Vua Ung Chính tức Di-thân-Vương Doãn-Tường hưởng ân vinh đặc-biệt này. Chúng tôi đã trình bày về 3 gian-phi ; Di-thân-vương Đái-viên, thuộc hàng tử tôn Doãn-Tường. Trịnh-thân-vương Doan-Hoa, tử tôn đời sau của một trong các bậc Thân-vương « Bát thiết mạo vương ». Sau thuở Cung-thân-Vương được ân hưởng quyền « Thể tập võng thể » đến đời Thanh vong. Quyền vinh hoa đặc-biệt, chỉ còn ban thưởng hai vị Thuần-thân vương Dịch-Hoàn — phụ thân Vua Quang-Tự ; và Khánh thân-vương Dịch-Khuông cầm vận nước đến năm cuối cùng.

Từ-Hy, một con người nhanh-nhẹn hiếm độc. Thuở ban sơ « buồng rèm nhiếp chính » con đường chính-trị đã kinh-nghiệm từ thuở bé ; tuy vậy nhất thiết không thể không trông cậy Cung-thân-vương. Song, trải qua vài năm, chính cuộc vãn hồi yên định, lòng vũ dần-dần đầy đủ ; Thái-hậu không đoái nghĩ tình nghĩa xưa. Đồng-Trị tứ niên, Từ-Hy thường sinh mối bất hòa Cung-vương !

Chúng tôi được biết, Dương-Tâm điện nội cung địa-điểm « buồng rèm nhiếp chính ». Tọa vị tiểu Hoàng-đế trước mặt phía nam, thái-hậu an-tọa hơi lệch hai bên phía sau ; trước ngự tọa rữ bức rèm vàng. Quan đại thần đều chờ đợi ngoài điện, Thái hậu định triệu kiến viên đại thần nào, do thái-giám vâng lệnh chỉ xưng hô, bèn nhập rèm hạ quỳ bệ kiến. Địa-vị Cung-thân-vương rất đặc-biệt, thái-giám hô vởi chỉ là hình-thức. Các tiết lễ ngài rất quen thuộc vẫn an tọa không phải quỳ tấu ! Ngày kia, vào yết kiến, Cung-thân-Vương chưa đợi Từ-Hy tuân tự ban dụ chỉ tọa vị, bèn đứng thẳng người dậy, Từ-Hy quát âm lên, bảo rằng ngài định mưu sát ám hại, không tuân hành theo phép thức. Từ thái-hậu lập khắc cách chức và phong-hiệu ; giờ đây chỉ còn là bậc Thân-vương không cần đai mũ áo, sống thông-dong. Dư luận sôi nổi bất mãn, quần thần khuyên-gián, Từ-Hy vì thời thế, đành lòng ban lệnh Cung-thân-vương khôi phục cựu chức.

Song le, tôn hiệu « Nghĩa-chính-vương », dĩ như bóng hoàng hạc thoát bay, chẳng phục hồi trong gương-ngập !

Từ-Hy ban thánh chỉ thật khéo léo : « Hôm nay Cung-thân-vương tạ ơn triệu kiến, rạp đầu khóc thảm-thiết ! Qua bao điều chỉ bảo chân thành, Vương đều tự nhận tội, rất biết hối cải. Ta động lòng từ tâm, thuở « buồng rèm » đến nay, Cung-vương giữ chức quân cơ, luận bàn chính-trị, đã trải qua vài năm. Nhận điều ân nghĩa thâm sâu, giao phó nhiệm-vụ cũng lo liệu hoàn toàn ; liên-quan mật-thiết triều đình. Các quan thần không thể sánh cùng, đặc biệt địa-vị cao, sinh lòng nhạo báng. Không tự xét tính, càng sinh điều chẳng hay ! Ta kỳ vọng bậc vương rất nhiều, trách phạt không thể không nghiêm quyết. Cung-thân vương đã lãnh ý chỉ, hãy tự sửa đổi phần chẵn hơn. Triều-đình do quý bậc thần công trong ngoài, đảm-đương sự tiến thoái, mọi sự đều rất công minh. Tất cả ta đều không mang nặng thành-kiến ! Huống hồ Cung-thân-vương, bậc trọng thần thân tín, hợp tác

triều-đình hưởng sự ân đãi. Há chịu thay đổi tặt cũ, để chuyển bước sang sự an vui chăng ?

Cung-thân-vương vẫn nhiệm chức quân cơ đại-thần. Song, chớ vụng-về phục hồi nghĩa chính danh mục, hãy nên giải bày để giảm bớt nỗi oan-ương ! »

Cung thân vương cần-thận noi theo qui củ, song khi phách ngài vẫn đường đường ! Nhứt thiết theo đuổi chánh-sách canh-tân, sự nghiệp tự cường ; noi theo bước nỗ lực ngày trước tiến lên !

Đương thời, ngài là một tay trợ giúp đắc lực bậc tài-năng xuất chúng Lý-hồng-Chương. Miệt mài trải qua suốt 20 năm trường, đến năm thứ 11 sau khi Từ-Hy « buông rèm nhiếp chính » lần thứ nhì. Chiến tranh Trung-Pháp thất bại (1885), Từ-Hy khép tội ngài gây lụy quốc gia. Quyết triệt để loại trừ Cung-thân-Vương ngoài vòng chính-trị. Dụ chỉ phán rằng : « Cung-thân-vương Dịch-Hân, thuở ban đầu còn chuyên-chú giúp đỡ ; về sau bỏ phế để bảo vệ vinh hoa !

Năm gần đây, tước lộc mỗi ngày càng tôn sùng ; khi triều-đình định ý tạo hưng-thịnh, thì cuồng vọng khur-khur thành-kiến, không tận lực thi-hành... Dừng đứng không thay đổi kế-hoạch, việc làm thì chệnh mãng. Sao không ngưng giúp mưu lược vĩ nghiệp của Thánh tứ ban!... Dịch-Hân được gia ân bậc Thân-vương lưu hưởng « Thế tập võng thế ». Hành-động đều sai lầm .. hãy hưu trí dưỡng thân »

Cung-thân-vương đã 54 tuổi, ngài tựa như ánh thái-dương chìm dần trong bóng hoàng hôn. Buông thả kiếp sống nhàn cư chốn vương đệ.

Trải dằng dằng 10 năm dài, cuộc chiến tranh Trung-Nhật thất bại ! Từ-Hy ban lệnh ngài quay lại chốn Đông-Sơn. Song le, giờ đây, lớp bụi thời gian phủ tẩm thân già nua 60 ; liệu có thể hy-vọng Cung-thân-vương tái tạo vĩ-nghiệp oanh-oanh liệt-liệt không ?

4.— Lý-hồng-Chương cầm quyền.

Lý-hồng-Chương nắm quyền bính chính-trị từ thuở Cung-thân-vương chưa bãi chức. Ông bước vào đường sự nghiệp rất sớm, năm 25, 26 tuổi được cử vào Hàn-lâm-viện ; 30 tuổi dẹp loạn, tạo công danh lừng lẫy. Đương thời, Lý

quân là một chính-trị gia tuổi tráng-niên; phách lực vượt bậc ! Mọi sự Cung-thân-Vương cùng ông trông trợ với lão sư Tăng-quốc-Phiên ; thiên tài chính-trị họ Lý chiếm quan-trọng !

Đồng-Trị thập nhứt niên, Tăng-quốc-Phiên mất ! Quang-Tự thập nhứt niên Cung-thân-vương lui về hưu. Lý-hồng-Chương trở thành nhân-vật nòng-cốt trong chính-phủ. Tả-tông-Đường cùng phụ cánh, đối với phái họ Lý mang lòng bất mãn ; tuy nhiên, Ty-mã-Quang thường trông vọng Ngài. Song, nhân-vật cận-đại Vương-an-Thạch rất được triều-đình tín-dụng, địa-vị Hồng-Chương-cũng không thể lay chuyển !

Địa vị Lý-Hồng-Chương thời Quang-Tự thập nhứt niên, tương đương Cung-thân-vương thuở Đồng-Trị sơ niên. Nhưng, giữa hai nhân-vật có điểm căn-bản bất đồng :

Thứ nhứt : Cung-thân-Vương chú của Hoàng-đế và em chồng của thái-hậu. Tước vị trong triều-đình được tôn sùng, quan-hệ về quyền thuộc rất thân mật. Phụ-thân Lý-Hồng-Chương chỉ nhiệm bậc Lang-trung lục bộ ; ngài là một vị quan trẻ tuổi hàn-lâm. Thứ nhì : Cung-thân-Vương tuổi thanh-niên 30, Lý-hồng-Chương bậc lão thành tuổi 63. Thái-độ giữa đôi bên bất đồng, Cung-thân-Vương dám nói dám làm ! Từ-Hy có lúc cũng cúi đầu im lặng, vụ An-đắc-Hải một minh chứng cụ thể ! Lý-hồng-Chương còn vương chút anh kiệt thuở thiếu-niên, mà bóng khí đã về chiều, tuổi càng chững chắt ; chẳng khác nào lão thái-hậu 50 trải qua bao thăng trầm thế thái ! Không thể sánh như thuở 20 đương thì, giờ đây trăm sự đều khiêm-nhượng !

Chúng tôi đơn cử minh chứng sau : Ai cũng thừa biết, Di-Hòa-viên do Từ-Hy thái-hậu kiến tạo nên. Xuất phát nhiều phí-tốn gầy dựng vườn tược, trù tính địa-điểm thành-lập ! Thuần-thân-vương và Lý-hồng-Chương thương lượng, nên đổi dùng kinh-phí vào việc bồi bổ hải-quân. Đương thời, Lý quân và Thuần-Vương chủ quân nha-môn hải-quân, một cơ-quan tối cao khuyếch sung hải-quân Trung-quốc. Lý-hồng-Chương nhận-xét tin-tường : Nhứt-bổn kẻ địch hùng hổ nhất của Trung quốc. Vũ khí tối-tân để đương đầu với Nhứt, chính là hải-quân, không phải lục-quân. Họ Lý đối với kẻ-hoạch thành lập hải-quân, đủ thấy nhiệt tình

dường nào ! Nhưng, Thuần-thân-vương cùng ngài xét nghĩ vì muốn Thái-hậu được vui lòng, đành cúi đầu tuân theo đẹp ý định kiến-tạo quân lực.

Chiến tranh Giáp-Ngọ trước cuộc chiến Trung-Nhật lần thứ nhất, khoảng thời gian 7 năm ; Trung quốc không có thêm một chiến hạm mới. Và cuộc chiến đấu thất bại !

Từ-Hy giờ đây chưa mãn nguyện, cựu địch đã tảo trừ tận gốc, sự mới-mẻ sang trọng đều nằm trong tay Thái-hậu, Từ-Hy đã không đoái tưởng đến những ngày năm xưa, phấn đấu trong gian khổ ; dần dần buông thân trên đường ủy-my, xa hoa, đậm-dật !

(Còn tiếp)

TIN MỪNG

Được tin bạn Trương Tấn-Kiệt đẹp duyên cùng chị Nguyễn Kim-Thoàn, hôn lễ được cử hành ngày 14-6-1966, thành thật chúc Kiệt-Thoàn trăm năm hạnh-phúc.

**Nguyễn Nhã
và Nhóm Sứ Địa Đ.H.S.P.S.G.**

Commercial Representative

Marubeni - Iida Co., Ltd.

Saigon Liaison office
P.O. Box 487 SAIGON
Tel : 21-530

Giới-thiệu sách báo Sĩ-Địa

★ **ĐỊA LÝ ĐẠI CƯƠNG : ĐỊA HÌNH THÁI HỌC KHÍ HẬU HỌC**

của Ông *LÂM THANH LIÊM*

Sách dày hơn 300 trang, do nhà sách Khai-Trí xuất-bản, Saigon 1966. Với công trình tổng hợp các sách khảo-cứu và giáo-khoa bằng ngoại-ngữ, tác-giả ước mong giúp cho các các sinh-viên Sĩ-địa tại các trường Đại-học có tài-liệu giáo-khoa bằng Việt-Ngữ. Cũng nên nhắc rằng, từ trước đến nay chưa có một cuốn sách địa-lý bậc đại-học được viết bằng Việt-Ngữ. Với cuốn Địa-lý hình-thể — *Địa-hình thái-học* — *Khí hậu học* của Giáo-sư Lâm-Thanh-Liêm và một loạt sách giáo-khoa về địa-lý nhân văn và Kinh-tế mà Ông định sắp cho xuất-bản sẽ giúp ích nhiều cho sinh-viên và sẽ giúp cho công việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ trong ngành địa-lý, bậc đại-học tiến hành mau lẹ.

★ **NON NƯỚC XỨ QUẢNG**

Chúng tôi vừa nhận được cuốn *Non-Nước Xứ Quảng* của Phạm-Trung-Việt do tác giả gửi tặng *Non Nước Xứ Quảng*, là cuốn sách đã giới thiệu rất đầy đủ về Quảng-Ngãi với thắng cảnh, danh nhân, các sản-vật và các sinh hoạt của người dân Quảng-Ngãi. Sách dày 182 trang, in lần thứ hai, 1965.

Xin trân trọng giới-thiệu cùng bạn đọc của « *Sĩ-Địa* ».

☆ HÀNH-TRÌNH VÀO DÂN-TỘC HỌC

tập I : NHỮNG VẤN-ĐỀ LÝ-THUYẾT

của LÊ VĂN HẢO

Saigon 1966. NAM-SƠN—xuất-bản

1 hình vẽ 192 trang

Điều thắc mắc đầu tiên của người đọc vừa cầm quyển *Hành Trình vào dân tộc học*, tập I : của Ông Lê văn Hảo là « dân-tộc học là gì ? » Một danh từ mới cho một môn học quen biết hay một môn học mới. Dân tộc học tức là nhân chủng học và theo tác giả thì danh từ dân tộc học hợp lí hơn danh từ nhân chủng học đã thông dụng.

Từ lâu sinh viên theo học dân tộc học đã phải bằng lòng với các giảng văn của giáo sư hay là một vài bài báo nhỏ. Còn như nếu muốn hiểu biết tường tận hơn thì phải làm quen với các tác phẩm ngoại quốc. Điều đó đòi hỏi nhiều thì giờ và một vốn liếng sinh ngữ.

Tác phẩm của ông Lê văn Hảo xuất hiện để làm công việc dẫn dắt sinh viên và ngoài ra giới thiệu một môn học xa lạ cho một giới độc giả rộng rãi hơn.

Phần đầu gồm 6 chương nói về định nghĩa, đối tượng, mục đích, lãnh vực và phương pháp của dân tộc học. Ở đây môn học xuất hiện khác hơn là những gì người ta tưởng về nó, thu hẹp trong phạm vi các xã hội cổ sơ, cổ truyền hay là những chi tiết sinh vật học.

Phần thứ hai hay là phần phụ lục gồm bảy bài nói về dân tộc học của Evans-Pritchard, Leroi Gourhan, Lévine, Kluc Khohn, Nghiêm Thâm, Nguyễn văn Trung và của Lê văn Hảo. Mặc dầu đã có ít nhiều ý niệm về dân tộc học qua phần đầu người ta gặp khó khăn vì hình thức và chất liệu nghiêm túc và nặng nề. Chính ở đây người đọc có dịp phiêu lưu vào thế giới của dân tộc học.

Một điều cần ghi nhận là mặc dầu trình bày dân tộc học trong một khung cảnh đại cương, ông Lê văn Hảo bao giờ cũng tìm cách giới thiệu dân tộc học

Việt-nam. Người đọc sẽ thấy một lãnh vực rộng lớn và chưa khai phá, nó bao gồm xã hội Miên Chàm Thượng, các thần thoại, cổ tích, bài hát. Việc trình bày kèm theo một lời cảnh cáo vì sự rộng lớn và giàu có đó rất mong manh hay đúng hơn đang tàn tạ. Sự biến mất không để lại một dấu vết « ghi chép » là một điều đáng buồn cho lịch sử Văn minh Việt nam và lịch sử nhân loại.

Tôi hi vọng quyển sách này và hai quyển kế tiếp của Bộ *Hành Trình vào dân tộc học* của ông Lê văn Hảo có khả năng đánh thức lòng yêu chuộng môn dân tộc học của một số đông người.

NGUYỄN-THÁI-AN

BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỬ-ĐỊA SỐ I

1.— BÀI « NHỮNG LỜI THỀ CỦA LÊ-LỢI »			
TRANG	DÒNG	SAI	ĐÚNG
3	3	với	tới
5	1	phí	quí
	11	thảo-diện	thảo-diện
	25	đạo binh	đạo binh
7	3	tryền	truyền
8	17	ựa	lựa
9	28	...tôn hiệu của Cao hoàng-đế	tôn hiệu Cao hoàng-đế
14	4	cắt vùng	cắt dùng
	15	phần-phở	thần-phở
18	6	Lê-Lai	Lê-Lợi
20	10	hưởng công	thưởng công
	12	chính thuận	chính-huấn
2.— BÀI « TÍNH ĐỊNH-TƯỜNG NGÀY XƯA »			
72	12	của Võ-Vương lại được	của Võ-Vương, Vương lại được
79	5	Trên bản ba phát	Trên đồn bản ba phát
82	15	bờ càn	bờ càn
83	15	bờ mười	bờ mười

HỘP THƯ SỬ - ĐỊA

⊕ Ông PHAN-KIM-HUÊ, Saigon,

Tập-san Sử-Địa đã nhận bài Ông gửi đăng, hiện đang được ban lựa bài đọc. Thành thật cảm tạ mối thịnh tình quý báu của Ông, thật rất kích lệ cho Tập-San. Rất mong sẽ tiếp tục nhận được các công trình khảo cứu khác của Ông.

⊕ Ông LÊ-VĂN-BÔNG, Saigon.

Rất hoan nghênh những nhận xét quý báu của Ông. Tập-San Sử-Địa lúc nào cũng sẵn sàng đón nhận những ý kiến xây dựng. Sự vun quén ngành quốc sử hiện đang cần rất nhiều bàn tay đóng góp xây dựng kể cả những người cò võ, khuyến khích.

⊕ Ông TRẦN-VĂN-HOÀNG, Saigon.

Với thực trạng nước nhà hiện tại, số người quan tâm đến Sử Địa rất ít, nên chúng tôi chỉ dò dẫm ẩn hành 3 tháng 1 kỳ. Sự cò động của ông thực rất hoan nghinh, nếu ai cũng như Ông hay có nhiều người như Ông, thì ngành Sử Địa nước nhà đâu có đến nỗi kém cỏi như vậy. Thành thật đa tạ ông.

⊕ Bạn TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG, K.B.C. 3338.

Bài của bạn đã nhận được, hiện ban lựa bài đang đọc. Rất mong bạn tiếp tục các công trình khảo cứu khác.

⊕ Ông NGUYỄN-TOẠI, Huế. Rất cảm ơn Ông, bài của Ông hiện đang đọc.

⊕ MỘT BẠN ĐỌC Ở HUẾ. Rất cảm ơn bạn. Sửa soạn số có chủ đề có nhiều khó khăn, tuy vậy Tập-San Sử-Địa vẫn cố gắng thực hiện. Số 3 tới sẽ đặc khảo về Trương-Công-Định.

Tập-San luôn chờ đợi đóng góp sự sưu khảo của mọi người, nếu có thể, xin bạn gửi về tòa soạn trước tháng 8.

Sự sưu tập các gia phả, bia, thần tíchv. v... rất cần, mong bạn cứ tiến hành.

Nhà thuốc **LA - THÀNH**

195 — 201 ĐƯỜNG TỰ-DO SAIGON — Đ.T. 90.577

LA-THÀNH-NGHỆ

DƯỢC SĨ

Dược phẩm đặc chế — Hóa học phẩm

SI-RO

IODOPHÉDRINE

« M U S »

CHẶN ĐỨNG CƠN HO, SUYỄN

TRỊ HO GIÓ VÀ ĐAU CƯỜNG PHỔI

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

R O D A L

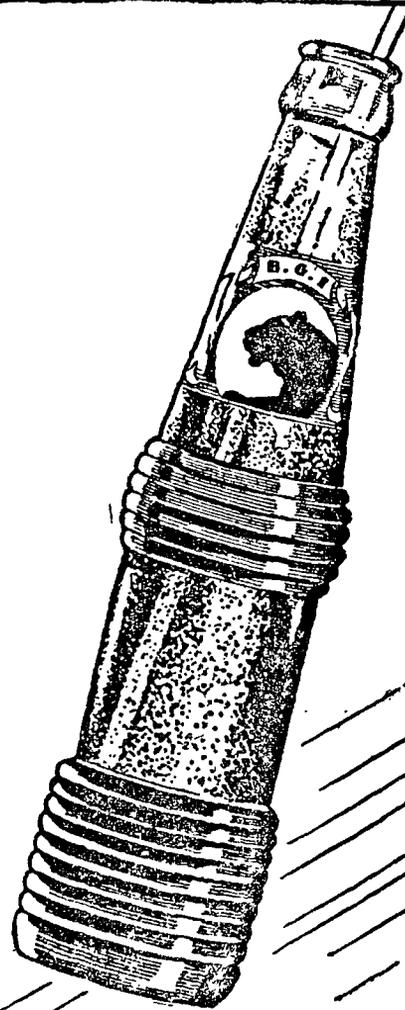
TRỊ: *Cảm, Cúm, Nóng lạnh*

Nhức đầu, Nhức răng

Nhức gân, Sổ mũi

ngày 8-6-64 K.N.868 BYTQCDP

NƯỚC NGỌT "CON CỌP"



23^o

Nước ngọt "Con Cọp"! Hoan hô!
Với chai "HỎA-TIÊN" điểm tô cuộc đời
thêm VUI, thêm ĐẸP, thêm TƯƠI!

SÁCH VĂN-HỌC

Bán tại Nhà Sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi Saigon

Văn học đời Lý,	<i>Ngô-tất-Tố</i>	30\$
— Trần	—	40
Văn chương quốc-âm thế-kỷ XX	<i>Phan-trần-Chúc</i>	40
Lĩnh-Nam Chính-Quái	<i>Lê-hữu-Mục</i>	75
Việt-Điện U Linh Tập	—	75
Thành-ngữ điển tích	<i>Diên-Hương</i>	100
Phép làm thơ	—	80
Tục-ngữ phong-dao I, II	<i>Nguyễn-văn-Ngọc</i>	130
Hương hoa đất nước I, II	<i>Trọng-Toàn</i>	100
Nam Thi hợp tuyển	<i>Nguyễn-văn-Ngọc</i>	58
V.N. Văn-hóa sử cương	<i>Đào-duy-Anh</i>	77
Tản-Đà vận văn I, II	<i>Nguyễn-khắc-Hiếu</i>	120
Nhà văn hiện đại I, II, III, IV, V	<i>Vũ-ngọc-Phan</i>	390
V.N. Văn-hóa toàn thư I, II	<i>Hoàng-trọng-Miên</i>	200
Đại-Cương văn học sử Trung Quốc		
I, II, III	<i>Nguyễn-hiến-Lê</i>	225
V.N. Văn học sử giản yếu I, II, III	<i>Ph thế-Ngũ</i>	490
Thơ Đường I, II	<i>Trần-trọng-San</i>	190
V.N. Văn học giản bình	<i>Phạm-văn-Diêu</i>	160
Văn học Việt-Nam	—	200
V.N. Văn học nghị luận	<i>Nguyễn-sĩ-Tế</i>	45
Đường thi	<i>Ngô-tất-Tố</i>	40
Những khuynh-hướng trong thi ca V.N	<i>Minh-Huy</i>	80
Những nhà thơ hôm nay	—	100
Luật thơ mới	—	38
Nguyên-tắc sáng-tác thi ca	<i>Vũ-văn-Thanh</i>	30
Kỹ-thuật sáng-tác thơ	<i>Trương-linh-Tử</i>	35
Quan-niệm sáng-tác thơ	<i>Đoàn-Thêm</i>	75
Việt Thi	<i>Trần-trọng-Kim</i>	42
Văn phạm Việt	<i>Nguyễn-quí-Hùng</i>	250
Khảo luận về ngữ pháp V.N.	<i>Nguyễn-hiến-Lê</i>	250
Lược khảo về ngữ pháp V.N.	<i>Doãn-quốc-Sĩ</i>	90
Luyện văn I, II, III	<i>Nguyễn-hiến-Lê</i>	165
Hương sắc trong vườn văn	—	100
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-Hoa	<i>Nguyễn-H.-Khánh</i>	50
Nghệ thuật làm văn và đọc văn	<i>Vũ-Ký</i>	120
Khảo luận Đoạn Trường Tân Thanh	<i>Nguyễn-Khoa</i>	60
— về Đoạn-tuyệt	<i>Lê-hữu-Mục</i>	40
Lịch sử văn học Công-giáo V.N.	<i>Võ-Long-Tế</i>	90
Mai Đình Mộng Ký	<i>Hoàng-xuân-Hãn</i>	22
Bích câu kỳ ngộ	—	75
Chân dung Nguyễn-Du	<i>Vũ-hoàng-Chương</i>	40
Truyện Thúy-Kiều	<i>Bùi-Kỷ</i>	55
—	<i>Trần-cử-Trường</i>	65
Dẫn giải Kim-Vân-Kiều	<i>Huyền-Mặc</i>	70
Hán dịch Kim-Vân-Kiều	<i>Trương-Cam-Vũ</i>	95
Kim-Vân-Kiều dịch Anh-văn	<i>Lê-xuân-Thủy</i>	150

Phiếu mua báo dài hạn

Phương-danh độc-giả
Địa-chỉ
Thời-hạn mua (1)
Thẻ-thức, trả tiền (2)
Giá tiền (3)

. . . . ngày . . . tháng . . . năm 196

KÝ TÊN

(1) Một năm (4 số) hay nửa năm (2 số)

(2) Trả tiền mặt, chi-phiếu hay bưu-phiếu
(đề tên Phạm-thị Kim-Cúc, B.P. : 380, Sài-gòn).

(3) Hai năm : 140\$.

Một năm 75\$, miền Trung và Cao nguyên tính thêm cước
phi máy bay.

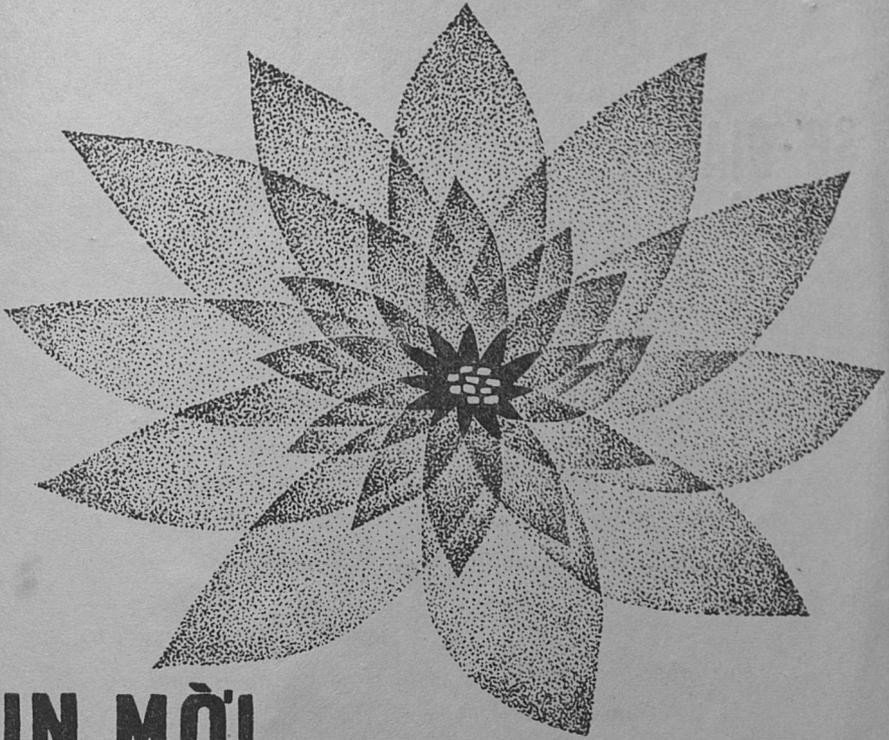
Mua dài hạn TẬP-SAN, SỬ-ĐỊA :

— Là khuyến-khích thiện-chí phụng-sự ngành Sử-Địa, nền văn
hóa dân-tộc.

— Làm món quà tặng thanh-nhã.

In tại nhà in VIỆT-HƯƠNG, 34 Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

K.D. Số 1261-B.T.T.C.H — Ngày 27-5-66



XIN MỜI QUÝ-VỊ LUÔN LUÔN DU-NGOẠN

bằng *Caravelle*
PHÂN-LỰC-CƠ TRĂNG-LÊ NHỨT THẾ-GIỚI

của ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM

3 SAIGON-HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

2 SAIGON-KUALA-LUMPUR-SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)
(Trừ ngày Thứ Ba Saigon, PhnomPenh, Bangkok bằng DC-6B)



Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lich hay



RIP.

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116. NGUYỄN-HUỆ SAIGON. 21 624.625.626

SỬ-ĐỊA

TAM CÁ NGUYỆT SAN — Số 2 — Tháng 4, 5, 6 - 1966

MỤC-LỤC

1. Lá thư tòa soạn 1
2. Đề kiến thiết Quốc-gia, nghiên-cứu quốc sử là công
việc tối cần thiết trong lúc này,
PHAN-KHOANG 3
3. Những lời thề của Lê-Lợi, HOÀNG-XUÂN-HÃN 11
4. Thuyết Mác-Xít và sự giải thích lịch sử bằng những
nguyên nhân Kinh tế và xã hội,
NGUYỄN-THỂ-ANH 29
5. Thử phác-họa những nét đại-cương về địa-lý hình-
thể Nam-Phần Việt-Nam, LÂM-THANH-LIÊM 35
6. Các sứ bộ do Triều Nguyễn phái sang nhà Thanh
BỬU CẦM 46
7. Một vài chủ trương của triều đình Huế trong hòa
ước Quý-Mùi (25-8-1883),
PHẠM CAO DƯƠNG 52
8. Thử trình bày một cách trắc nghiệm về môn Địa-
lý áp dụng cho các lớp ở bậc Trung học
PHẠM ĐÌNH TIỂU 61
9. Vọng sơn niên phồ,
Phụng dịch : PHẠM QUÍ TRẦM 69
10. Đại-Nam thực-lục chính biên, PHAN-KHOANG 82
11. Tây-Thái-Hậu, Nguyên-tác : VƯƠNG-THỨC 89
12. Giới-thiệu sách báo Sử-Địa 115

Đón đọc *Sử-Địa* số 3.

đặc khảo về TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

Giá : 20 \$

Công sở : giá gấp đôi